

## MỤC LỤC

VI. QUẦN ĐẢO SALUT - ĐẾN QUẦN ĐẢO .....	2
VII. QUẦN ĐẢO SALUT - CHIẾC BÈ TRONG NGÔI MỘ .....	85

## VI. QUẦN ĐẢO SALUT - ĐẾN QUẦN ĐẢO

Mai là ngày chúng tôi phải lên tàu ra Quần đảo Salut. Mặc dầu tôi đã đem hết sức bình sinh ra cưỡng lại số phận, thế mà giờ đây chỉ còn mấy tiếng nữa tôi sẽ bị đưa đến nơi giam hãm suốt đời. Trước hết tôi phải qua hai năm cấm cố ở đảo Saint-Joseph. Tôi hy vọng sẽ làm cho cái biệt hiệu mà tù khổ sai đã đặt cho nó: đảo “ăn thịt người”, không còn đúng nữa.

Tôi sẽ thua cuộc, nhưng không hề có tâm trạng của một kẻ bại trận.

Tôi phải lấy làm mừng là chỉ phải giam hai năm trong cái nhà tù của một trại tù này. Như tôi đã tự hứa, tôi sẽ không để tình trạng hoàn toàn cô độc đưa tôi đến chỗ mất trí. Tôi đã có phương thuốc chống lại nguy cơ đó. Tôi phải thấy trước là tôi sẽ được tự do, lành mạnh như một tù nhân khổ sai bình thường trên quần đảo. Khi ra khỏi nhà cấm cố, tôi sẽ được ba mươi tuổi.

Ở Quần đảo, những vụ vượt ngục hết sức hiếm hoi, tôi biết điều đó. Nhưng dù có thể đếm trên đầu ngón tay, vẫn có những người đã vượt ngục. Thế thì tôi, tôi cũng sẽ vượt ngục đó là điều chắc chắn. Hai năm nữa tôi sẽ trốn khỏi Quần đảo, tôi nhắc đi nhắc lại như vậy với Clousiot đang ngồi cạnh tôi.

- Bướm bướm, anh bạn già của tôi, quả thật khó lòng có thể làm cho anh nản chí, và tôi thật thèm muốn niềm tin mà anh mang trong lòng, niềm tin là chắc chắn một ngày kia anh sẽ được tự do. Đã suốt một năm ròng anh không ngừng vượt ngục, và chưa có lần nào anh từ bỏ ý định. Vừa mới thất bại vụ này anh đã chuẩn bị một vụ khác. Tôi lấy làm lạ rằng ở đây anh không thử làm gì cả.

- Ở đây chỉ có một cách thôi, bạn ạ: tổ chức một cuộc nổi loạn. Nhưng để làm việc đó tôi không có đủ thì giờ nắm vững trong tay

tất cả những con người khó điều khiển này. Tôi đã suýt gây nên một cuộc nổi loạn, nhưng tôi đã thấy sợ bị nó nuốt chửng. Bốn mươi người bị giam ở đây đều là tù khổ sai lâu năm. Con đường của sự thối nát đã cuốn hút họ, họ phản ứng khác chúng ta. Dẫn chúng: “ăn thịt người, hai anh chàng giết người bằng kiếm, lại còn cái người đã bỏ thuốc độc vào xoong xúp nữa: để giết một người, hắn đã không do dự đầu độc luôn bao người khác chưa hề làm gì phương hại đến hắn.

- Nhưng ở quần đảo vẫn sẽ là kiểu người đó.

- Đúng nhưng tôi không sẽ vượt ngục ra khỏi Quần đảo mà không cần đến ai hết. Tôi sẽ ra đi một mình, hay quá lắm, là với một người bạn. Tại sao cậu lại cười mỉa hử Clousiot?

- Tôi cười là vì không bao giờ cậu chịu bỏ cuộc. Ngọn lửa đang thiêu đốt ruột gan cậu, sự nóng lòng được về Paris chia sẻ nợ ra cho ba ông bạn kia, cổ vũ cậu mạnh mẽ đến nỗi cậu không thể thừa nhận rằng những điều mà cậu mong muốn thiết tha đến thế lại có thể không được thực hiện.

- Thôi chào Clousiot, hẹn đến mai. Phải, chúng mình sẽ trông thấy cái Quần đảo Salut chết tiệt ấy. Điều đầu tiên cần phải hỏi là tại sao những hòn đảo giết người ấy lại được gọi là Quần đảo Salut (Quần đảo Cứu vãn)?

Rồi quay lưng lại với Clousiot, tôi nghiêng đầu một chút cho mặt tôi đón lấy gió biển ban đêm.

Sáng hôm sau, từ rất sớm chúng tôi đã được đưa lên tàu để ra Quần đảo. Có cả thảy hai mươi sáu người trên một chiếc tàu thủy trọng tải bốn trăm tấn gọi là chiếc Tanon, một chiếc tàu chuyên chạy ven biển đi đi lại lại như con thoi giữa Cayenne, Quần đảo Saint-Laurent và khứ hồi. Cứ hai người một bị ghép vào nhau bằng sợi xích chân và một đôi khóa tay. Ở phía trước là hai nhóm tám người, mỗi nhóm được bốn tên lính canh cầm súng trường giám sát. Một nhóm mười người ở phía sau với sáu tên lính canh và hai viên chỉ huy đội áp giải. Tất cả đám người ấy đều đứng trên boong của chiếc tàu cũ nát chỉ chực đắm bất cứ khi nào biển động.

Vì đã quyết định sẽ không suy nghĩ trong khi đi đường, tôi muốn bày trò giải trí một chút. Chỉ để làm cho tên giám thị đứng gần tôi nhất bực mình (hắn có một bộ mặt đưa đám), tôi nói với hắn rõ to:

- Với những thứ xiềng xích mà các anh bắt chúng tôi mang, chúng tôi sẽ không có cách gì trốn thoát nếu chiếc tàu mục nát này chìm; điều này rất có thể xảy ra khi biển động.

Đang ngái ngủ, tên gác phản ứng đúng như tôi đã dự tính.

- Chúng mày có chết đuối hết ông cũng đếch cần. Đã có lệnh xích chúng mày lại, chỉ có thể thôi. Trách nhiệm thuộc về những người ra lệnh ấy. Còn chúng tao thì có thể nào cũng không quan hệ gì.

- Xét cho cùng ông nói có lý lắm, thưa ông giám thị, vì có bị xích hay không bị xích thì khi cái quan tài này vỡ dọc đường, tất cả chúng ta đều chìm xuống đáy biển như nhau.

- Ô! - Tên gác đàn độn kia nói, - tàu này đi biển đã lâu lắm rồi mà chưa bao giờ làm sao cả.

- Đúng quá, nhưng chính vì nó đi biển đã quá lâu cho nên đến bây giờ nó đã đến mức sẵn sàng chìm bất cứ lúc nào.

Tôi đã đạt được ý muốn: lay chuyển cái không khí im lặng ở xung quanh đang làm cho tôi bứt rứt. Lập tức đề tài của tôi được tù nhân và giám thị cùng hưởng ứng.

- Đúng, chiếc tàu này đã ọp ẹp đến mức độ nguy hiểm, mà người ta lại xích chúng tôi. Không có xích thì dù sao cũng chút hy vọng.

- Ô! Cũng thế cả thôi. Bọn tao mặc quân phục đi ủng đeo súng thế này, cũng chẳng nhẹ hơn.

- Súng thì không kể, vì hễ tàu đắm có thể bỏ ngay ra, - một người khác nói.

Thấy câu nói ăn khách, tôi cho ra câu thứ hai:

- Xuông cáp cứu đâu cả rồi nhỉ? Tôi chỉ thấy một chiếc rất nhỏ. Quá lắm cũng chỉ được tám người, vừa đủ cho ông thuyền trưởng và đội thủy thủ. Còn những người khác thì đi tong!

Thế là nổ ra một phản ứng hàng loạt, ở một cung bậc rất cao.

- Đúng đấy chẳng có xuông xiếc gì cả, mà cái tàu này thì ọ ẹp đến nỗi người ta phải vô trách nhiệm một cách không thể nào chấp nhận được mới bắt những người có vợ có con phải bắt chấp hiềm nghèo để đi áp giải cái lũ khôn kiếp này.

Vì tôi ở trong nhóm tù đứng ở phía sau, hai người chỉ huy đội áp giải đều đứng gần tôi. Một trong hai người nhìn tôi rồi nói:

- Anh là Bướm bướm ở Colombia mới về phải không?

- Vâng.

- Tôi thấy điều đó không có gì lạ: anh có vẻ thông thạo về nghề hàng hải lắm nhỉ.

Tôi trả lời một cách hờn hỉnh:

- Vâng, cái đó thì tôi thạo.

Câu nói của tôi gây được một không khí rờn rợn.

Vừa lúc ấy viên thuyền trưởng từ trên lầu chỉ huy bước xuống, vì bây giờ chúng tôi vừa ra khỏi cửa sông Maroni, và đó là chỗ nguy hiểm nhất cho nên ông ta phải thân hành cầm bánh lái. Bây giờ ông ta đã trao nó cho một người khác. Vậy thì ông thuyền trưởng, da đen lầy như người Tombouctou, khổ người thấp và mập, mặt còn khá trẻ, cất tiếng hỏi xem những tay đã cưỡi mấy mảnh ván nhỏ xíu giống buồm đến tận Colombia ở đâu.

- Đây tay này, và tay kia nữa đứng bên cạnh, - viên chỉ huy đội áp giải nó.

- Ai là thuyền trưởng? - ông thuyền trưởng lùn nói.

- Thưa ông, tôi ạ.

- Thế thì, với tư cách thủy thủ, tôi có lời ngợi khen anh bạn. Anh chẳng phải là người tầm thường. Tôi có cái này! - Ông ta thọc

tay vào túi áo rồi nói tiếp - Anh hãy nhận lấy gói thuốc lá xanh và mớ lá quần thuốc này. Anh hút để chúc sức khỏe cho tôi đi.

- Cảm ơn ông thuyền trưởng. Nhưng về phần tôi, tôi cũng phải ngợi khen ông đã có đủ can đảm đi biển trên cái quan tài này, hình như mỗi tuần một hai lần thì phải.

Ông ta cười ha hả, làm cho những kẻ tôi đang muốn trêu thấy tức đến tận cổ. Ông ta nói:

- Chà! Anh nói đúng quá! Cái tàu khở này đáng lẽ phải được đưa vào nghĩa địa từ lâu, nhưng bên công ty họ nhất định đợi cho nó chìm để lĩnh tiền bảo hiểm.

Tôi liền kết thúc bằng một câu xỏ xiên:

- Cũng may mà ông và đội thủy thủ còn có được một cái xuống cấp cứu.

- Phải, cũng còn may - ông thuyền trưởng nói một cách thiếu suy nghĩ trước khi mất hút trong cầu thang.

Cái đề tài tranh luận mà tôi đã cố ý nêu ra đã làm cho tôi được khuây khỏa trong hơn bốn tiếng đồng hồ. Ai nấy đều có ý kiến riêng để nói ra, và đến một lúc nào đó, tôi chẳng hiểu bằng cách nào, cuộc bàn cãi đã lan ra đến tận mũi tàu.

Vào khoảng mười giờ sáng, biển không động mấy, nhưng gió không thuận lợi cho chuyến đi. Tàu chúng tôi đi về hướng đông bắc, nghĩa là ngược chiều với sóng và gió, cho nên tất nhiên nó phải tròng trành cả theo chiều ngang lẫn theo chiều dọc hơn mức trung bình. Nhiều tù nhân và giám thị bị say sóng. Cũng may mà người bị xích liền vào tôi chịu sóng giỏi, vì không có gì khó chịu hơn là có một người nôn ọe ngay bên cạnh mình. Anh này là một gã du côn Paris thú thiệt. Anh ta bị đày đến Quần đảo năm 1927. Vậy là đã được bảy năm. Anh ta còn tương đối trẻ, chỉ ba mươi tám tuổi.

- Người ta gọi tôi là Titi la Belote, vì tôi phải nói cho cậu biết rằng bài belote là môn sở trường của tôi. Vả lại ở Quần đảo tôi sống bằng nghề đánh bài này. Belote suốt đêm, mỗi điểm ăn hai francs, Nếu đánh có “loan báo” thì có thể ăn thua rất lớn. Nếu anh

thắng bằng một con bồi hai xu thì người thua phải trả cho anh bốn trăm francs và một ít tiền lẻ cho các điểm khác nữa.

- Nhưng ở Quần đảo sao lắm tiền thế?

- Sao mà chả lắm hử anh bạn Bướm bướm. Ở quần đảo đầy những plans nhét tiền chặt ních. Có người thì đến nơi đã có sẵn, có người thì nhận được tiền qua bọn giám thị với điều kiện chia cho chúng năm mươi phần trăm. Rõ ràng anh còn mới toanh, có vẻ như chưa biết gì cả phải không?

- Đúng, tôi chẳng biết chút gì về Quần đảo. Tôi chỉ biết là ở đây khó vượt ngục lắm.

- Vượt ngục ấy à? - Titi nói. - Thôi đừng nói nữa cho mệt. Tôi ở Quần đảo đã bảy năm, có xảy ra hai vụ vượt ngục, với kết quả là ba người chết và hai người bị bắt. Chưa ai thành công cả. Vì vậy chẳng mấy ai dám cầu may.

- Vừa rồi anh lên đất liền để làm gì?

- Vừa rồi tôi đi chiếu điện xem thử có bị loét dạ dày hay phổi gì không.

- Thế mà anh không cố trốn khỏi bệnh viện à?

- Khéo nói nhỉ! Chính anh đã làm hỏng hết đấy. Papillon ạ. Thế mà vừa rồi tôi lại có cái may mắn rơi đúng vào căn phòng trước kia anh đã trốn đi. Anh cũng thừa hiểu họ giám sát kỹ như thế nào! Cứ mỗi lần ra gần cửa sổ để thở một chút là họ bắt lùi lại ngay. Khi hỏi tại sao thì họ trả lời: “Để phòng trường hợp anh nảy ra cái ý làm như Papillon”.

- Titi này, cái tay cao lớn ngồi bên cạnh viên chỉ huy đội áp giải là ai thế? Một tay chỉ điểm à?

- Anh điên rồi sao? Gã này ai cũng phải quý trọng. Cậu ta vốn là dân trưởng giả, nhưng lại biết xử sự đúng như một tay giang hồ: không đi lại với bọn gác, không tìm cách chiếm vị trí ưu đãi, biết giữ tư cách một người tù khổ sai. Có khả năng mách bạn một lời khuyên tốt, nói chung là một người bạn tốt, rất biết giữ khoảng cách với bọn canh sát. Ngay cả ông linh mục và ông bác sĩ

cũng không sử dụng được cậu ta. Con người gốc gác thì trưởng giả nhưng tư cách thì giang hồ chân chính này là con cháu của Louis XV. Thế đấy anh bạn ạ, đó là một bá tước, một bá tước chính cống, được gọi là bá tước Jean de Bérac. Tuy vậy, khi cậu ta mới đến, ai nấy đều xa lánh, và phải một thời gian rất dài cậu ta mới chinh phục được sự kính nể của mọi người, vì cái tội khiến cho cậu ta bị đầy khổ sai là một trò rất tởm.

- Cậu ta đã làm gì thế

- Ấy, cậu ta đã đứng trên cầu ném thẳng con trai ruột xuống sông, và khi thấy thằng bé rơi xuống chỗ quá cạn, cậu ta đã đủ gan góc xuống bế nó đến ở một chỗ sâu hơn.

- Sao! Như thế là gần như giết thẳng con hai lần còn gì?

- Theo một người bạn của tôi vốn làm kế toán và đã đọc hồ sơ của cậu ta thì cậu ta đã bị giới quý tộc khùng bố. Và mẹ cậu ta đã ném người mẹ của con mình ra đường như một con chó. Cô ấy là một nữ tỳ trẻ tuổi trong lâu đài nhà họ. Theo bạn tôi thì cậu này chịu sự chế ngự của một bà mẹ kiêu ngạo, cậu nệ đã hạ nhục con trai đến cùng cực, đã làm cho cậu ta thấy rằng mình là một bá tước mà đi lại với một con đầy tớ là ô nhục cho cả giòng họ, đến nỗi cậu ta hoang mang quá nói với mẹ thằng bé là mình đưa nó ra cho trại Tế bần nuôi rồi đi ném nó xuống sông: lúc ấy cậu gần như mất trí, cũng chẳng biết mình làm gì nữa.

- Cậu ta bị xử bao nhiêu?

- Mười năm thôi. Papillon ạ, cậu cũng thừa biết cậu ta không phải là một tay như chúng mình. Chắc là bà bá tước phu nhân, người bảo vệ danh dự của giòng giới de Berac, đã làm cho bọn quan tòa hiểu rằng giết con của đầy tớ không phải là một tội quá nặng khi tội nhân là một bá tước muốn cứu vãn thanh danh của gia đình.

- Kết luận?

- Kết luận của tôi, một thằng du đãng Paris hèn mọn, là như sau: về căn bản, bá tước Jean de Bérac này là một anh chàng quý tộc nông thôn đã được giáo dục như thế nào để đi đến chỗ quan



niệm rằng trên đời này chỉ có “dòng máu xanh” (huyết thống quý tộc) là có giá trị, còn mọi thứ khác đều vô nghĩa lý và không có chút gì đáng cho người ta để tâm đến. Những người không phải là quý tộc thì không hẳn là hạng nông nô, nhưng dù sao cũng là những con người không cần đếm xỉa đến. Mẹ cậu ta là một quái vật của sự ích kỷ và sự hợm hĩnh, đã nhào nặn và khủng bố cậu ta đến mức làm cho cậu ta trở thành một kiểu người quý tộc như thế. Chính cuộc sống ở trại khổ sai đã làm cho vị chúa đất ấy, xưa kia vẫn tin rằng mình có đặc quyền thương thức trước tất cả những người con gái trên lãnh địa của mình trong đêm đầu tiên họ đi lấy chồng, nay đã trở thành một người tôn quý thật sự, theo cái nghĩa đúng của từ này. Nói ra nghe cũng ngược đời, nhưng phải đến bây giờ cậu ta mới thực sự là một người quý phái, là một bá tước.

Quần đảo Salut chỉ còn mất giờ nữa sẽ không còn là một cái gì xa lạ đối với tôi như trước nữa. Tôi biết rằng trốn khỏi quần đảo là rất khó. Nhưng không phải là không thể được. Vừa khoái trá hít mạnh gió biển khơi vào lồng ngực, tôi vừa nghĩ: đến bao giờ thì làn gió ngược này sẽ biến thành một làn gió xuôi trong một chuyến vượt ngục?”

Chúng tôi đã đến. Quần đảo kia rồi! Ba cái đảo ấy làm thành một hình tam giác. Đảo Royale và đảo Saint-Joseph làm thành cái đáy. Đảo quý là đỉnh. Mặt trời, lúc bảy giờ đã xé bóng, chiếu vào các đảo những tia sáng rực rỡ mà chỉ có ở vùng nhiệt đới mới có thể chói chang như vậy. Cho nên chúng tôi có thể tha hồ ngắm nghía từng đảo đến những chi tiết nhỏ nhất. Trước hết là đảo Royale với một dải đất cong phẳng lì bao quanh một ngọn đồi tròn cao hơn hai trăm mét. Đỉnh đồi bằng phẳng. Nhìn toàn cục, nó rất giống một cái mũ Mexico đặt trên mặt biển, cái chóp đã bị cát mất, đâu đâu cũng có những rặng dừa rất cao và rất xanh tốt. Những nếp nhà nhỏ nhỏ lọt ngói đỏ làm cho hòn đảo này có một sức hấp dẫn lạ thường, và ai không biết rõ trên đảo có gì chắc sẽ mơ ước được sống trên đảo suốt đời. Trên đỉnh đồi bằng phẳng có đặt một ngọn hải đăng được thấp về đêm để khi sóng to gió lớn tàu bè khỏi đâm vào các tảng đá ở xung quanh. Bây giờ tàu đã đến gần hơn, tôi có thể trông rõ năm tòa nhà lớn và dài.

Nhờ có Titi tôi được biết rằng trước hết đó là hai phòng giam rộng mênh mông chứa đến bốn trăm phạm nhân. Rồi đến khu trấn áp với những căn buồng giam, xà-lim và chuồng sắt, có một bức tường cao vây quanh. Tòa nhà thứ tư là bệnh viện của tù khổ sai và tòa nhà thứ năm là bệnh viện của những người canh gác trại tù. Và rải rác khắp nơi trên các sườn dốc là những ngôi nhà nhỏ, mái lợp ngói đỏ, của các canh sát viên. Xa chúng tôi hơn, nhưng rất gần với mũi nhọn cuối đảo Royale là đảo Saint-Joseph, ít dứa hơn, ít cành lá um tùm hơn, và trên đỉnh cao nguyên là một cái nhà trệt rộng mênh mông mà từ ngoài biển nhìn vào trông rất rõ. Tôi hiểu ngay: đó là nhà tù cấm cố và Titi la Belote cũng xác nhận điều đó. Anh ta chỉ cho tôi xem, ở phía dưới, những tòa nhà của trại tù, nơi giam các phạm nhân bị án bình thường. Các tòa nhà này rất gần biển. Các tháp canh nổi lên rất rõ trên nền trời, với những ổ súng của nó. Rồi lại đến những nếp nhà xinh xắn đóm dáng, tường quét vôi trắng, mái ngói đỏ. Vì chiếc tàu đi vào ngỏ đảo Royale từ phía nam cho nên bây giờ chúng tôi không trông thấy đảo Quý, đảo nhỏ nhất trong cả Quần đảo. Trước đây tôi đã có dịp nhìn thoáng qua đảo này từ xa: đó là một tảng đá khổng lồ mọc đầy dứa, không có công trình xây dựng gì lớn. Vài nếp nhà ven bờ biển, sơn vàng, mái đen mờ hóng. Về sau tôi sẽ được biết rằng đó là nhà ở của những người bị đày vì chính trị.

Tàu chúng tôi đang đi vào bến cảng của đảo Royale, được che kín sóng bằng một cái đập dài làm bằng những khối đá lớn. Công trình này chắc đã phải tốn nhiều sinh mạng của phạm nhân mới xây được.

Sau ba tiếng còi, chiếc Tanon bỏ neo cách bến khoảng hai trăm năm mươi mét. Bến này xây rất chắc bằng xi-măng và bằng đá tảng, chiếm một quãng dài và cao hơn ba mét. Lùi vào phía trong những tòa nhà sơn trắng chạy dài song song với bến. Tôi đọc thấy những dòng chữ sơn đen trên nền trắng: “Trạm gác” - “Sở Dịch vụ thuyền bè” - “Xưởng bánh mì” - “Ban Quản trị cảng”.

Có thể trông thấy mấy người tù khổ sai đang đứng nhìn chiếc tàu. Họ không mặc đồ sọc, mà đều mặc quần dài thường và một thứ blouson trắng. Titi la Belote nói với tôi rằng ở Quần đảo

những người có tiền thì thuê thợ may “may đo” áo quần bằng những cái bao bột đã tẩy sạch chữ: họ có được những bộ áo quần mặc rất thoải mái và trông có phần diện nữa là khác. Hầu như không một người nào mặc đồng phục tù khổ sai.

Một chiếc xuồng đến gần chiếc Tanon.

Một viên giám thị ngồi sau lái; hai tên cầm súng trường ngồi hai bên mạn; ở phía sau là sáu người tù khổ sai, mình trần, quần trắng, đứng chèo bằng những mái chèo rất lớn. Chỉ một lát là ra đến tàu.

Chiếc xuồng của họ kéo theo sau một chiếc thuyền lớn kiểu xuồng cấp cứu của tàu thủy. Cuộc chuyển từ lên bờ bắt đầu. Trước hết mấy viên chỉ huy đội áp giải xuống thuyền và ra ngồi ở phía sau. Rồi hai viên giám thị cầm súng trường đi ra phía trước. Chân được tháo xiềng, nhưng tay vẫn bị khóa, chúng tôi xuống thuyền từng hai người một; mười người trong nhóm tôi, rồi đến tám người trong nhóm đứng ở phía trước tàu. Mấy người chèo thuyền bắt đầu cho thuyền tách khỏi chiếc tàu. Họ còn chờ ra một chuyến nữa để đưa số tù còn lại vào bờ.

Chúng tôi lên bến, xếp hàng trước tòa nhà “Ban Quản trị cảng” và đứng đợi. Trong chúng tôi không có ai có hành lý gì. Chẳng đếm xỉa gì đến bọn cảnh sát, các phạm nhân tại chỗ bô bô nói chuyện với chúng tôi từ một khoảng cách năm sáu mét - đủ để đừng bị bọn cảnh sát tấn công. Nhiều phạm nhân cùng vượt Đại tây dương trên một chuyến tàu với tôi thân ái chào tôi. Cesari và Essari, hai tên cướp đảo Corse mà tôi đã làm quen ở Saint-Martin, cho tôi biết hiện nay họ chèo xuồng cho sở dịch vụ ở cảng. Vừa lúc ấy tôi trông thấy Chapar, bị đày trong vụ Chứng khoán ở Marseille, mà tôi có quen khi anh ta còn được tự do ở Pháp. Không hề e ấp trước mặt bọn lính canh, anh ta nói với tôi:

- Đừng buồn Papillon ạ! Cậu cứ tin ở bạn bè, ở nhà giam cấm cô cậu sẽ không thiếu thứ gì hết. Cậu bị bao nhiêu?

- Hai năm.

- Được, cũng chóng qua thôi, rồi cậu sẽ ra đây với chúng tớ, và sẽ thấy rằng ở đây cũng khá.

- Cám ơn Chapar. Còn Dega ở đâu?

Bác ta làm kế toán ở trên kia. Bác chưa ra đây thì lạ thật. Không gặp được cậu bác ta sẽ tiếc lắm. Vừa lúc đó Galgani đến. Anh ta xăm xăm đi về phía tôi, tên lính ác toan cản, nhưng anh ta cứ đến, nói: “Chẳng lẽ ra ôm hôn anh ruột tôi mà anh cũng cản à? Thật quá quắt. Rồi anh ta ôm hôn tôi, nói: “Cứ tin vào tôi”. Đoạn anh ta lùi ra.

- Anh bây giờ làm gì?

- Đưa thư, giao liên.

- Có ổn không?

- Tôi được yên thân lắm.

Những người tù còn lại đã được đưa hết lên bờ và cho nhập bọn với chúng tôi. Mọi người đều cởi khóa tay. Titi la Belote, de Bérac và mấy người không quen tách ra khỏi nhóm. Một viên giám thị nói với họ: “Nào, lên đường về trại”. Mấy người này có mang theo bị đựng đồ của trại. Họ vác bị lên vai và đi theo một con đường dốc dẫn lên phía trên đảo. Viên chỉ huy Quần đảo đến với sáu viên giám thị. Điểm danh. Viên chỉ huy nhận đủ số tù. Đội áp giải chúng tôi lui ra.

- Kế toán đâu? - Viên chỉ huy hỏi.

- Thưa sếp hần đây.

Tôi thấy Dega đến, mặc một bộ đồ trắng tươm tất, áo vét có nhiều khuy, cùng đi với một viên giám thị; mỗi người cấp một cuốn sách lớn. Cả hai gọi từng người một ra khỏi hàng, theo cách phân loại mới: anh tù cầm cố Jean Mỗ, số tù X, sẽ có số tù cầm cố là Z.”

- Bao nhiêu?

- X năm.

Khi đến lượt tôi, Dega ôm hôn tôi mấy lần liền.

Viên chỉ huy lại gần.

- Anh này là Papillon à?
- Thưa ông chỉ huy vâng, - Dega nói
- Mong anh giữ sức khỏe ở nhà tù cầm cố. Hai năm cũng chóng qua thôi.

### Nhà giam cầm cố

Một chiếc xuồng đã được chuẩn bị sẵn sàng. Trong số mười chín tù nhân cầm cố sẽ có mười người di chuyển trước. Tôi được gọi tên để lên xuồng. Dega thân nhiên nói: “Không, anh này đi chuyển sau”.

Từ khi đến đây tôi đã phải sửng sốt khi nghe cách ăn nói của các tù nhân. Rõ ràng là họ không đếm xỉa đến kỷ luật và có vẻ như chẳng coi bọn cảnh sát ra gì hết. Tôi nói chuyện với Dega lúc bấy giờ đã đến đứng gần tôi. Bác ta đã biết hết chuyện vượt ngục của tôi cũng như những chuyện khác có liên quan đến tôi. Có những người đã tiếp xúc với tôi ở Saint-Laurent có đến Quần đảo và kể lại cho bác biết hết. Bác ta không hề tỏ ý thương xót tôi. Bác ta tệ hơn nhiều. Chỉ một câu thôi nói tự đáy lòng: “Cậu rất xứng đáng thành công. Thôi để lần sau!” Thậm chí bác ta cũng không nói “Can đảm lên”. Bác thừa biết rằng cái đó thì tôi có thừa.

- Tôi làm kế toán trưởng ở đây và có quan hệ rất tốt với ông chỉ huy. Ở nhà giam cầm cố cậu cố gắng có hạnh kiểm tốt. Tôi sẽ gửi cậu ít thuốc lá và thức ăn. Cậu sẽ không thiếu thứ gì đâu. Papillon, đi thôi! - Đã đến lượt tôi.

- Xin chào tất cả. Cảm ơn những lời lẽ chân tình của các bạn.

Tôi xuống thuyền. Hai mươi phút sau, thuyền cặp bến ở Saint-Joseph. Tôi có đủ thì giờ nhận thấy trên thuyền chỉ có ba viên giám thị có súng, trong khi có đến sáu người tù chèo thuyền và mười người tù cầm cố Phối hợp để chiếm lĩnh cái thuyền này chỉ là một trò đùa.

Ở Saint-Joseph, một ủy ban tiếp đón ra nhận chúng tôi. Có hai viên chỉ huy tự giới thiệu: viên chỉ huy trại trường giới của đảo và viên chỉ huy của Nhà giam cầm cố. Chúng tôi được dẫn bộ đi

lên con đường dốc đến nhà giam. Trên đường đi không thấy một người tù nào.

Khi đi vào cửa sắt lớn ở bên trên có mấy chữ Nhà giam cấm cổ trùng giới, người ta có thể hiểu ngay tầm quan trọng của cái phương tiện trấn áp này. Bên trong tám cửa và bốn bức tường cao ở xung quanh, trước hết có một dãy nhà nhỏ có đề: “Ban giám đốc - Quản trị”, rồi ba dãy nhà khác đề A, B, C. Chúng tôi được đưa vào dãy nhà của ban giám đốc. Một gian phòng lạnh lẽo. Khi mười chín người đã được xếp thành hai hàng trong phòng, viên chỉ huy Nhà giam cấm cổ nói với chúng tôi:

- Các phạm nhân cấm cổ, các anh biết rằng nhà này là một nhà trừng giới dành cho những phạm nhân đã bị đầy khổ sai mà lại còn có những hành động phạm pháp. Ở đây người ta không tìm cách cải huấn các anh. Chúng tôi biết rằng việc đó vô ích. Ở đây người ta chỉ tìm cách trấn áp các anh. Chỉ có một nội quy duy nhất: câm mồm. Im lặng tuyệt đối, “gọi điện” là việc rất nguy hiểm, nếu bị bắt gặp sẽ bị phạt rất nặng. Nếu không ốm nặng, chớ đăng ký xin đi khám. Vì nếu khám không thấy có bệnh nặng, các anh sẽ bị phạt rất nghiêm. Đó là tất cả những gì tôi cần nói với các anh. À quên, ở đây nghiêm cấm hút thuốc. Giám thị, hãy lục soát kỹ các phạm nhân, rồi đưa từng người về xà-lim. Charrière, Clousiot và Maturette không được ở cùng một nhà. Ông Santori, ông phải thân hành trông coi việc này.

Mười phút sau tôi bị nhốt vào căn xà-lim dành cho tôi, căn số 234 của dãy nhà A. Clousiot bị giam ở dãy nhà B và Maturette ở dãy nhà C. Chúng tôi đưa mắt từ biệt nhau. Khi bước vào đây, tất cả chúng tôi đều hiểu ngay rằng nếu muốn sống sót mà ra khỏi thì nhất nhất phải tuân theo cái nội quy vô nhân đạo này. Tôi từ giã hai người bạn đường của tôi trong chuyến vượt ngục dài ngày, hai người bạn hào hùng và dũng cảm đã tỏ rõ phẩm chất mình trong khi đi với tôi và không hề bao giờ kêu ca hay hối tiếc những gì họ đã cùng làm bên cạnh tôi. Tim tôi se lại, vì sau mười bốn tháng vật lộn vai kề vai để dành lại tự do, chúng tôi đã vĩnh viễn gắn bó với nhau bằng một tình bạn không bờ bến.



Tôi xem xét căn buồng giam mà họ đã lừa tôi vào. Không bao giờ tôi có thể dự đoán hoặc tưởng tượng rằng một nước như nước Pháp của tôi, vốn là người mẹ của tự do trên trái đất này, là đất nước đã sinh ra Nhân quyền và Dân quyền, lại có thể dựng lên, dù là ở Guyane thuộc Pháp, trên một hòn đảo chơi vơi giữa Đại tây dương, rộng vừa bằng cái mùi-soa bỏ túi, một trại giam có tính chất trấn áp man rợ như cái nhà giam trừng giới ở Saint-Joseph. Cái bạn hãy tưởng tượng một trăm năm mươi căn xà-lim kề cận nhau, giáp lưng nhau, bốn bức tường rất dày chỉ có một cánh cửa sắt nhỏ với cái lỗ ghi-sê của nó. Ở phía trên mỗi ghi-sê đều có dòng chữ đề: “Cấm mở cửa này nếu không có lệnh trên”. Ở bên trái căn buồng là một tấm ván làm giường nằm với một cái gối bằng gỗ, cũng được thiết kế như ở Beaulieu: tấm ván có thể lật lên móc sát vào tường; một tấm chắn; một khối xi-măng xây ở góc trong dùng làm ghế; một cái chổi nhỏ; một cái ca nhà binh, một cái thìa bằng gỗ, một tấm sắt mỏng dựng đứng che một cái xô bằng kim loại buộc vào tấm sắt kia bằng một sợi xích (từ phía ngoài có thể kéo nó ra để đổ, và từ phía trong có thể lôi nó vào để dùng). Buồng cao ba mét, trần là một dãy song sắt rất lớn, mỗi chấn song to bằng một thanh đường ray xe điện, bắt chéo nhau rất dày để không thể có một vật gì hơi to hơn có thể lọt qua. Rồi, cao hơn nữa, là mái của tòa nhà, cách mặt đất khoảng bảy mét. Phía trên bức tường ngăn cách các xà lim quay lưng vào nhau là một con đường đi tuần rộng khoảng một mét, có tay vịn bằng sắt, nhìn thẳng xuống các buồng giam. Hai viên giám thị thường xuyên đi từ đầu đường cho đến giữa đường: ở đây họ gặp nhau và quay trở lại. Tất cả gây thành một ấn tượng rùng rợn. Ánh sáng ban ngày chiếu vào con đường đi tuần đủ sáng. Nhưng ở các buồng giam, dù đang giữa ban ngày, thì tối mờ mờ không nhìn thấy rõ những vật xung quanh. Tôi bắt đầu đi đi lại lại ngay, trong khi chờ đợi họ huýt còi bay ra một hiệu lệnh gì đó không biết để cho phép tù nhân hạ tấm ván xuống mà nằm.

Để khỏi gây tiếng động, tù nhân và lính gác đều đi giày vải. Tôi nghĩ ngay: “ở đây, tại buồng giam 234, Charriere biệt hiệu Bướm bướm, sẽ cố gắng sống mà không phát điên trong thời hạn

hai năm, tức bảy trăm ba mươi ngày. Hắn có bốn phận cải chính cái biệt hiệu “ăn thịt người” của nhà giam cấm cố này. Một, hai, ba, bốn, năm quay đằng sau. Một hai, ba, bốn, năm, quay đằng sau. Tên lính gác vừa đi qua trên nóc tường trước mặt tôi. Tôi không nghe thấy tiếng chân hắn đến, tôi chỉ trông thấy hắn. Tách. Đèn bật lên, nhưng rất cao, treo mãi tận mái trên, cách mặt đất hơn sáu mét. Lối đi tuần được chiếu sáng, các buồng giam vẫn chìm trong bóng tối. Tôi đi đi lại lại, cái quả lắc lại đung đưa. Hãy ngủ yên, hỡi mấy miếng phó-mát của hội đồng bồi thẩm đã xử tôi, các người hãy ngủ yên, vì tôi tin rằng nếu hồi ấy các người biết các người sẽ đưa tôi đến chỗ nào, các người sẽ thấy ghê tởm và sẽ không chịu làm những kẻ đồng lõa với việc thi hành một hình phạt như vậy.

Khó lòng thoát khỏi tình trạng đi lang thang của trí tưởng tượng. Hầu như không thể nào thoát được. Tôi nghĩ nên hướng nó về những đề tài không đến nỗi buồn nản quá thì hơn là cố xua đuổi hắn nó đi. Quả nhiên, hiệu lệnh cho phép hạ ván nằm xuống là một tiếng còi. Tôi nghe thấy một giọng thô lỗ nói:

- Những người mới đến nên biết rằng kể từ bây giờ, nếu muốn, thì có thể hạ ván xuống để nằm.

Tôi chỉ ghi nhớ hai chữ “nếu muốn”. Cho nên tôi tiếp tục đi đi lại lại, giờ phút này quá nghiêm trọng để có thể ngủ. Tôi cần phải tập cho mình quen với cái chuồng hở phía trên này.

Một, hai, ba, bốn, năm... tôi đã nắm vững được ngay cái tiết tấu của quả lắc; đầu cúi xuống, hai tay chấp sau lưng khoảng cách từ bước đi phải thật đều và thật chính xác, như một quả lắc đưa qua đưa lại, tôi đi đi lại lại và cùng tận như một kẻ mộng du. Bước hết năm bước, tôi không cần trông thấy bức tường, áo tôi chỉ chạm nhẹ vào nó khi quay lại cứ thế mãi không hề mệt mỏi trong cuộc đua marathon không có đích mà cũng không cơ thời hạn chấm dứt.

Phải, thật đấy Papi ạ, cái nhà giam “ăn thịt người” không phải là trò đùa. Và khi bóng tên lính gác hất xuống tường, nó gây một hiệu quả thật dễ sợ. Nếu ngẩng đầu lên mà nhìn thì còn nản hơn nữa: người ta có cảm giác mình là một con báo bị nhốt dưới hố,



còn ở phía trên là người đi săn vừa bắt được báo đang nhìn xuống để quan sát nó. Cái ấn tượng thật là hãi hùng, và tôi phải mất đến mấy tháng trời mới quen được.

Mỗi năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày; hai năm là bảy trăm ba mươi ngày, nếu không có năm nhuận. Tôi mỉm cười vì cái ý này. Anh ạ, dù có là bảy trăm ba mươi một thì cũng thế thôi. Tại sao lại cũng thế thôi? Không, không phải cũng thế thôi đâu. Thêm một ngày là thêm hai mươi bốn giờ đồng hồ. Mà hai mươi bốn giờ đồng hồ cũng lâu lắm. Bảy trăm ba mươi lăm hai mươi bốn giờ lại còn lâu hơn nhiều. Tổng cộng lại thì thành bao nhiêu giờ nhỉ? Liệu tôi có đủ sức tính nhẩm ra con số đó không? Làm thế nào tính nhẩm được, chịu thôi. Sao lại chịu? Tính được chứ. Xem nào. Một trăm ngày là hai ngàn bốn trăm giờ. Nhân cho bảy rất dễ trước hết ta có mười sáu ngàn tám trăm giờ. Rồi ta nhân ba mươi ngày còn lại cho hai mươi bốn thành bảy trăm hai mươi giờ. Tổng cộng: một vạn sáu ngàn tám trăm cộng với bảy trăm hai mươi, vị chi là một vạn bảy ngàn năm trăm hai mươi giờ, nếu tôi không nhầm chỗ nào. Thưa ngài Papillon thân mến, ngài có cả thấy một vạn bảy ngàn năm trăm hai mươi giờ để mà giết trong cái chuồng được thiết kế riêng cho thú dữ này, với bốn bức tường nhẵn nhụi của nó. Vậy chứ tôi sẽ ở đây bao nhiêu phút nhỉ? Cái đó chẳng có chút gì thú vị, giờ thì còn được chứ phút thì nghĩa lý gì? Ta không nên cường điệu quá. Tại sao lại không tính cả giây nữa nhỉ? Điều đó quan trọng là phải có cái gì lấp đầy những ngày, những giờ, những phút ấy trong khi tôi sống một mình, tự mình đối diện với mình! Ai bị giam ở buồng bên phải nhỉ? ai ở buồng bên trái? ai ở buồng phía sau? Ba con người đó, nếu trong các buồng giam ấy có người, chắc cũng phải tự hỏi: ai vừa vào buồng 234?

Có một tiếng động mềm của một vật gì vừa rơi xuống ở sau lưng tôi, trên nền xà~lim. Cái gì thế nhỉ? Phải chăng người tù kế cận đã khéo tay vớt cho tôi một vật gì qua hai lần chấn song? Tôi cố nhìn cho ra xem đó là vật gì. Chỉ thấy mờ mờ một cái gì nho nhỏ, dài dài. Tôi đã sắp cầm nó lên, thì cái vật mà trong bóng tối mờ mờ tôi đoán ra được nhiều hơn là trông thấy nó, tự dưng cử động và chạy nhanh về phía tường. Khi nó nhúc nhích, tôi bắt giác

giật mình lùi lại. Đến chân tường, nó bắt đầu leo lên một quãng rồi tuột xuống đất. Bức tường nhẵn nhụi đến nỗi vật kia không thể bám đủ chặt để leo lên. Tôi để cho nó thử leo lên tường ba lần, rồi đến lần thứ tư, khi nó rơi xuống, tôi giẫm mạnh chân lên. Dưới lớp giày vải tôi thấy mềm mềm. Cái gì thế nhỉ? Tôi quỳ xuống để nhìn cho thật sát, và cuối cùng tôi đã nhìn ra được: đó là một con rết khổng lồ, dài hơn hai mươi phân, thân rộng bằng hai ngón tay cái. Tôi thấy tởm lợm đến nỗi không dám nhặt nó lên để bỏ vào xô. Tôi dùng chân đẩy nó vào gầm ván. Đến mai hãy xem cho sáng. Về sau tôi sẽ còn đủ thì giờ trông thấy nhiều rết nữa; nó rơi từ cái mái nhà rộng ở trên kia. Tôi sẽ phải học cách để cho nó bò trên thân thể để trần của tôi, không bắt, cũng không động đến nó nếu tôi đang nằm. Tôi cũng sẽ có dịp biết rõ rằng những khi nó đang bò trên người, chỉ một sai lầm nhỏ về chiến thuật thôi cũng bắt người ta phải trả giá bằng những cơn đau đớn dữ dội đến thế nào. Một mũi đốt của con vật kinh tởm này đủ làm cho anh sốt nặng trong hơn mười hai tiếng đồng hồ và làm cho đau nhức khủng khiếp trong gần sáu tiếng đồng hồ.

Dù sao chẳng nữa nó vẫn có thể được dùng như một phương tiện giải trí, một lối thoát cho những ý nghĩ của tôi. Về sau mỗi khi có một con rết rơi xuống trong khi tôi đang thức, tôi thường lấy cái chổi con trêu chọc nó, vật lên vật xuống thật lâu, hoặc bày trò chơi với nó bằng cách để cho nó chạy đi nắp và một lát sau tôi tìm cách phát hiện ra nó.

Một, hai, ba, bốn, năm... Xung quanh im lặng hoàn toàn. Ở đây không ai ngáy thì phải? Không ai ho hay sao? Trời nóng nực đến ngạt thở. Thế mà bây giờ đang là ban đêm! Còn ban ngày thì phải nóng đến thế nào nữa? Số tôi là phải sống với rết hay sao ấy. Khi nước thủy triều lên ngập cái buồng giam ở Santa Marta, rết vào từng mớ, nó nhỏ hơn nhưng cũng là cùng một dòng họ với lũ rết ở đây. Ở Santa Marta quả tình ngày nào cũng bị ngập lụt, nhưng người ta được nói, được hét, được nghe tiếng hát hoặc tiếng hú và nghe những câu nói lảm nhảm của những người điên tạm thời hay vĩnh viễn. Chẳng phải như thế này. Nếu được chọn tôi sẽ chọn Santa Marta. Chà, anh nói thế là phi lô-gích mất rồi, Papi ạ.

Ở đây, mọi người đều nhất trí nói rằng thời hạn tối đa mà một con người có thể chịu đựng được là sáu tháng. Thế mà ở đây có nhiều người phải giam đến bốn năm năm hoặc hơn nữa. Người ta bắt họ phải chịu đựng như. Vậy là là một chuyện; còn họ có chịu đựng được không lại là chuyện khác. Có bao nhiêu người tự tử. Tôi cũng chẳng biết người ta làm cách gì để tự tử nữa. À cũng có cách. Chẳng dễ gì đâu, nhưng người ta có thể tự tử bằng cách thắt cổ chẳng hạn. Người ta xé quần ra làm một sợi dây. Buộc cái chổi con vào một đầu dây rồi leo lên tám ván, người ta có thể ném sợi dây qua chấn song. Nếu buộc dây sát vào bức tường có lối đi tuần ở phía trên, chắc tên lính gác sẽ không trông thấy sợi dây. Đứng vào lúc hán vừa đi qua, anh cứ việc nhảy ra khỏi tám ván và lủng lẳng trên không. Khi tên lính gác quay lại thì anh đã đi rồi. Vả chẳng chắc hán cũng chẳng vội vàng gì mà chạy nhanh xuống mở buồng giam cho anh. Mở cửa buồng ư. Hán không thể mở được. Trên cánh cửa đã có đề: “Cấm mở cửa này nếu không có lệnh trên”. Vậy thì anh đừng sợ gì hết, người nào muốn tự tử sẽ có đủ thời gian cần thiết trước khi có người mở cửa vào buồng giam theo “lệnh trên”.

Tôi tả lại tất cả những điều trên đây, có lẽ không lấy gì làm sinh động và lý thú đối với những người thích nghe chuyện hành động và đánh nhau. Những người này có thể bỏ qua mấy trang nếu thấy chán. Tuy nhiên, những ấn tượng đầu tiên, những ý nghĩ đầu tiên này ồ ạt đến với tôi khi tôi tiếp xúc lần đầu với cái buồng giam mới, những phản ứng đầu tiên này khi tôi bị đưa xuống nhà mồ, tôi nghĩ rằng tôi phải miêu tả nó một cách thật trung thành.

Tôi đi đi lại lại như thế này đã lâu lắm rồi. Tôi nghe có tiếng thềm thì trong đêm khuya: họ đổi gác. Tên lính gác phiên trước là một gã cao lớn và khảng khiu tên đến thay phiên thì lùn và mập. Hán vừa đi vừa kéo lê đôi giày vải. Khi hán đến cách tôi chỉ còn hai buồng giam, tôi có thể nghe thấy tiếng giày vải hán sột soạt và đến khi hán đi qua hai buồng giam mới không nghe thấy gì nữa. Hán không im lặng một trăm phần trăm như thằng bạn đồng ngũ của hán. Tôi tiếp tục đi đi lại lại. Bây giờ chắc đã khuya lắm rồi.

Không biết mấy giờ rồi nhỉ? Đến mai tôi sẽ không thiếu phương tiện để đo thời gian. Mỗi ngày cái ghi-sê phải mở bốn lần: nhờ đó tôi sẽ đại khái biết được giờ giấc. Còn ban đêm thì nhờ biết giờ phiên gác đầu tiên và biết thời hạn của mỗi phiên, tôi sẽ có thể sống với một cách đo lường thời gian xác định: phiên thứ nhất, phiên thứ hai, phiên thứ ba...

Một, hai, ba, bốn, năm... Như một cái máy, tôi lại bắt đầu cuộc đi dạo vô tận, và nhờ trợ lực của sự mệt mỏi, tôi cất cánh một cách dễ dàng để trở về lục lọi trong dĩ vãng. Chắc chắn là do sự tương phản với bóng tối trong xà-lim, tôi bay ra giữa nắng ngời trên bãi biển của bộ lạc tôi. Chiếc thuyền mà Lali dùng để đi vớt ngọc trai đang đứng đưa cách tôi hai trăm mét trên mặt biển tuyệt vời màu xanh ngọc thạch. Hai chân tôi đi đi trên cát. Zoraima đem lại cho tôi một con cá lớn nướng trên than hồng, gói kỹ trong một tàu lá chuối cho khỏi nguội. Tôi ăn bằng mấy ngón tay, dĩ nhiên, còn Zoraima thì ngồi xếp bằng trước mặt tôi nhìn tôi ăn. Cô ta rất vui mừng khi thấy những mảnh thịt to tách ra khỏi con cá một cách dễ dàng và đọc thấy trên gương mặt tôi vẻ khoái trá trong khi ăn cái món ngon lành mà cô đã dọn cho tôi.

Tôi không còn bị nhốt nữa. Tôi không hề biết đến Nhà giam cầm cố, Saint-Joseph, Quần đảo gì nữa. Tôi lăn lóc trên cát, vục hai tay vào lớp cát cho sạch, lớp cát làm bằng những mảnh vụn san hô mịn đến nỗi tôi có cảm giác như vục tay vào bột. Rồi tôi lội xuống biển để súc miệng bằng thứ nước trong vắt và mặn chát ấy. Tôi lấy hai tay múc nước phả lên mặt. Trong khi rửa cổ tôi nhận ra rằng tóc tôi đã dài lắm. Khi nào Lali về tôi sẽ bảo nàng cạo cổ cho tôi. Tôi qua đêm với bộ lạc của tôi. Tôi mở cái kho của Zoraima, và trên cát, giữa nắng, dưới làn gió biển, tôi chiếm hữu nàng. Nàng khẽ cất những tiếng rên si mê như nàng vẫn làm những khi nàng thấy khoái lạc. Có lẽ gió đưa đến tận tai Lali khúc nhạc yêu đương này. Dù sao thì Lali không phải không nhìn thấy chúng tôi và thấy cái tư thế của chúng tôi, chỗ nàng có xa xôi gì đâu mà không thấy rõ chúng tôi đang làm tình. Đúng thế, hẳn là nàng đã trông thấy, vì chiếc thuyền đang đi về phía bờ, nàng tươi cười bước xuống đất. Trên quãng đường về nàng đã tháo các bím tóc ra và

lấy mười ngón tay thon và dài chải mái tóc ướt đang bắt đầu khô dần trong làn gió và trong ánh nắng của cái ngày tuyệt đẹp này. Tôi đi về phía nàng. Nàng lấy tay phải quàng lưng tôi và đẩy tôi đi trên bãi cát về phía nếp nhà tranh của chúng tôi. Suốt dọc đường đi, nàng không ngớt bày tỏ cho tôi hiểu: “Cả em nữa, cả em nữa”. Về đến nhà, nàng xô tôi xuống một chiếc võng len đã gấp lại trải xuống đất làm đệm, và trong nàng, tôi quên rằng thế giới tồn tại. Zoraima rất thông minh, nàng chỉ về khi ước chừng chúng tôi đã xong. Nàng vào nhà khi chúng tôi hãy còn nằm trần truồng trên đệm, thỏa mãn no nê vì ái ân. Nàng đến ngồi với chúng tôi, lấy lòng bàn tay vả vả lên hai má của chị, miệng nhắc đi nhắc lại mấy tiếng gì chắc chắn phải có nghĩa đại khái là “đồ tham ăn”. Rồi với một cử chỉ trinh bạch và đầy tình triu mến, nàng sửa lại cái khổ của tôi và cái của Lali cho ngay ngắn. Suốt đêm hôm ấy tôi đã sống ở Guajira. Tôi tuyệt nhiên không ngủ một chút nào. Thậm chí tôi cũng không nằm xuống để nhắm mắt lại mà hồi tưởng những cảnh đã sống qua. Ngay trong khi đi đi lại lại không ngừng trong một trạng thái gần như thôi miên, không cần phải vận dụng ý chí một chút nào, tôi đã vượt qua không gian và thời gian để trở về sống lại cái ngày đẹp tuyệt vời đã qua cách đây gần sáu tháng.

Đèn đã tắt, và có thể thấy rõ ngày mới đang tràn vào bóng tranh tối tranh sáng của căn xà-lim, xua tan thứ sương mù lạnh bệnh đang bao bọc mọi vật xung quanh tôi. Một tiếng còi huýt lên. Tôi nghe tiếng những tấm ván nằm chạm vào tường, và cả tiếng cái móc của người ở buồng bên phải chạm vào cái vòng sắt gắn vào tường. Người ở buồng bên ho, và tôi nghe có tiếng một ít nước giội xuống nền nhà. Sao, ở đây cũng được rửa mặt nữa à?

- Thưa ông giám thị, ở đây rửa mặt thế nào ạ?

- Phạm nhân, vì anh không biết cho nên tôi tha cho anh lần này. Không được nói gì với lính gác: nếu vi phạm điều lệnh này sẽ bị phạt nặng. Muốn rửa mặt, đứng ngay chỗ bô một tay cầm hũ nước, tay kia hứng mà rửa. Anh chưa giở chăn ra phải không?

- Chưa.

- Trong chăn có một cái khăn mặt.

Đến thế thì thật! Không được phép nói với lính gác vì bất cứ lý do gì? Thế nếu mắc phải chứng gì đau quá thì sao? Nếu sắp chết đến nơi: một cơn đau tim, đau ruột thừa, một cơn suyễn quá mạnh, thì sao? Chẳng lẽ ở đây cấm cả việc kêu cứu khi lâm vào một tình cảnh nguy hiểm chết người? Vô nhân đạo đến thế là cùng! Nhưng không, như thế là bình thường. Nếu không, tù nhân có thể quấy phá, làm ồn ã lên một cách quá dễ dàng khi thần kinh không chịu nổi nữa. Dù chỉ để nghe tiếng người, dù chỉ để người ta nói với mình một câu, dù câu đó chỉ là: “Chết thì chết đi, nhưng phải cầm mồm lại!”. Cũng sẽ có vài chục người trong số hai trăm năm mươi tù nhân bị giam ở đây, mỗi ngày vài chục lần, bày chuyện gây ra bất cứ cuộc cãi vã nào để cho thoát bớt sức hơi ép trong óc họ như qua một cái xúp-páp!

Người đã có cái ý xây những chuồng cọp này không thể là một bác sĩ tâm bệnh học được: một người thầy thuốc không đời nào lại tự hạ mình làm một việc nhơ nhuốc đến như vậy. Nội quy của nhà giam này cũng không phải do một bác sĩ thảo ra. Nhưng hai con người đã cùng nhau tạo nên cái nhà tù này, người kiến trúc sư cũng như người viên chức đã dự tính một cách chi li những chi tiết của nhà tù, họ quả thật là hai con quái vật đáng ghê tởm, hai nhà tâm lý học tồi bại và độc ác tràn đầy một lòng căm thù xa đích đối với các phạm nhân.

Từ những căn buồng giam của khám trung tâm ở Beaulieu, ở Canen tuy sâu như vậy, hai tầng hầm phía dưới mặt đất, vẫn còn có thể vọng ra ngoài, đến tai công chúng, những tiếng vang xa xăm của những cực hình mà các phạm nhân phải chịu đựng. Chúng có lẽ hồi ấy, khi người ta tháo khóa tay cho tôi tôi đã thấy rõ ràng vẻ sợ hãi trên mặt bọn lính gác: chắc chắn là họ sợ bị phiền hà, bị trừng trị. Nhưng ở đây, trong nhà giam cấm cố này, nơi mà chỉ có bọn viên chức trong ban quản trị mới vào được, họ rất yên tâm họ không bao giờ có thể bị phiền hà gì hết.

Clac, clac, clac, clac, - người ta mở tất cả các ghi-sê. Tôi đến cạnh ghi-sê của tôi, đánh liều dòm ra ngoài, rồi tôi thò đầu ra một chút, và sau đó thò hết cả cái đầu ra ngoài hành lang. Bên phải cũng như bên trái tôi đều trông thấy cả một dãy đầu thò ra. Tôi



hiếu ngay rằng hễ ghi-sê được mở thì mọi người đều lập tức thò đầu ra ngoài. Người bên phải nhìn tôi mà mắt tuyệt nhiên không biểu hiện một cảm nghĩ gì. Chắc đã đỡ dần đi vì thói thủ dâm. Hấn xanh xao phờ phạc, mặt phỉ ra, gương mặt dần dần, u mê. Người bên trái hỏi tôi rất nhanh: “Bao nhiêu?”

- Hai năm.

- Tớ bốn. Mới được một. Tên gì?

- Papillon.

- Tớ, Georges, Jojo l' Auvergnat. Cậu bị ở đâu?

- Paris, còn cậu?

Người kia chưa kịp trả lời: suất cà-phê và ổ bánh mì tròn đã được đưa đến cách đây hai buồng. Hấn thụt đầu vào. Tôi cũng làm như thế. Tôi giờ cái ca ra. Họ rót cà-phê vào rồi đưa một ổ bánh mì tròn. Vì tôi đưa tay ra đón ổ bánh mì hơi chậm, khi cửa ghi-sê sụp xuống thì ổ bánh mì của tôi lăn xuống đất. Không đầy mười lăm phút sau im lặng đã trở lại. Chắc mỗi hành lang phải có một tốp đi phát bữa sáng, chứ không thì không thể nhanh như vậy. Đến giữa trưa có món xúp bô một miếng thịt hầm. Buổi chiều, một đĩa đậu ván xào. Cái thực đơn ấy trong suốt hai năm chỉ thay đổi trong bữa ăn chiều: đậu ván, đậu đỏ, đậu chiên, đậu đũa, đậu trắng và cơm xào. Bữa trưa thì lúc nào cũng chỉ có thế.

Cứ mười lăm ngày một lần, chúng tôi thò đầu ra ngoài ghi-sê, và một người tù khổ sai dùng một cái tông-đơ răng dày của thợ cắt tóc để cắt râu cho chúng tôi.

Tôi ở đây đã được ba ngày. Có một điều làm cho tôi bận tâm. Ở đảo Royale, các bạn tôi có nói là sẽ gửi thuốc lá và thức ăn cho tôi. Tôi chưa nhận được thứ gì, vả lại tôi cũng băn khoăn không hiểu nổi họ làm thế nào để có thể thực hiện được một việc thần kỳ như vậy.

Cho nên tôi không lấy làm lạ khi không thấy có gì gửi đến. Hút thuốc lá chắc phải rất nguy hiểm, và dù sao đó cũng là thứ xa xỉ. Ăn thì hẳn là chuyện sống còn, vì xoong xúp trong bữa ăn trưa chỉ là một ít nước nóng lều bều vài nhúm rau xanh và một miếng

thịt hầm chỉ độ một trăm gam. Buổi chiều chỉ có một đĩa đựng nước xào sền sệt, lúa thừa mấy hạt đậu hay mấy thứ rau quả khô. Nói thật, tôi không nghi ngờ ban quản trị cho tù ăn kém bằng nghi ngờ bọn tù nhân chuyên việc nấu ăn hay phân phát thức ăn. Tôi nảy ra cái ý này trong bữa chiều, khi một người tù quê ở Marseille bắt đầu vào đĩa thức ăn. Cái muôi của anh ta vục xuống tận đáy thùng, cho nên trong suất của tôi đậu bao giờ cũng nhiều hơn nước. Nếu những người khác đưa bữa ăn chiều thì ngược lại họ chỉ hót phía trên sau khi ngoáy ngoáy cái muôi một chút. Do đó nhiều nước mà ít đậu. Tình trạng thiếu dinh dưỡng này cực kỳ nguy hiểm. Muốn có đủ sức mạnh tinh thần để giữ vững ý chí, cần phải có ít nhiều sức mạnh thể chất.

Lúc này người ta đang quét ngoài hành lang. Tôi có cảm giác là người ta quét ở trước buồng giam của tôi hơi lâu quá. Tiếng chổi quét mãi vào cánh cửa buồng tôi một cách không bình thường. Tôi nhìn kỹ thì thấy một mẩu giấy trắng thò ra ở phía dưới cánh cửa. Tôi hiểu ngay rằng người ta đã tuồn một cái gì dưới cánh cửa nhưng không thể tuồn vào sâu hơn được. Người ta đợi cho tôi rút mẩu giấy vào rồi mới quét sang chỗ khác. Tôi mở mẩu giấy ra. Có mấy dòng chữ viết bằng mực dạ quang. Tôi đợi cho tên lính gác đi qua rồi đọc vội: “Papi, kể từ mai trong bộ của anh mỗi ngày sẽ có năm điếu thuốc lá và một quả dứa. Khi ăn dứa phải nhai thật kỹ thì mới bổ. Nhớ nuốt cả bã. Hút thuốc vào buổi sáng khi họ đổ bộ. Không bao giờ được hút sau bữa cà-phê sáng, phải hút trong bữa ăn trưa ngay sau khi ăn, và buổi chiều cũng vậy. Kèm theo đây có một mẩu ruột bút chì. Mỗi khi cần dùng thứ gì, cứ viết vào mẩu giấy kèm theo đây, khi người quét hành lang quét chổi vào cánh cửa, hãy dùng ngón tay cào vào cửa. Nếu người kia cũng cào lại thì tuồn mẩu giấy ra. Đừng bao giờ tuồn mẩu giấy trước khi hấn cào lại để trả lời anh. Hãy để mẩu giấy vào tai để khỏi rút plan ra, còn mẩu ruột bút chì thì có thể để bất cứ chỗ nào ở chân tường. Can đảm lên. Các bạn hôn anh. Ignace, Louis”.

Người gửi cho tôi bức thông điệp này là Galgani và Dega. Tôi thấy nghẹn ngào ở cổ và một hơi ẩm tràn đầy trong ngực; có được những người bạn trung thành, tận tụy như vậy thật là ấm áp. Và



bước đi của tôi: một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay, càng thêm vững vàng và nhanh nhẹn, với một niềm tin lớn hơn vào tương lai, một niềm tin tưởng chắc chắn rằng mình sẽ còn sống cho đến khi ra khỏi cái phần mộ này. Và tôi vừa đi vừa nghĩ: trong hai con người ấy có bao nhiêu là tình cảm cao thượng, có biết bao nhiêu ý chí muốn làm điều tốt. Chắc chắn là họ đã tự đặt mình vào một tình thế rất nguy hiểm: một người có thể mất chân kế toán, người kia mất chân liên lạc. Việc họ đang làm để giúp tôi thật là vĩ đại, chưa kể là họ phải tốn biết bao nhiêu tiền mới làm được như thế. Họ đã phải mua biết bao nhiêu người để với tay đến tận buồng giam của tôi trên cái đảo Royale “ăn thịt người”.

Bạn đọc cần hiểu rõ rằng một quả dừa khô chứa rất nhiều dầu trong cái cùi dòn và trắng của nó. Chỉ cần nạo sáu quả dừa ngâm vào nước nóng thì một ngày sau trên mặt nước có thể vớt được một lít dầu. Thứ dầu này là một chất béo mà với chế độ ăn của chúng tôi người ta rất cần, nó chứa nhiều thứ sinh tố. Mỗi ngày một cái cùi dừa là gần đủ bảo đảm cho sức khỏe. Ít nhất người ta cũng không thể lâm vào tình trạng mất nước, cũng không thể chết vì suy dinh dưỡng. Đã hai tháng ròng tôi nhận được tiếp tế về thức ăn và thuốc hút mà không xảy ra chuyện gì cả. Mỗi lần hút thuốc tôi đều đề phòng cẩn thận như người Sioux: tôi nuốt khói vào thật sâu rồi nhả ra từ từ, vừa nhả vừa xòe bàn tay phải ra như cái quạt để xua cho khói tan đi.

Hôm qua vừa xảy ra một chuyện hơi lạ. Tôi không biết là tôi đã hành động đúng hay sai. Một tên lính gác đi trên đường tuần tra đã chống tay vào thanh vịn nhìn xuống buồng giam tôi. Hắn châm một điếu thuốc, hút vài hơi rồi để nó rơi xuống buồng giam tôi. Sau đó hắn lại đi tuần. Tôi đợi cho hắn trở lại rồi lấy chân chà lên điếu thuốc, sao cho hắn có thể trông thấy rõ. Bước hắn đi hơi ngưng lại một chút, nhưng không lâu: khi đã thấy rõ cử chỉ vừa rồi của tôi, hắn lại đi ngay. Có phải hắn thương hại tôi, hay thấy xấu hổ cho cái ban quán trị của hắn? Hay đây chỉ là một cái bẫy? Tôi không biết cho nên rất băn khoăn.

Khi người ta khô, người ta trở nên hết sức nhạy cảm.

Nếu tên giám thị vừa rồi đã có ý muốn làm một người tốt bụng dù cái ý ấy chỉ được một vài giây, tôi cũng rất lấy làm tiếc vì đã làm hấn phiền lòng với cái cử chỉ khinh miệt của tôi.

Tôi ở đây thế là đã hơn hai tháng. Cái nhà giam cầm cố này là nhà giam duy nhất mà theo tôi trong đó không có gì có thể học được. Vì không thể có một cách dàn xếp nào hết. Tôi đã luyện tập được rất kỹ cái khả năng phân thân. Tôi có một chiến thuật có hiệu quả chắc chắn. Để đi lang thang giữa các vì sao với một cảm giác hiện thực thật cao, để dễ dàng thấy hiện ra những thời đoạn khác nhau trong dĩ vãng của cuộc đời giang hồ phiêu bạt của tôi hay của thời thơ ấu, hoặc giả để xây những tòa lâu đài ở Tây Ban Nha hiện rõ y như thật, lúc đầu tôi đã phải tốn rất nhiều sức. Tôi phải đi đi lại lại không ngớt mấy giờ đồng hồ liền, không ngồi xuống, không dừng lại, vừa đi vừa nghĩ bình thường về bất cứ vấn đề gì. Rồi đến khi thật mệt mỏi tôi mới nằm lên tám ván, gối đầu lên một nửa tấm chăn, còn nửa kia thì đắp lên mặt. Bảy giờ làn không khí đã thừa thớt của phòng giam đi vào miệng tôi và mũi tôi một cách khó khăn vì bị tám chăn lọc một lần nữa. Điều đó nhằm gây ra trong phổi tôi một tình trạng gần như ngạt thở khiến đầu tôi thấy nhức và nóng.

Trong trạng thái thiếu không khí và ngột ngạt vì nóng bức, tôi đột ngột thấy mình bay bổng lên. Ôi! Những cuộc phi hành của linh hồn ấy đã đem lại cho tôi bao nhiêu là cảm giác khôn tả. Tôi đã có được những đêm ân ái mà cảm giác còn mạnh hơn cả khi tôi được tự do, say sưa hơn, có sức chấn động hơn những cảm giác thật của những đêm ân ái mà tôi đã thực sự trải qua. Phải, cái khả năng du hành trong không gian ấy cho phép tôi ngồi bên cạnh mẹ tôi, người đã chết cách đây mười bảy năm. Tôi mân mê tà áo của người, và người vuốt ve những mớ tóc quăn của tôi mà người bắt để rất dài hồi tôi mới năm tuổi, làm như thể tôi là con gái. Tôi vuốt ve mấy ngón tay thon và dài, da mịn như tơ. Người cùng cười với tôi khi thấy nảy ra cái ý muốn gan góc được lao xuống sông như tôi đã thấy những cậu con trai lớn tuổi hơn làm, vào một ngày hai mẹ con đi dạo với nhau. Những chi tiết nhỏ nhất nhất trong cách chải tóc của người, niềm thương mến có sức tỏa hào quang của đôi mắt

sáng lóng lánh của người, những lời lẽ dịu dàng khó quên của người: “Riri bé bỏng của mẹ, con hãy ngoan, thật ngoan nhé, để mẹ con thương con thật nhiều. ít nữa rồi con cũng sẽ nhảy được xuống nước từ rất cao, rất cao. Còn bây giờ thì con còn bé quá, cục vàng của mẹ ạ Ngày ấy sẽ đến rất nhanh, quá nhanh nữa là khác, cái ngày mà con sẽ thành một chàng trai to khỏe”.

Và mẹ tôi dắt tay tôi đi dọc bờ sông về nhà Tôi thực sự đang sống trong ngôi nhà của thời thơ ấu của tôi. Thực sự đến nỗi tôi đưa hai tay bịt mắt mẹ tôi để người không đọc được nốt nhạc nhưng vẫn tiếp tục chơi piano cho tôi nghe. Tôi đang ở nhà thật chứ không phải tưởng tượng. Tôi đang ở nhà với mẹ, tôi leo lên một chiếc ghế tựa đặt ở phía sau chiếc ghế quay mẹ tôi đang ngồi, và tôi đưa hai bàn tay nhỏ bé lên bịt mắt mẹ tôi thật mạnh, để cho đôi mắt to và hiền của người đừng trông thấy gì. Mấy ngón tay thon nhẹ của người vẫn tiếp tục lướt trên các phím đàn đánh cho tôi nghe bài Nàng quả phụ vui tươi cho đến hết.

Dù là tên công tố viên vô nhân đạo, hay là những tên cảnh sát mà sự lương thiện đáng cho người ta ngờ vực, hay là Polein, tên khốn kiếp đã chịu mặc cả để mua lấy tự do bằng một lời khai gian dối, hay là mười hai miếng phó-mát đã ngu xuẩn theo đuôi bản cáo trạng và cách thuyết minh sự việc của bên nguyên, hay là những tên lính gác ở nhà giam cấm cố, những cộng tác viên xứng đáng của cái ngục “ăn thịt người”, không có ai, tuyệt đối không có ai, và cũng không có cái gì, kể cả những bức tường dày và cái khoảng cách xa xôi của hòn đảo mát hút giữa Đại tây dương này, tuyệt nhiên không có một cái gì thuộc phạm trù tinh thần hay vật chất có thể ngăn cản nổi những cuộc du hành nhuộm màu hồng tuyệt vời của hạnh phúc khi tôi cất cánh bay bổng lên các vì sao.

Tôi đã sai lầm: khi tính thời gian phải một mình đối diện với bản thân, tôi chỉ nói đến thời gian bằng đơn vị giờ.

Đó là một sai lầm. Có những lúc phải đo thời gian bằng đơn vị phút. Chẳng hạn, sau buổi phân phát cà-phê và bánh mì là giờ đồ bộ - sau đó khoảng một tiếng đồng hồ. Khi người ta trả cái bộ sạch tôi sẽ nhận được quả dừa, năm điều thuốc lá và đôi khi cả

một mảnh giấy viết chữ lân tinh. Những lúc ấy - không phải bao giờ cũng thế, nhưng rất nhiều khi như thế - tôi đếm từng phút một. Làm như thế cũng khá dễ dàng vì tôi điều chỉnh thân thể tôi thành một quả lắc, cứ năm bước, lúc quay trở lại, tôi nhắm đếm: một. Đếm đến mười hai thì được một phút. Có điều là xin các bạn chớ tưởng rằng tôi lo lắng muốn biết rồi mình có được ăn cái cùi dừa, vốn chính là sự sống của tôi, có được hưởng cái thú vô biên là đang ở trong cái hầm mộ này mà lại được hút thuốc mười lần trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ (vì mỗi điếu thuốc lá tôi hút làm hai lần) hay không.

Không phải thế; vào giờ nhận cà phê, và tuy không có lý do gì đặc biệt, tôi cũng sợ rằng có một việc gì đã xảy ra với những người đang hy sinh sự yên tĩnh của mình để giúp tôi một cách hào phóng như vậy. Cho nên tôi chờ đợi, và đến khi trông thấy quả dừa tôi mới thở phào yên tâm. Quả dừa có đó, như thế có nghĩa là họ vẫn yên ổn.

Chậm chậm, rất chậm, những giờ, những ngày, những tuần, những tháng trôi qua. Rồi đến một lúc nào đó, tỉnh lại thấy mình đã ở đây được gần một năm.

Đúng mười một tháng và hai mươi ngày tôi chưa được nói chuyện với ai hơn bốn mươi giây, mà cũng chỉ nói nhát gừng, và nói thầm thì, chứ không thành tiếng. Tuy vậy có một hôm tôi cũng đã dự một cuộc đối thoại to tiếng. Hôm ấy tôi bị cảm và ho nhiều. Nghĩ rằng như vậy cũng đủ để xin đi khám, tôi liền báo cáo ốm. Bác sĩ đã đến. Trước sự kinh ngạc của tôi, cái ghi-sê mở ra. Trong cái khung hẹp ấy thấy hiện ra một cái đầu.

- Anh làm sao? Anh đau gì? Phế quản à? Quay lưng lại. Ho đi.

Kìa, sao lạ thế nhỉ. Người ta đùa chăng? Thế nhưng đó lại là sự thật một trăm phần trăm. Một ông thầy thuốc xứ thuộc địa đã đến chẩn bệnh qua một cái ghi-sê, bảo tôi quay lưng lại đứng cách cánh cửa một mét, và ghé tai vào lỗ để nghe phổi tôi. Rồi ông ta lại nói: "Thò tay ra". Tôi toan làm theo như cái máy, thì do một thứ tự trọng nào đấy, tôi nói với cái ông thầy thuốc quái dị này: "Cám ơn

bác sĩ, phiền bác sĩ quá nhỉ. Thôi không cần. Chẳng ích gì đâu”. Ít nhất tôi cũng có đủ bản lĩnh để tỏ ra cho hắn hiểu rằng tôi không tưởng lầm là cái kiểu chán bệnh của hắn có chút gì nghiêm chỉnh.

- Tùy anh, - hắn đã có đủ vô liêm sỉ để trả lời như vậy. Rồi bỏ đi. Cũng may, vì chỉ chút nữa tôi đã nổ tung ra vì phẫn nộ..

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Tôi đi đi lại lại, đi đi lại lại mãi, không mệt, không dừng lại, và hôm nay tôi đi đi lại lại một cách giận dữ, hai chân tôi căng thẳng chứ không buông lơi một cách thư thái như thường lệ. Đường như sau sự việc vừa xảy ra, tôi cần phải xéo nát một cái gì. Chân tôi thì có thể giẫm lên cái gì?

Dưới chân tôi chỉ có xi-măng. Không, tôi giẫm lên rất nhiều thứ trong khi đi như vậy. Tôi giẫm lên sự hèn hạ của tên bác sĩ đã cam tâm chịu chiều theo ý Ban Quản trị để làm những việc tởm lợm như vậy. Tôi giẫm lên thái độ dửng dưng của một tầng lớp người trước sự đau khổ của một tầng lớp người khác. Tôi giẫm lên sự ngu dốt của dân tộc Pháp không hề quan tâm, không hề tò mò muốn biết những đồng bào của họ cứ hai năm lại được lừa lên tàu như những bầy gia súc qua Saint- Martin-de-Ré là để đi đến đâu và được đối xử như thế nào. Tôi giẫm lên các phóng viên của các báo chí cánh tả, sau khi viết những bài báo chua ngoa về một con người đã phạm tội nào đấy thì chỉ mấy tháng sau là đã không còn nhớ rằng trên đời có một người như thế. Tôi giẫm lên bọn linh mục công giáo đã nghe các phạm nhân xưng tội, biết rất rõ những gì đang diễn ra ở trại khổ sai của Pháp mà vẫn im hơi lặng tiếng. Tôi giẫm lên một hệ thống xử án biến việc cân nhắc công bằng thành một cuộc đấu khẩu giữa kẻ buộc tội và kẻ bào chữa.

Tôi giẫm lên tổ chức Liên minh Nhân quyền và Dân quyền không hề lên tiếng để nói: Hãy chặn đứng cái máy chém khô của các người lại, hãy hủy diệt cái tâm lý xa-đích tập thể đang hoành hành trong giới viên chức Hành chính. Tôi giẫm lên cái tình trạng tẻ nhạt là không có một tổ chức hay hiệp hội nào chất vấn những kẻ có trách nhiệm về hệ thống xử án này để hỏi họ xem tại sao và làm thế nào mà trại khổ sai cứ hai năm lại chết mất tám mươi

phần trăm dân số của nó. Tôi giẫm lên những tờ giấy báo tử của tổ chức y tế nhà nước: tự tử, suy dinh dưỡng, suy nhược toàn thân, hoại huyết, ho lao, điên loạn, dở hơi. Tôi còn biết tôi đang giẫm lên những gì nữa? Nhưng dù sao, sau sự việc đã xảy ra, tôi không còn đi bình thường nữa, cứ mỗi bước tôi lại xéo nát một cái gì.

Một, hai, ba, bốn, năm,... và những giờ phút chảy qua chậm chậm làm cho cuộc nổi loạn thâm lặng của tôi lắng dần vì mệt mỏi. Còn mười ngày nữa tôi sẽ qua được một nửa thời hạn cấm cố. Đây quả là một kỷ niệm rất đáng ăn mừng, vì nếu không kể cái bệnh cảm khá nặng kia, sức khỏe tôi vẫn tốt. Tôi vẫn không điên, mà cũng chưa bước vào quá trình trở thành điên. Tôi tin chắc, thậm chí chắc một trăm phần trăm là sẽ ra khỏi chốn này khỏe mạnh về thể chất và tinh thần khi cái năm đang sắp bắt đầu sẽ hết.

Tôi sực tỉnh vì ngoài kia có tiếng nói rì rầm.

- Hắn đã chết khô từ bao giờ ấy. Durand ạ. Sao, bạn này anh không nhận thấy à?

- Thưa sếp tôi không biết ạ. Vì hắn treo cổ trong góc tường phía lối đi tuần cho nên tôi đi qua nhiều lần mà không trông thấy.

- Cái đó không quan trọng, nhưng phải thú nhận rằng anh không trông thấy hắn là phi lô-gíc.

Người bị giam ở buồng bên trái đã tự tử.

Đó là điều mà tôi đã hiểu ra, họ đến khiêng hắn đi. Cánh cửa khép lại. Nội quy đã được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh vì cánh cửa ấy đã được mở ra và đóng lại trước mắt một “cấp trên” là viên giám đốc của nhà giam cấm cố mà tôi đã nhận ra giọng nói. Đó là người thứ năm đã chết trong các buồng giam ở quanh tôi trong vòng mười tuần.

Ngày kỷ niệm một năm cấm cố đã đến. Trong cái bô tôi thấy có một hộp sữa đặc Nestlé. Đó là một cử chỉ điên rồ của các bạn tôi. Họ đã tìm mua hộp sữa này với một giá đắt không thể tưởng tượng nổi và đã liều lĩnh gửi nó cho tôi. Dù sao tôi cũng đã có được một ngày đắc thắng trước sự tàn nhẫn của số phận. Cho nên tôi tự hứa là không bay đi đâu cả. Tôi đang ở nhà giam cấm cố. Một năm



đã qua từ khi tôi đến đây, thế mà tôi vẫn tự cảm thấy đủ sức để lên đường vượt ngục ngày mai nếu có cơ hội. Bản tổng kết như vậy là tích cực, và tôi tự hào về nó.

Thông qua người quét hành lang buổi trưa, tôi nhận được mấy chữ của các bạn (đó là một việc khác thường): “Can đảm lên. Chỉ còn một năm nữa thôi. Chúng tôi biết cậu vẫn khỏe. Chúng tôi cũng bình thường, yên ổn. Chúng tôi hôn cậu. Louis, Ignace. Nếu tiện, cậu gửi cho chúng tôi mấy chữ, đưa ngay cho người đã trao cậu mảnh giấy này”.

Trên mảnh giấy trắng gửi kèm theo bức thư tôi viết: “Cám ơn về tất cả. Tôi khỏe mạnh, và nhờ các cậu tôi hy vọng vẫn sẽ như thế này sau một năm. Có thể cho tôi biết tin Clousiot, Maturette không?” Quả nhiên một lúc sau người quét hành lang trở lại, cào vào cửa tôi. Tôi vội vàng nhét mảnh giấy dưới cửa, nó biến ngay. Suốt ngày hôm ấy và một phần đêm ấy, tôi ở lại trên mặt đất, trong cái trạng thái mà tôi đã mấy lần tự hứa là sẽ giữ. Một năm nữa tôi sẽ được đưa về một trong hai đảo. Royale hay Saint-Joseph? Tôi sẽ nói chuyện, hút thuốc đến đã đời thì thôi, và lập tức sẽ chuẩn bị vượt ngục.

Hôm sau tôi bước vào ngày thứ nhất trong số ba trăm sáu mươi lăm ngày còn lại, lòng vững tin vào số phận của mình. Tám tháng tiếp theo, mọi sự đã trôi qua đúng như tôi dự kiến. Nhưng đến tháng thứ chín thì tình hình trở nên nghiêm trọng. Sáng hôm ấy, đến giờ để bỏ, người đưa dĩa bị bắt quả tang vào lúc đẩy cái bỏ vào buồng tôi, trong đó đã để sẵn quả dĩa và năm điếu thuốc lá.

Việc vừa xảy ra nghiêm trọng đến nỗi trong mấy phút đồng hồ họ đã quên mất quy chế im lặng tuyệt đối. Tiếng người ta đập đá người tù khôn khổ kia nghe rất rõ. Sau đó là tiếng rên khò khè của một người đã bị đánh một đòn chí mạng. Cái ghi-sê của tôi mở ra và một cái mặt lính gác đỏ bừng quát vào buồng: “Còn mày nữa, hãy đợi đây!”

- Tao sẵn sàng đợi mày, thằng chó đẻ! - Tôi trả lời, thần kinh căng thẳng đến tột độ vì đã phải ngồi im nghe chúng nó đánh đập người tù khôn khổ kia.

Việc ấy đã xảy ra lúc bảy giờ. Đến mười một giờ, một phái đoàn do viên phó chỉ huy nhà giam cầm cố đứng đầu đến buồng tôi. Người ta mở cánh cửa đã đóng lại sau lưng tôi cách đây hai mươi tháng và từ đó chưa bao giờ được mở ra. Tôi đang đứng ở cuối buồng giam, tay cầm cái ca, giữ thế thủ, quyết tâm đánh trả đến cùng, vì hai lẽ: thứ nhất là để cho bọn lính gác khi đánh tôi sẽ được trừng trị đích đáng, thứ hai là để chúng nó đánh tôi chết thật nhanh. Nhưng mãi chẳng thấy chúng làm gì cả, viên phó chỉ huy nói:

- Phạm nhân, bước ra.

- Nếu các anh bảo tôi ra để đánh tôi thì hãy coi chừng: tôi sẽ đánh lại. Mà tôi chẳng dại gì ra để bị đánh từ bốn phía. Tôi cứ đứng đây, hễ đứa nào động vào tôi tôi sẽ cho đi đời ngay.

- Charrière, người ta sẽ không đánh anh đâu.

- Ai bảo đảm điều đó?

- Tôi, phó chỉ huy nhà giam.

- Anh có danh dự không mà bảo đảm?

- Anh đừng thóa mạ tôi, vô ích. Tôi lấy danh dự hứa với anh rằng anh sẽ không bị đánh. Nào ra đi!

Tôi vẫn cầm cái ca trong tay.

- Anh có thể giữ cái ca, anh không phải dùng đến nó đâu.

- Được.

Tôi bước ra, và đi giữa sáu tên giám thị cùng đi với viên phó chỉ huy, vượt qua suốt chiều dài của hành lang. Ra đến sân, tôi thấy chóng mặt và chói mắt dữ dội, phải nhắm nghiền lại. Cuối cùng tôi trông thấy cái nhà nhỏ nơi họ đã đón chúng tôi. Ở đây có khoảng mười hai tên giám thị. Không xô đẩy, họ đưa tôi vào phòng “quản trị”. Giữa nền nhà bê bết máu, một người tù đang nằm rên rỉ. Khi thấy cái đồng hồ treo trên tường chỉ một giờ, tôi nghĩ: “Tội nghiệp, chúng nó tra tấn anh ta bốn tiếng đồng hồ rồi”. Viên giám đốc đang ngồi sau bàn giấy, viên phó giám đốc ngồi xuống cạnh hắn ta.



- Charrière, anh nhận thức ăn và thuốc lá bao lâu rồi?  
- Anh kia đã nói cho các ông biết rồi còn gì.  
- Tôi hỏi anh ấy.  
- Tôi thì bị bệnh mất trí nhớ, hôm qua có chuyện gì tôi không thể biết được.

- Anh giấu chúng tôi đây à?  
- Không, việc này mà người ta không ghi vào hồ sơ của tôi thì lạ thật. Tôi bị mất trí nhớ vì một đòn đánh vào đầu.

Viên giám đốc nghe câu trả lời của tôi ngạc nhiên quá quay ra hỏi:

- Gọi điện hỏi Royale xem thử trong hồ sơ có ghi gì về việc này không?

Trong khi người ta gọi điện thoại, hắn nói tiếp:

- Anh có nhớ mình tên là Charrière chứ?  
- Cái đó thì có. - Đoạn tôi nói tiếp thật nhanh để làm cho họ ngỡ ngàng hơn nữa, nói như một cái máy:  
- Tôi tên là Charrière, tôi sinh năm 1906 ở tỉnh Ardèche, bị xử án chung thân ở Paris, quận Seine.

Ông ta trợn mắt tròn xoe như hai hòn bi, và tôi cảm thấy mình đã làm cho viên giám đốc lung lay thực sự.

- Sáng nay anh vẫn được phát cà-phê và bánh mì đấy chứ?  
- Vâng.  
- Tôi hôm qua người cho anh ăn món đậu gì?  
- Tôi không biết.  
- Thế thì theo anh, anh không còn chút trí nhớ gì sao?  
- Những việc xảy ra thì hoàn toàn không nhớ chút gì. Mặt thì tôi nhớ. Chẳng hạn như tôi nhớ rằng ông có tiếp tôi một lần. Vào lúc nào thì tôi không biết.  
- Thế anh không biết anh còn phải bị giam bao lâu nữa sao?

- Chung thân mà? Hình như đến khi chết.

- Không! Hạn giam cầm cố ấy.

- Tôi mà bị giam cầm cố à? Vì tội gì?

- Ở thế thì thật quá sức! Mẹ kiếp! Anh đừng làm cho tôi nổi khùng lên. Anh dám nói rằng anh không nhớ đã bị xử hai năm vì tội vượt ngục sao? Gớm thật!

Đến đây, tôi hạ nốt đòn cuối cùng cho hấn gục hẳn:

- Tôi mà lại vượt ngục à? Thưa ông chỉ huy, tôi là người nghiêm chỉnh và có trách nhiệm. Xin ông cứ đi với tôi về buồng giam, ông sẽ rõ là tôi có vượt ngục hay không.

Vừa lúc ấy một tên cảnh sát nói với viên chỉ huy:

- Thưa xếp, có điện của Royale gọi.

Viên giám đốc đến cầm máy lên: “Không ghi gì cả à? Lạ thật, hấn bảo là hấn bị mất trí nhớ... Nguyên nhân à? Bị đánh vào đầu... hiểu rồi, hấn giả vờ. Ai mà biết... Vâng, xin lỗi thiếu tá, tôi sẽ kiểm tra lại. Chào thiếu tá... Vâng, tôi sẽ báo cáo lại để thiếu tá rõ”.

- Đồ kếp hát, xem cái đầu nào. Ừ, mà phải. Có một vết thương khá dài. Thế anh làm cách nào mà nhớ được rằng anh bị mất trí nhớ từ khi bị đánh cú này, hả? Nói đi xem nào?

- Tôi không hề giải thích, tôi chỉ ghi nhận rằng tôi nhớ là đã bị đánh, nhớ rằng tên tôi là Charrière. Tôi còn nhớ nhiều thứ khác nữa ấy chứ.

- Rốt cuộc anh muốn nói gì hay làm gì?

- Vấn đề đó thì chúng ta đang bàn đây thôi. Ông hỏi tôi là người ta gửi thức ăn và thuốc hút cho tôi từ bao giờ. Vậy tôi xin trả lời dứt khoát: tôi không biết; chắc đây là lần đầu, nhưng cũng có thể là lần thứ một ngàn. Bị bệnh mất trí nhớ, tôi không thể trả lời rõ hơn được. Xin hết, các ông muốn làm gì tôi thì làm.

- Điều mà tôi muốn cũng đơn giản thôi. Anh đã ăn quá tiêu chuẩn lâu rồi, thế thì bây giờ phải để cho anh gầy đi một chút. Bỏ bữa ăn chiều cho đến hết thời hạn giam cầm cố.

Ngay hôm ấy, tôi nhận được một mảnh giấy lúc họ đi quét hành lang lần thứ hai. Tiếc thay tôi không đọc được vì nó không được viết bằng mực lân tinh. Đến khuya, tôi châm một chiếc thuốc lá còn lại từ hôm qua đã thoát khỏi cuộc khám xét vì nó được giấu rất kỹ trong tấm ván nằm. Rít mạnh điếu thuốc cho đóm lửa sáng lên, tôi dần dần đọc được: “Người đồ bỏ đã giữ vững. Anh ta khai đây là lần thứ hai anh đưa thức ăn vào cho cậu, một cách hoàn toàn tự nguyện. Lại khai là đã làm như thế vì trước kia có quen cậu ở Pháp. Sẽ không có ai bị liên lụy ở Royale. Can đảm lên”. Vậy là tôi bị tước mất món lửa, thuốc lá và tin tức của bạn bè ở Royale. Hơn nữa họ đã cúp mất bữa ăn chiều của tôi. Tôi đã quen với tình trạng không phải chịu đói và với mười lần hút thuốc lá mà trước đây tôi vẫn dùng để lấp thời gian trong ngày và một phần đêm. Không phải tôi chỉ nghĩ đến mình, tôi nghĩ đến người tù đáng thương bị chúng nó đánh đập tàn nhẫn vì tôi mong rằng anh ta sẽ không bị phạt quá nặng.

Một, hai, ba, bốn, năm đằng sau quay... Một hai, ba, bốn, năm đằng sau quay. Mà sẽ không dễ gì chịu được cái chế độ ăn đói này đâu, Papi ạ, và bây giờ mà sẽ ăn ít như vậy thì có lẽ phải thay đổi chiến thuật chăng? Chẳng hạn nằm đến mức tối đa để khỏi tiêu hao năng lượng. Càng ít cử động thì đốt càng ít ca-lo-ri. Những lúc không nằm thì cố ngồi trong nhiều giờ.

Bây giờ tôi phải tập sinh hoạt theo một kiểu khác. Bốn tháng là một trăm hai mươi ngày. Cứ cái chế độ ăn này thì bao lâu tôi sẽ bắt đầu thiếu máu? ít nhất là hai tháng. Vậy trước mắt tôi có hai tháng quyết định. Khi tôi đã quá yếu thì các bệnh tật sẽ có được một mảnh đất tuyệt vời để hoành hành. Tôi quyết định là sẽ nằm từ sáu giờ chiều đến sáu giờ sáng. Tôi sẽ đi đi lại lại từ khi đưa cà phê cho đến khi thu bộ, nghĩa là khoảng hai giờ. Đến giữa trưa, sau bữa xúp, lại đi khoảng hai giờ nữa. Cả thấy là bốn giờ đi đi lại lại. Thời gian còn lại thì ngồi hay nằm.

Không một thì sẽ khó bay đi lang thang. Nhưng tôi vẫn sẽ có bay thử.

Hôm nay, sau một hồi lâu suy nghĩ đến các bạn và đến người tù khôn khổ đã bị hành hạ tàn nhẫn vì tôi tôi bắt đầu tập dượt cho quen với cái kỷ luật mới này. Kết quả khá tốt, tuy tôi thấy thời gian trôi chậm hơn, và đôi chân tôi không làm việc mấy giờ liền cứ thấy buồn buồn như chứa đầy kiến.

Cái chế độ này đã thi hành được mười ngày. Bây giờ tôi đôi thường xuyên. Tôi đã bắt đầu lâm vào tình trạng mỗi một kéo dài. Tôi thấy thèm dứa quá, và cũng thèm thuốc lá nữa. Tôi đi nằm rất sớm và chỉ một lát sau, không lâu lắm, tôi đã vượt ra khỏi buồng giam trong tưởng tượng. Hôm qua, tôi ở Paris, đang ngồi uống sâm banh ở quán Au Rât Mort với mấy thằng bạn, trong đó có Antonio de Londres, quê quán ở Baléares, nhưng nói tiếp Pháp như một người Paris và nói tiếng Anh như một tay roastbeef chính cống của xứ Anh-cát-lợi. Hôm sau ở quán Au Marronnier trên đại lộ Clichy, cậu ta giết một người bạn bằng năm phát súng lục. Trong giới giang hồ những sự đổi thay từ tình bạn sang căm thù diễn ra rất nhanh. Phải, hôm qua tôi ở Paris, khiêu vũ trong tiếng đàn accordéon ở tiệm Petit Jardin, đại lộ Saint-Quen, khách đến nhảy toàn người Corse và người Marseille. Tất cả các bạn tôi lần lượt hiện ra trong chuyến du hành tưởng tượng này một cách rõ rệt và chính xác đến nỗi tôi không một giây nào nghi ngờ sự có mặt của họ cũng như sự có mặt của tôi ở những nơi mà tôi đã sống qua những đêm diễm phúc ấy. Như vậy, (tôi) không đi nhiều, với chế độ ăn rất có hạn này tôi vẫn đạt được một kết quả tương đương như cái kết quả đạt được bằng cách làm cho thân thể mỗi một. Những hình ảnh của quá khứ lôi tôi ra khỏi buồng giam một cách mạnh mẽ đến nỗi tôi thực sự được sống nhiều giờ tự do hơn là những giờ cầm cố. Chỉ còn một tháng nữa.

Đã ba tháng rồi tôi chỉ ăn một ổ bánh mì tròn và một soong xúp nóng không có chất bột vào bữa trưa với miếng thịt hầm của nó. Tình trạng đôi thường xuyên đã đưa tôi đến chỗ vừa nhận xong soong xúp tôi đã vội vàng nhìn kỹ miếng thịt xem thử có phải nó chỉ là một miếng da như đã từng xảy ra khá nhiều lần không.

Tôi đã gây đi nhiều, và bây giờ tôi đã nhận thức được tầm quan trọng của trái dưa mà tôi đã may mắn nhận được trong hai mươi tháng liền đối với việc duy trì sức khỏe và trạng thái cân bằng trong tình cảnh bị gạt ra ngoài cuộc sống.

Sáng nay, sau khi uống suất cà-phê, tôi thấy bút rút khác thường. Tôi đã tự buông thả đến mức ăn một lúc hết nửa ổ bánh mì, điều mà tôi không bao giờ làm. Mọi khi tôi cắt nó ra làm bốn miếng gần bằng nhau để ăn làm bốn lần, vào lúc sáu giờ sáng, vào giữa trưa, vào sáu giờ chiều, và miếng cuối cùng vào ban đêm. “Sao lại làm như vậy”. Tôi tự mắng nhiếc một mình. “Sắp kết thúc rồi mà mày lại tự cho phép sa ngã một cách nghiêm trọng như thế - “Tôi đói, và tự cảm thấy không còn sức mạnh - “Sao mày lăm tham vọng thế. Làm sao mày lại có thể mạnh được trong khi ăn như vậy? Điều quan trọng là mày yếu, đúng vậy, nhưng mày không đau ốm: và điểm này mày là kẻ chiến thắng. Xét một cách lô-gích, nếu mày không quá rủi ro, cái nhà giam “ăn thịt người” này rốt cục sẽ thua mày trong cuộc tỷ thí.

Sau hai giờ đi đi lại lại, tôi ngồi trên cái khối xi-măng dùng làm ghế. Còn ba mươi ngày nữa, tức bảy trăm hai mươi giờ, cánh cửa kia sẽ mở ra và người ta sẽ nói với tôi: “Phạm nhân Charriere, ra đi. Anh đã mãn hạn hai năm cấm cố”. Và tôi sẽ nói gì? Tôi sẽ nói: “Vâng, cuối cùng tôi cũng đã kết thúc được hai năm đày đoạ này”. Ô, không được, sao lại nói thế! Nếu đó là viên giám đốc mà mày đã chơi xỏ vụ “mất trí nhớ” mày phải tiếp tục chơi cái trò đó, tỉnh bơ như không. Mày sẽ nói: “Sao, tôi được ân xá rồi à? Tôi được về Pháp à? án chung thân của tôi đã mãn hạn à?” Chẳng qua để coi bộ mặt của hắn và cho hắn thấy rằng cái chế độ ăn đói mà hắn dùng để trừng phạt mày là một hành động bất công.

- “Trời ơi, mày làm sao thế? Bất công hay không, tên giám đốc kia đếch cần. Đối với một tâm địa như vậy thì phạt oan hay không có gì quan trọng đâu? Chẳng lẽ mày nghĩ rằng hắn ân hận vì đã trừng phạt mày một cách bất công sao? Từ nay trở đi tao cấm mày không được coi một tên cai ngục như một con người bình thường. Không có một con người nào đáng được gọi là người lại có thể làm cái nghề này. Trên đời, cái gì người ta cũng có thể quen đi,

thậm chí suốt đời quen với cái sự nghiệp của một thằng khốn nạn. May ra chỉ khi nào gần kề miệng lỗ thì nỗi sợ hãi trước Thượng đế mới có thể làm cho hắn ân hận và sám hối, nếu hắn có một tôn giáo. Không phải thực sự hối hận về những hành vi bỉ ổi mà hắn đã làm, chẳng qua vì sợ sự phán xử của Thượng đế, trong đó bản thân hắn là kẻ bị xử tội. Như vậy, khi ra khỏi nhà lao cấm cố, có được đưa về đảo nào chẳng nữa, ngay từ đầu mày chó có chút nào thỏa hiệp với giống người này: Mày với chúng nó đối lập hoàn toàn với nhau, và ở giữa có một đường phân giới rất rạch ròi. Một bên là sự hèn hạ, là quyền thế câu nệ không hồn, là bệnh xa-đích bẩm sinh, có tính chất bản năng, máy móc trong những phản ứng của nó; và bên kia là tôi và những người cùng cảnh ngộ, chắc chắn là phạm những tội nặng, nhưng đã được sự đau khổ tạo cho những phẩm chất vô giá; tình thương xót lòng nhân hậu, sự tôn quý, lòng dũng cảm.

Hoàn toàn thành thật mà nói, tôi thà làm tên tù khổ sai còn hơn làm một tên cai ngục.

Chỉ còn hai mươi ngày nữa. Tôi cảm thấy trong người yếu lắm rồi. Tôi có nhận thấy ổ bánh mì của tôi bao giờ cũng thuộc loại nhỏ. Ai là kẻ có thể tự hạ mình đến mức chọn bánh mì nhỏ cho tôi? Từ mấy ngày rồi trong soong xúp của tôi chỉ có nước nóng, và suất thịt bao giờ cũng là một cái xương có ít thịt dính quanh, nếu không phải là một miếng da. Tôi sợ mình lăn ra ốm. Mỗi lo sợ này cứ ám ảnh tôi. Tôi yếu đến nỗi trong khi thức tôi chẳng cần cố gắng một chút nào cũng có thể mơ tưởng bất cứ điều gì. Tình trạng mệt mỏi rã rời kèm theo một tâm trạng chán nản trầm trọng làm cho tôi rất lo ngại. Tôi tìm mãi cách phản ứng, nhưng phải khó khăn lắm mới qua được hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày. Có tiếng cào ngoài cửa. Tôi hồi hải rút mảnh giấy. Nó viết bằng bút dạ quang. Đó là một bức thư của Dega và Galgani. “Cậu viết cho chúng mình mấy chữ đi. Rất lo ngại về tình trạng sức khỏe của cậu. Còn mười chín ngày nữa, can đảm lên. Louis, Ignace”. Kèm theo có một mẫu giấy và một khúc ruột bút chì đen. Tôi viết: “Tôi còn chịu được, tuy rất yếu. Cảm ơn. Papi”.



Khi nghe tiếng chổi cào cửa lần nữa, tôi luôn mồm giầy ra. Bức thư nhỏ, không kèm điều thuốc lá và quả dưa, đối với tôi vẫn là một cái gì hơn tất cả các thứ đó. Sự thể hiện này của một tình bạn chung thủy tuyệt vời đã cho tôi sức khích lệ mà tôi đang cần. Ở bên ngoài, các bạn biết tôi ra sao và nếu tôi lâm bệnh, thế nào các bạn tôi cũng sẽ tìm cách thúc dục bác sĩ chăm sóc tôi tứ tể. Các bạn tôi nói đúng: chỉ còn mười chín ngày nữa tôi sẽ đến đích trong cuộc chạy đua gian khổ với cái chết và với sự điên rồ. Tôi sẽ không lâm bệnh.

Phần tôi là phải làm thật ít động tác để chỉ tiêu hao những ca-lo-ri không thể không dùng đến. Tôi sẽ bỏ bớt hai giờ đi đi lại lại buổi sáng và hai giờ buổi chiều. Đó là cách duy nhất để giữ vững. Cho nên suốt đêm, trong mười hai tiếng đồng hồ tôi nằm và mười hai tiếng còn lại, tôi ngồi yên trên cái ghế xi-măng. Thỉnh thoảng tôi đứng dậy, duỗi tay ra co tay vào mấy lần, rồi lại ngồi xuống.

Chỉ còn mười ngày nữa.

Tôi đang dạo chơi ở Trinidad, những cây đàn cò một dây của người Java đang ru tôi với những giai điệu ai oán thì một tiếng gớm ghiếc, nghe không còn ra tiếng người nữa, lôi tôi về cõi thực. Tiếng hét này từ một buồng giam ở sát phía sau buồng tôi hay gần như thế, rất gần, tôi lắng tai nghe:

- Thằng khôn kiếp, mày xuống đây đi, xuống cái hố này. Mày đứng trên ấy giám sát tao mãi mà không chán à? Mày không thấy là mày bị thiệt mất một nửa cảnh vì dưới này tôi quá à?

- Anh im đi, nếu không sẽ bị phạt nặng đấy? - Tên lính gác nói.

- À à? Mày nói nghe thôi bỏ mẹ, đồ mặt l...? Mày bảo còn có cách gì phạt nặng hơn là sự im lặng này? Mày muốn phạt bao nhiêu cứ phạt, nếu thích thì cứ đánh đập tao đi, tên đao phủ ghê tởm kia, nhưng mày sẽ không bao giờ tìm được một cái gì có thể so sánh với sự im lặng mà mày bắt tao phải giữ. Không, không, không? Tao không chịu thế này nữa đâu, tao không chịu im lặng nữa đâu, tao không thể im lặng mãi được nữa? Lẽ ra từ ba năm trước tao phải nói vào mặt mày: đồ khôn nạn? Đồ cút đái? Thế mà

tao đã ngu dại đến nỗi đợi ba mươi sáu tháng rồi mới chửi vào mặt mày, chỉ vì sợ trừng phạt? Tao nhổ vào mặt mày và cả bọn chúng mày, đồ cai ngục thôi nát?

Một lát sau có tiếng cửa mở và tôi nghe thấy:

- Không, không phải thế! Mặc trái vào cho nó, như thế hiệu quả hơn nhiều!

Người tù đáng thương gào lên:

- Mày muốn mặc áo cùm cho tao cách nào thì cứ mặc đi, đồ sâu bọ! Mặc ngược cũng được, riết thật chặt vào cho tao chết ngạt đi, kẻ đầu gối vào mà rút dây cho chặt. Đằng nào thì tao cũng cứ nói rằng mẹ mày chỉ là một con lợn cái, còn mày chỉ có thể là một đồng cứt!

Chắc chúng nó đã ghét giẻ vào mồm người tù vì tôi không còn nghe thấy gì nữa. Cánh cửa đã đóng lại.

Cảnh vừa qua chắc đã làm cho tên lính gác trẻ tuổi đang đi lại lại phía trên xúc động vì mấy phút sau hắn đứng lại trước buồng giam tôi và nói: “Chắc anh ta phát điên rồi”.

- Anh nghĩ thế à? Những điều anh ta nói ra đều phải cả đấy chứ.

Tên lính gác sững sốt một lúc rồi bỏ đi sau khi ném một câu: “Thế à, thế thì anh cũng sẽ theo gót hắn thôi?”

Việc vừa xảy ra đã tách tôi khỏi những người tốt bụng, những tiếng đàn cò, những đôi vú án Độ, cái cảng Port of Spain, và lôi tôi về cái thực tế đáng buồn của nhà giam cấm cố.

Còn mười ngày nữa, tức hai trăm bốn mươi giờ, phải chịu đựng.

Cái chiến thuật không cử động đã đem lại kết quả.

Nếu đó không phải là do những giờ cuối ngày trôi qua một cách êm đềm, hay là nhờ mẫu giấy của các bạn tôi. Tôi có thiên hướng nghĩ rằng sợ dĩ mình tự cảm thấy mạnh mẽ hơn là nhờ một sự so sánh đã đến với tôi như một điều hiển nhiên: tôi chỉ còn cách giờ ra khỏi nhà giam có hai trăm bốn mươi tiếng đồng hồ, tôi yếu



nhưng óc tôi vẫn nguyên vẹn, năng lực của tôi chỉ cần thêm một ít sức nữa là có thể làm việc trở lại một cách hoàn hảo. Trong khi đó thì sau lưng tôi, chỉ cách hai mét, sau bức tường này, một người tù khôn khổ đang bước vào giai đoạn thứ nhất của sự điên rồ, có lẽ là bước vào bằng một ngưỡng cửa không nên vượt qua: ngưỡng cửa của bạo lực. Người ấy sẽ không sống lâu nữa, vì sự nổi loạn của anh ta khiến cho bọn cai ngục cơ hội sử dụng những biện pháp đã nghiên cứu rất kỹ để giết anh ta một cách thật khoa học. Tôi tự trách mình là đã cảm thấy mình mạnh hơn chỉ vì người kia bại trận. Tôi tự hỏi, không biết mình có phải là một trong những kẻ ích kỷ mà vào những ngày mùa đông, chân đi giày ấm, tay đi găng, mình khoác tấm áo lông dày, đang nhìn những đám người lao động đang đi làm ăn mặc phong phanh, người rét cóng, hai tay tím lại vì gió rét, đang hốt hải chạy cho kịp chuyến xe buýt hay chuyến mé tro đầu tiên, càng nhìn họ càng thấy mình ấm áp và thường thức cái cảm giác ấy một cách trọn vẹn hơn bao giờ hết.

Trên đời này, nhiều khi mọi sự chỉ là do so sánh mà có. Đúng thế, người ta có thể nghĩ: tôi bị mười năm nhưng Papillon thì bị chung thân. Đúng thế, tôi bị chung thân, nhưng tôi mới hai mươi tám tuổi, còn anh kia chỉ bị mười lăm năm, nhưng tuổi anh đã năm mươi rồi. Dù sao cuối cùng tôi cũng đã gần đến đích, và tôi hy vọng rằng chỉ trong vòng sáu tháng là cùng tôi sẽ lại sung sức về mọi phương diện - thể chất, tinh thần, ý chí - để thực hiện một cuộc vượt ngục ngoạn mục.

Người ta đã phải nói nhiều về chuyến vượt ngục đầu tiên, chuyến thứ hai sẽ được khắc lại trên những phiến đá xây tường của tại khổ sai. Tôi không chút nghi ngờ.

Tôi sẽ ra đi trước sáu tháng: đó là điều hoàn toàn chắc chắn.

Đây là đêm cuối cùng của tôi ở nhà giam cầm cố. Cách đây một vạn bảy ngàn năm trăm tám giờ tôi đã bước vào buồng giam 234. Họ đã mở cửa ra một lần để giải tôi ra trước mặt viên giám đốc cho hắn xử tội.

Ngoài người tù ở buồng bên mỗi ngày thường trao đổi với tôi mấy tiếng nhát gừng, người ta đã nói chuyện với tôi bốn lần. Một

lần để nói rằng khi có tiếng còi huýt có thể hạ ván xuống: đó là ngày thứ nhất. Một lần là các ông bác sĩ nói: “Quay lưng lại ho đi”. Một buổi nói chuyện dài hơn và sôi nổi hơn với viên giám đốc. Và hôm trước là bốn câu trao đổi với tên lính gác bị người tù phát điên làm cho xúc động. Giải khuây như vậy thật không lấy làm gì phong phú! Tôi chìm vào một giấc ngủ yên lành, trong ý nghĩ không có gì khác hơn là: ngày mai người ta sẽ mở hẳn cánh cửa này. Ngày mai tôi sẽ được nhìn thấy ánh mặt trời, và nếu họ đưa tôi sang Royale tôi sẽ được hít thở không khí của biển khơi. Ngày mai tôi sẽ được tự do. Tôi bật cười. Tự do là thế nào? Ngày mai mày bắt đầu chính thức hưởng cái án khổ sai chung thân. Thế mà mày gọi là tự do ư? Tôi biết, tôi biết chứ, nhưng cuộc sống ở bên ngoài không thể nào so sánh với cuộc sống mà tôi vừa phải chịu đựng. Tôi sẽ gặp Clousiot và Maturette như thế nào đây.

Đến sáu giờ, họ đưa cà-phê và bánh mì cho tôi. Tôi chỉ muốn nói: Kia, hôm nay tôi được ra kia mà.

“Anh nhầm rồi”. Nhưng tôi chợt nhớ ra rằng mình là người “mất trí nhớ”, và biết đâu nếu tôi nói như vậy thì khác nào thừa nhận là đã giốn mặt viên giám đốc, và hẳn rất có thể phạt tôi ba mươi ngày xà-lim nữa?

Vì dù có thế nào, theo pháp luật tôi phải ra khỏi nhà giam cấm cố trùng giới Saint-Joseph đúng vào ngày hôm nay, 26 tháng sáu 1936. Bốn tháng nữa tôi tròn ba mươi tuổi.

Tám giờ. Tôi đã ăn hết cả ổ bánh mì. Ra ngoài tôi sẽ có thứ khác để ăn ngay. Họ đến mở cửa. Trước mặt tôi là viên phó giám đốc và hai tên giám thị.

- Charrière, anh đã mãn hạn, hôm nay là ngày 26 tháng sáu 1936. Anh đi theo chúng tôi.

Tôi ra ngoài. Ra đến tận sân thì mặt trời đã đủ sáng để làm tôi lóa mắt. Tôi có cảm giác như muốn xỉu.

Hai chân tôi mềm nhũn ra, và những chấm đen quay cuồng trước mắt tôi. Thế mà tôi mới vừa đi được chừng năm mươi mét trong đó có ba mươi mét đi dưới nắng.

Đến trước gian nhà “Ban quản trị” tôi trông thấy Maturette và Clousiot. Maturette đúng là một bộ xương, hai má hóp vào, đôi mắt sâu hoắm. Clousiot thì nằm trên cang. Anh ta xanh xao và đã phảng phất mùi người chết. Tôi nghĩ: “Hai bạn của tôi trông chẳng đẹp chút nào. Không biết mình có như vậy không?” Tôi nóng lòng muốn được nhìn thấy mình trong gương. Tôi nói với hai bạn:

- Thế nào, ổn không?

Họ không trả lời. Tôi nhắc lại:

- Ổn không?

- Ổn - Maturette nói rất khẽ.

Tôi muốn nói với cậu ta rằng bây giờ đã hết hạn cấm cố, chúng tôi có quyền nói chuyện. Tôi cúi xuống hôn lên má Clousiot. Anh nhìn tôi với đôi mắt sáng long lanh và mỉm cười:

- Vĩnh biệt Papillon, - anh nói.

- Không, sao lại nói thế?

- Tôi đến rồi, thế là hết.

Mấy ngày sau, Clousiot sẽ chết ở bệnh viện đảo Royale. Anh được ba mươi hai tuổi, bị xử hai mươi năm khổ sai vì một vụ ăn cắp xe đạp mà anh không phải là thủ phạm. Nhưng lúc ấy viên giám đốc đã đến:

- Cho họ vào. Maturette và Clousiot, các anh đã có hạnh kiểm tốt. Cho nên tôi đề vào phiếu của các anh là “Hạnh kiểm tốt”. Còn anh, Charriere, anh đã phạm một lỗi nặng, tôi phải đề: hạnh kiểm xấu.

- Xin lỗi ông, tôi phạm lỗi gì ạ?

- Thế anh không nhớ vụ thuốc lá và dừa bị bắt quả tang à?

- Cây dừa ở đâu?

- Kìa, bốn tháng nay anh hưởng chế độ gì?

- Về phương diện nào chứ? Ăn uống à? Từ khi tôi vào đây hôm nào chẳng thế!

- Chà! Thế thì thật quá quắt! Chiều qua anh ăn gì?

- Như mọi khi, cho gì tôi ăn nấy. Tôi đi đâu mà biết? Tôi không nhớ, nhưng tôi biết đại khái là đậu hay cơm xào, hay một thứ rau gì đấy.

- Thế anh có ăn bữa chiều à?

- Trời đất! Ông tưởng tôi đồ đi sao?

- Không, thế này thì không được, tôi xin bỏ cuộc. Thôi, tôi rút lui “Hạnh kiểm xấu”. Làm lại phiếu ra tù đi ông X.. Tôi ghi cho anh “Hạnh kiểm tốt”, được chưa?

- Như thế là công bằng thôi. Tôi có làm gì đâu mà chẳng hạnh kiểm tốt?

Và đó là câu cuối cùng trước khi chúng tôi ra khỏi văn phòng.

Cổng lớn của nhà giam cấm cố mở ra cho chúng tôi đi qua. Chỉ có một tên giám thị đi theo áp giải, chúng tôi thông thả bước xuống con đường dẫn ra trại. Phía dưới là mặt biển lấp lánh những ánh bạc và bọt sóng. Đảo Royale ở phía trước mặt, phủ đầy cây cối xanh rờn và mái ngói đỏ. Đảo Quỷ, khắc khổ và hoang dại. Tôi xin phép tên giám thị ngồi xuống mấy phút. Hắn bằng lòng. Chúng tôi ngồi xuống cạnh Clousiot, tôi bên phải, Maturette bên trái. Chúng tôi cầm lấy tay anh từ lúc nào cũng không biết nữa. Sự tiếp xúc này gieo vào lòng chúng tôi một nỗi xúc động lạ kỳ. Không nói một lời, chúng tôi ôm hôn nhau. Viên giám thị nói.

- Thôi các cậu. Phải xuống thôi.

Và chúng tôi từ từ, rất chậm rãi, đi xuống trại. Hai đứa chúng tôi cùng vào trại một lúc, hai bàn tay vẫn nắm lấy nhau, phía sau là hai người khiêng cáng bạn chúng tôi đang hấp hối.

### Cuộc sống ở đảo Royale

Chúng tôi vừa đến sân trại đã được sự quan tâm niềm nở của toàn thể phạm nhân. Tôi gặp lại Plerrot le Fou, Jean Sartrou,

Coloudim, Chissilia. Viên giám thị bảo cả ba chúng tôi phải vào bệnh xá.

Chúng tôi đi qua sân để vào bệnh xá, xung quanh có đến vài chục phạm nhân hộ tống. Chỉ mấy phút sau, Maturette với tôi đã có trước mặt hơn chục gói thuốc lá điều và thuốc lá sợi, một bình cà-phê sữa nóng hổi, mấy tấm sô-cô-la làm bằng ca-cao nguyên chất. Ai cũng muốn tặng chúng tôi một thứ quà gì đó. Clousiot được anh y tá tiêm cho một mũi dầu long não và một liều adrenalin để trợ tim. Một anh da đen gầy gò nói: “Anh y tá ạ, anh lấy phần sinh tốt của tôi phát cho anh ấy đi, anh ấy cần hơn tôi”. Cái cánh tỏ tình đoàn kết thân ái đối với chúng tôi thật cảm động.

Pierre người Bordeaux nói với tôi:

- Cậu cầm lấy ít tiền nhé? Trước khi cậu lên đường đi Royale, tớ sẽ có đủ thì giờ quyên cho cậu một món.

- Thôi, cảm ơn cậu nhiều, tớ có tiền. Nhưng sao cậu biết tớ đi Royale à?

- Biết. Viên kế toán có nói với tớ cả ba cậu sẽ đi. Tớ còn đoán chắc là cả ba sẽ được vào bệnh viện.

Viên y tá vốn là một tên cướp ở vùng núi đảo Corse. Anh ta lên là Essari. Về sau tôi đã có dịp biết anh ta rất rõ. Tôi sẽ kể lại đầu đuôi câu chuyện của anh ta. Đó là một câu chuyện thật thú vị.

Hai tiếng đồng hồ ở bệnh xá trôi qua rất nhanh. Chúng tôi đã được ăn uống ngon lành. No nê và hồ hởi, chúng tôi lên đường đi Royale. Suốt thời gian vừa qua Clousiot mắt cứ nhắm nghiền, chỉ trừ những khi tôi đến cạnh đặt bàn tay lên trán anh, anh mới mở đôi mắt đã mờ đục, nói:

- Papi, bạn ơi! Chúng mình thực sự là bạn của nhau nhỉ.

- Hơn thế nữa, chúng mình là anh em ruột thịt, - tôi đáp.

Vẫn chỉ có một viên giám thị đi kèm, chúng tôi xuống bến. Đi giữa là cái cáng qua Clousiot, còn tôi và Maturette mỗi đứa đi một bên. Đến cổng trại, tất cả phạm nhân đều ra từ biệt và chúc chúng tôi may mắn. Chúng tôi cảm ơn anh em. Tuy họ đều không chịu

nhận. Pierrot le Fou quàng lên cổ tôi một túi dết đựng đầy thuốc lá sợi, thuốc điều, sô-cô-la, sữa hộp Nestlé. Maturette cũng được một túi như thế. Cậu ấy chẳng biết người nào đã quàng lên vai cậu cái túi quà ấy nữa.

Chỉ có anh y tá Fernandez và một viên giám thị đưa chúng tôi ra bến. Fernandez trao cho mỗi đứa chúng tôi một cái phiếu nằm bệnh viện đảo Royale. Tôi hiểu ra rằng chính hai phạm nhân khổ sai làm y tá là Essari và Fernandez đã cấp giấy nhập viện cho chúng tôi, chẳng hỏi ý kiến bác sĩ nữa. Chiếc ca-nô đã chờ sẵn.

Sáu người chèo, hai viên giám thị đeo súng trường ngồi ở phía sau và một viên nữa cầm lái. Một trong những người chèo thuyền là Chapar, bị xử trong vụ chứng khoán ở Marseille.

Chúng tôi lên đường. Sáu mái chèo vỗ xuống nước Chapar vừa chèo vừa nói với tôi:

- Ổn cả chứ Papi? Cậu vẫn nhận được dứa đấy chứ?
- Không, bốn tháng sau thì không nhận được nữa.
- Tớ biết. Có sự cố xảy ra. Cái cậu bị liên lụy đã xử sự rất cừ. Cậu ấy chỉ biết có một mình tớ, nhưng không hề khai tớ ra.
- Cậu ấy bây giờ ra sao?
- Chết rồi.
- Thế à? Tại sao?
- Theo một viên y tá thì hình như cậu ấy bị chúng nó đá vỡ gan.

Thuyền cập bến đảo Royale, đảo lớn nhất trong quần đảo. Đồng hồ cửa hàng bánh mì chỉ ba giờ. Nắng chiều ở đây quả là gay gắt. Tôi thấy chói và bức quá.

Một viên giám thị yêu cầu hai người khiêng cáng. Hai phạm nhân vạm vỡ đồ trắng tinh, cổ tay đeo nịt da đen, nhấc cáng của Clousiot lên trông nhẹ bõn như nhấc cái lông chim. Maturette và tôi bước theo, đi sau cùng là một viên giám thị cầm mấy thứ giấy tờ gì đấy. Đường đi rộng hơn bốn mét, lát bằng đá cuội lớn lấy ở bờ biển, rất khó đi lên dốc. May mà hai người khiêng cáng chốc chốc



lại dừng lại đợi chúng tôi lên kíp. Mỗi lần như vậy tôi lại ngồi ghé xuống khung cang phía đầu Clousiot, tay khẽ vuốt lên trán và lên tóc anh.

Clousiot mở mắt ra, mỉm cười với tôi nói:

- Cậu, Papi!

Maturette cầm lấy tay anh.

- Cậu đây à cậu bé? - Clousiot thì thầm.

Clousiot có vẻ tràn trề hạnh phúc khi thấy chúng tôi ở bên cạnh. Vào một lúc dừng lại nghỉ, khi đã gần đến trại, chúng tôi gặp một tốp phạm nhân đi làm cỏ về. Hầu hết là những phạm nhân cùng sang một chuyến với tôi. Đi ngang qua, ai nấy đều nói với chúng tôi một lời thân ái. Lên đến đỉnh dốc bằng phẳng, chúng tôi trông thấy những viên chức cao cấp nhất trên đảo ngồi trong bóng râm trước một tòa nhà vuông quét vôi trắng.

Chúng tôi đến trước mặt thiếu tá Barrot biệt hiệu là “Dừa khô” và mấy viên chỉ huy trại khác. Không đứng dậy, và không làm ra vẻ nghi thức, thiếu tá nói:

- Thế nào, ở nhà lao Cầm có không đến nổi gay quá chứ? Còn anh nằm cang kia là ai thế?

- Clousiot đây ạ.

Thiếu tá nhìn Clousiot rồi nói:

- Đưa cả ba vào bệnh viện đi. Khi nào họ ra viện, yêu cầu bảo cho tôi biết để họ đến gặp tôi trước khi được đưa về trại nhé.

Ở bệnh viện, họ cho chúng tôi nằm trong một căn phòng rộng rãi, rất sáng sủa, giường nằm rất sạch, có trải drap và có gối mềm hẳn hoi. Người y tá đầu tiên mà tôi nhìn thấy là Chatal - chính viên y tá ở phòng dành cho phạm nhân nguy hiểm ở Saint-Laurent-du- Maroni. Anh ta lập tức đến săn sóc Clousiot và báo một viên giám thị gọi ngay bác sĩ. Khoảng đến năm giờ chiều bác sĩ đến. Sau khi khám nghiệm kỹ lưỡng một hồi lâu, bác sĩ lắc đầu, vẻ không hài lòng. Bác sĩ viết đơn thuốc rồi đi về phía tôi. Ông ta nói với Chatal:

- Papillon với tôi chẳng ưa gì nhau đâu.
- Thế thì tôi lấy làm lạ vì anh ta rất tốt, bác sĩ.
- Có thể. Nhưng anh ta bướng lắm.
- Nhân dịp nào?
- Nhân một lần tôi khám bệnh cho anh ta ở Nhà giam cấm cố.
- Bác sĩ ạ, - tôi nói - đứng ngoài hành lang hỏi tôi mấy câu như thế mà cũng gọi là khám bệnh được sao?
- Ban Quản trị có lệnh cấm mở cửa phòng giam.
- Rất đúng, thưa bác sĩ, nhưng tôi hy vọng rằng bác sĩ không phải là một thành viên của Ban Quản trị: như thế tốt hơn cho bác sĩ nhiều.
- Ta sẽ nói chuyện này vào một dịp khác. Tôi sẽ cố làm cho anh bạn anh hồi phục. Còn anh ta thì tôi e là đã quá muộn.

Chatal kể cho tôi nghe rằng anh bị nghi là có chuẩn bị cho một cuộc vượt ngục nên bị đày ra Quần đảo. Anh ta cũng cho tôi biết rằng Jésus, kẻ đã lừa tôi trong chuyện vượt ngục của tôi, đã bị một người hủi giết chết.

Chatal không biết tên người này. Tôi cứ băn khoăn không biết đó có phải là một trong những người hủi đã giúp đỡ chúng tôi một cách hào hiệp trong chuyện vượt ngục vừa qua hay không.

Cuộc sống của tù khổ sai ở đảo Salut hoàn toàn khác với những điều người ta có thể tưởng tượng. Phần đông phạm nhân đều cực kỳ nguy hiểm, vì nhiều nguyên do. Trước hết ở đây mọi người đều được ăn rất khá, vì ở đây người ta buôn đủ thứ: rượu, thuốc lá, cà-phê, sô-cô-la, đường, thịt, rau tươi, cá, tôm he, dừa v.v... Cho nên phạm nhân đều khỏe mạnh. Khí hậu lại rất lạnh. Chỉ có những phạm nhân có thời hạn mới có hy vọng được trả tự do, còn tù khổ sai chung thân thì hoàn toàn vô vọng, cho nên họ đều rất nguy hiểm: họ còn có sợ gì nữa đâu? Mọi người đều dính dấp vào việc buôn bán lén lút hàng ngày, phạm nhân cũng như giám thị. Đây là một sự pha trộn chẳng dễ gì hiểu nổi. Có những

người vợ giám thị tìm cách đưa phạm nhân trẻ về làm việc nội trợ - và cũng nhiều khi kiêm cả việc làm tình nữa. Những phạm nhân ấy được gọi là “tù gia đình”. Người thì làm vườn, người thì nấu bếp. Chính loại phạm nhân này là đầu mối liên lạc giữa trại tù và các gia đình cảnh sát.

Bọn “tù gia đình” không bị các phạm nhân khác khinh ghét, vì chính nhờ bọn này mà họ có thể tha hồ buôn bán các thứ. Nhưng bọn này cũng không được họ coi như những người “trong sạch”. Trong giới giang hồ chân chính không có một ai hạ mình xuống làm những công việc như thế. Cũng như họ không chịu làm việc “giữ chìa khóa” hay hầu bàn ở nhà ăn của bọn giám thị. Ngược lại, họ rất chuộng những công việc không buộc họ phải dính dáng gì với bọn gác ngục: đổ rác, nhặt lá vàng, chăn trâu, làm y tá, làm vườn cho nhà giam, làm thịt súc vật, làm bánh mì, chèo thuyền, đưa thư, canh hải đăng. Tất cả các công việc này đều do những người “giang hồ chính cống” lĩnh lấy. Một kẻ giang hồ chính cống không bao giờ làm những công việc lao dịch nhằm bảo quản tường rào, đường sá, cầu thang, hay trồng dừa; tức là những công việc lao dịch dưới ánh nắng trực tiếp hay dưới sự kiểm soát của cảnh sát. Phạm nhân phải làm việc từ bảy giờ sáng đến mười hai giờ trưa và từ hai giờ trưa đến sáu giờ chiều, những điều trên đây có thể giúp bạn đọc hình dung sơ sài cái không khí sống trà trộn của những con người hết sức khác nhau, phạm nhân lẫn cảnh sát: đây thật là một cái làng nhỏ trong đó việc gì cũng được mọi người bình luận, việc gì cũng được phán xét, trong đó mọi người đều chứng kiến và quan sát cách sống của nhau.

Dega và Galgani đã đến bệnh viện thăm tôi suốt ngày chủ nhật. Chúng tôi đã cùng ăn món ailloli nấu cá, món canh cá, khoai tây, pho-mát, uống cà-phê, rượu vang trắng. Bữa ăn này chúng tôi gồm có Chatal, Dega, Galgani, Maturette và tôi, đã cùng nấu với nhau trong phòng của Chatal. Các bạn yêu cầu tôi kể lại chuyện vượt biển thật tỉ mỉ. Dega đã quyết định là không tìm cách vượt ngục. Bác ta chờ đợi tin được giam ba năm, thành thử nếu được giam thì chỉ còn có bốn năm. Bác ta đã dành lòng ngòi cho hết bốn

năm ấy. Còn Galgani thì nói là nghe đâu đang được một thượng nghị sĩ người Corse lo cho.

Sau đó đến lượt tôi hỏi. Tôi muốn biết ở đây có những chỗ làm nào thuận tiện hơn cả cho việc vượt ngục. Thế là ai nấy đều kêu văng lên. Đối với Dega vấn đề này chưa bao giờ thoáng hiện trong tâm trí. Galgani cũng vậy. Riêng Chatal thì nghĩ rằng nên tìm một mảnh vườn để chuẩn bị một cái bè. Còn Grandet thì cho tôi biết rằng anh ta làm thợ rèn cho “Công trường” của trại. Đó là một cái xưởng có đủ cái loại thợ: thợ sơn, thợ mộc, thợ rèn, thợ nề, thợ hàn - cả thảy gần trăm hai mươi người. Xưởng lo việc bảo trì nhà cửa của Ban Quản trị. Dega vốn làm kế toán trưởng, có thể xin cho tôi vào đây làm một việc gì tùy tôi chọn. Grandet tỏ ý sẵn sàng nhường cho tôi một nửa chân chủ sòng bạc, để lấy số tiền ăn được của các con bạc mà giữ gìn sức khỏe, khỏi lạm vào tiền giấu trong plan. Về sau tôi sẽ rõ rằng việc này rất thú vị, nhưng cũng cực kỳ nguy hiểm. Ngày chủ nhật trải qua một cách nhanh chóng lạ lùng. “Năm giờ rồi - Dega nhìn cái đồng hồ tuyệt đẹp đeo trên cổ tay, nói - phải về trại thôi”. Khi ra về, Dega cho tôi năm trăm francs để đánh poker, vì trong phòng chúng tôi đôi khi có những đám bạc rất khá. Grandet cho tôi một con dao thượng hảo hạng có chót chắn tay, lưỡi bằng thép do chính tay anh ta tôi.

- Đó là một vũ khí đáng gờm. Đêm ngày cậu bao giờ cũng phải thủ đao trong người.

- Thế nhờ chúng nó khám thì sao?

- Phần nhiều, việc này do bọn giữ khóa A-rập làm. Đối với một người được coi là nguy hiểm, không bao giờ chúng nó phát hiện là có vũ khí, dù có sờ thấy đao rõ ràng chúng nó cũng phải lờ đi.

- Sẽ gặp lại ở trại - Grandet nói.

Trước khi ra về, Galgani nói là đã dành cho tôi một chỗ trong góc của anh ta và hai đứa sẽ cùng một tổ với nhau (người cùng tổ thì ăn chung và tiền của mỗi người cũng là tiền của cái tổ). Dega thì không ngủ ở trại: bác ta có một buồng ngủ riêng trong dãy nhà của Ban Quản trị.

Chúng tôi đến đây đã được ba ngày, nhưng vì đêm nào tôi cũng ở bên cạnh Clousiot, cho nên tôi không biết rõ cho lắm cảnh sinh hoạt ở căn phòng lớn của bệnh viện có đến gần sáu mươi người nằm. Rồi vì Clousiot mệt nặng quá, người ta cách ly anh vào một phòng riêng đã có một người bệnh nặng nằm từ trước.

Chatal cứ tổng mãi morphin vào cho anh. Chatal sợ anh không qua khỏi đêm nay.

Trong phòng có sáu mươi giường xếp lại làm hai dãy, ở giữa là một lối đi rộng ba mét. Hầu như giường nào cũng có người nằm. Hai ngọn đèn dầu hỏa thấp sáng gian phòng. Maturette nói với tôi: “Ngoài kia họ đang đánh poker”. Tôi ra chỗ đánh bài. Có bốn người đang chơi.

- Tôi vào thêm một chân có được không?

- Được, ngồi xuống đi. Mỗi ván tôi thiếu chừng một trăm francs. Mỗi châu ba ván vị chi ba trăm francs.

- Nay, cầm lấy ba trăm tiền các.

Tôi đưa Maturette giữ hộ hai trăm đồng tiền các.

Một người Paris tên là Dupont nói:

- Ở đây đánh theo luật Anh, không dùng joker. Cậu biết cách chơi chứ?

- Biết.

- Thế thì chia bài đi, cậu làm cái trước.

Mấy người này đánh bài với một tốc độ khó tưởng tượng nổi. Bài phải đỡ rất nhanh, nếu không người làm cái sẽ nói: “Đỏ chậm rồi”, và người kia sẽ phải đền. Chính ở đây tôi đã phát hiện được một loại phạm nhân mới: loại con bạc. Họ sống bằng cờ bạc, vì cờ bạc trong cờ bạc. Ngoài cờ bạc ra, họ không còn quan tâm đến một cái gì khác nữa. Họ quên hết: trước kia họ là gì, họ bị xử án gì, họ có thể làm gì để cho cuộc sống của họ thay đổi ít nhiều. Họ không cần biết người ngồi đánh bài với họ là ai, tốt xấu ra sao, chỉ cần người đó đánh bài, thế là đủ.

Chúng tôi chơi suốt đêm hôm ấy. Đến giờ uống cà- phê mới thôi. Tôi được một ngàn ba trăm francs. Tôi đang đi về giường thì Paulo đến gặp tôi hỏi vay hai trăm để đi đánh tiếp mấy ván belote tay đôi. Cần hai trăm mà anh ta chỉ có một.

- Đây, cầm lấy ba trăm. Chung vốn một nửa, tôi nói.

- Cám ơn Papillon. Anh đúng là gã trai tôi đã được nghe nói. Ta sẽ là bạn.

Anh ta chia tay, tôi bắt tay anh ta, và anh ta vui vẻ cầm tiền đi.

Clousiot chết vào sáng hôm ấy.

Đêm trước, vào một lúc tỉnh táo, anh đã yêu cầu Chatal dùng tiêm morphin cho anh nữa:

- Tôi muốn được trọn vẹn khi chết, ngồi trên giường bên cạnh có các bạn tôi.

Có lệ tuyệt đối cấm vào các phòng cách ly, nhưng Chatal đã tự ý bỏ lệ đó, và bạn chúng tôi đã được chết trong tay chúng tôi. Tôi đã vuốt mắt cho anh. Maturette biến dạng đi vì đau đớn.

- Anh ấy là người bạn đường trong cuộc phiêu lưu tuyệt vời của chúng ta. Thế mà bây giờ người ta đã ném anh ấy xuống biển cho cá mập.

Khi nghe mấy tiếng “ném cho cá mập”, tôi lạnh toát cả người. Ở Quần đảo quả nhiên không có nghĩa địa cho phạm nhân. Khi một người tù qua đời, họ đem xác ném xuống biển vào lúc mặt trời lặn, khoảng giữa hai đảo Saint-Joseph và Royale, một nơi hung nhúc những cá mập.

Cái chết của người bạn làm cho tôi không tài nào ở lại bệnh viện được. Tôi nhắn Dega là ngày kia tôi sẽ ra viện. Dega liền viết cho tôi mấy chữ: “Cậu hãy xin Chatal ký giấy cho nghỉ mười lăm ngày ở trại, để cậu có thì giờ chọn một công việc vừa ý”. Maturette sẽ nằm viện mấy ngày nữa. Có lẽ Chatal sẽ giữ cậu ta lại làm y tá phụ việc.



Hôm tôi ra viện, họ dẫn tôi đến trụ sở ban Quản trị gặp thiếu tá Barrot biệt hiệu “Dừa khô”.

- Bướm bướm ạ, - ông ta nói, - trước khi cho anh về trại, tôi thấy cần nói chuyện với anh một chút. Ở đây anh có một người bạn quý làm kế toán cho tôi: Louis Dega ấy. Lão ta nói anh không phải là người như trong các hồ sơ từ Pháp gửi cho chúng tôi nhận xét và vì coi anh là một người vô tội bị xử oan, việc anh thường nổi loạn là việc bình thường. Tôi xin nói với anh rằng tôi không đồng ý lắm với Dega về vấn đề này. Điều tôi đang muốn biết là hiện nay trạng thái tinh thần của anh ra sao.

- Thưa thiếu tá, trước tiên, để có thể trả lời ngài, xin ngài cho biết trong hồ sơ nhận xét về tôi như thế nào?

- Anh cứ xem đi thì biết.

Và thiếu tá đưa cho tôi một cái cặp bìa vàng, trong đó tôi đọc thấy những điều đại loại như sau:

“Henri Charrière, biệt hiệu Bướm bướm, sinh ngày 16 tháng Một năm 1906 ở..., tỉnh Ardèche, bị Tòa Đại hình quận sông Seine xử án khổ sai chung thân vì tội giết người. Nguy hiểm về mọi phương diện, cần được giám sát nghiêm ngặt. Không thể giao những công việc ưu đãi”

“Nhà lao trung tâm Caen: một phạm nhân bất trị, không thể cải hóa. Có khả năng khuấy động và chỉ huy một cuộc nổi loạn. Cần quan sát thường xuyên.

“Saint-Martin-de-Ré: một tù nhân có kỷ luật nhưng rất có ảnh hưởng đối với các bạn tù. Sẽ tìm cách vượt ngục từ bất kỳ nhà giam nào.

“Saint-Laurent-du-Maroni: đã tấn công một cách man rợ vào ba viên giám thị và một viên giữ khóa để trốn khỏi bệnh viện. Được đưa từ Colombia về. Có thái độ đứng đắn khi ra tòa trừng giới. Bị xử nhẹ hai năm cầm cố.

“Nhà lao cầm cố Saint-Joseph: hạnh kiểm tốt cho đến mãn hạn”.

Khi tôi trả lại tập hồ sơ, viên thiếu tá nói:

- Anh bạn Bướm bướm ạ, với một hồ sơ như thế, người có nhiệm vụ quản lý anh khó lòng có thể yên tâm. Bây giờ anh có thể ký kết với tôi một bản giao kèo không?

- Sao lại không ạ? Tuy cũng còn tùy ở nội dung bản giao kèo.

- Tôi tin chắc mười phần là anh sẽ làm hết cách để vượt ngục khỏi Quần đảo, mặc dầu việc này hết sức khó khăn. Rất có thể anh sẽ thành công nữa là khác. - Thế mà về phần tôi, tôi còn phải quản lý Quần đảo năm tháng nữa. Anh có biết một vụ vượt ngục xảy ra thì Giám đốc Quần đảo phải trả giá như thế nào không? Một năm phụ cấp. Tôi sẽ bị tước bỏ số phụ cấp của viên chức hải ngoại, sẽ bị hoãn nghỉ phép sáu tháng và hạn nghỉ phép rút bớt ba tháng. Và tùy theo kết luận sau khi điều tra về vụ vượt ngục, nếu thấy có sự sơ xuất của Giám đốc trại, có thể mất một lon. Anh thấy đấy: chẳng phải chuyện đùa.

Nhưng nếu tôi là người làm việc một cách trung thực thì không thể chỉ vì anh có cơ vượt ngục mà tôi lại có quyền nhốt anh vào ngục hay vào xà lim. Trừ phi tôi đặt điều vu cho anh phạm lỗi này nọ. Cái đó tôi không muốn làm chút nào. Cho nên tôi mong anh lấy danh dự hứa với tôi là sẽ không tìm cách vượt ngục trước khi tôi rời Quần đảo. Năm tháng thôi.

- Thưa thiếu tá, tôi xin lấy danh dự hứa với ngài là chừng nào ngài còn ở đây, nếu không quá sáu tháng, tôi sẽ không đi khỏi Quần đảo.

- Không đến năm tháng nữa tôi sẽ ra đi: đó là điều hoàn toàn chắc chắn.

- Vậy thì rất tốt. Ngài cứ hỏi Dega: bác ta biết tôi đã hứa là giữ lời.

- Tôi tin anh.

- Nhưng đôi lại, tôi có một yêu cầu.

- Yêu cầu gì?

- Trong cái thời hạn năm tháng ấy tôi phải được phân những công việc mà lý ra về sau tôi mới được nhận, và hơn nữa, khi cần tôi sẽ được đổi sang đảo khác.

- Được, tôi đồng ý. Nhưng việc này chỉ có hai chúng ta biết thôi.

- Thưa ngài vâng.

Thiếu tá cho gọi Dega đến: Dega nói rằng chỗ của tôi không phải ở trong đám các “tù nhân tử tế” mà là trong đám giang hồ. Trong tòa nhà giam các tù nhân nguy hiểm: tất cả các bạn tôi đều ở đây. Người ta trao cho tôi cái bị đựng toàn bộ trang phục và đồ dùng của tù khổ sai. Thiếu tá ra lệnh thêm cho tôi mấy bộ quần áo lao động màu trắng tịch thu của bọn thợ may.

Thế là tôi đi theo một viên cảnh sát về khu trung tâm của trại, với hai cái quần trắng mới tinh khô, ba cái áo va-rơ và một cái mũ rơm. Muốn đến dãy nhà nhỏ của Ban Quản trị trại phải đi qua cả khoảng đất bằng trên đỉnh đồi. Chúng tôi đi ngang trước mặt bệnh xá của giám thị, men theo một bức tường cao bốn mét bao quanh trại giam. Sau khi đi gần hết chu vi cái hình chữ nhật rộng mênh mông này, chúng tôi đến cửa chính trại trường giới Quần đảo “Phân trại Royale”. Cánh cửa gỗ to tướng của trại mở toang hoác. Nó cao phải đến sáu mét. hai lớp gác mỗi lớp bốn viên giám thị. Một viên đeo lon ngồi trên một chiếc ghế tựa. Không thấy có súng trường: ai nấy đều đeo súng lục. Tôi còn thấy có năm sáu tên giữ khóa người A-rập.

Khi tôi vào đến vòm cửa, bọn giám thị đều bước cả ra. Viên chỉ huy, người Corse, nói: “Đây là một phạm nhân mới, thuộc loại có hạng”. Bọn giữ khóa toan lục soát tôi, nhưng hấn ngăn họ lại:

- Thôi đừng bày trò bắt hấn giở hết cả bạc-đa ra. Vào đi Papillon. Ở nhà tù trung tâm chắc chắn là có nhiều bạn cũ đang đợi mày. Tao tên là Sofram. Chúc mày gặp may mắn ở Đảo này!

- Cám ơn sếp.

Tôi bước vào một khoảng sân rộng mênh mông xung quanh có ba tòa nhà lớn. Tôi đi theo viên giám thị, vào một tòa nhà có đề

trên cửa: nhà A - Khôi Đặc biệt” trước cánh cửa rộng mở viên giám thị gọi lớn: “Khôi trưởng đâu!” Một người tù khổ sai già bước ra. Viên sếp nói: “Đây là một tay mới”, đoạn bỏ đi. Tôi bước vào một gian phòng lớn hình chữ nhật có một trăm hai mươi người ở. Cùng như trong cái lán đầu tiên của tôi ở Saint-Laurent, hai bên có hai thanh sắt dài chạy song song với hai bức tường làm thành chiều dài của gian phòng, chỉ đứt quãng ở chỗ có cánh cửa sắt đóng vào ban đêm. Giữa mỗi thanh sắt và bức tường đối diện có căng rất thẳng những tấm vải bố dùng làm giường, được gọi là “võng” tuy nó chẳng giống võng chút nào. Nhưng cái “võng” này rất tiện nghi và hợp vệ sinh. Phía trên mỗi tấm vải có hai tấm ván đóng vào tường dành cho phạm nhân để đồ đạc: một tấm để áo quần, một tấm để cà-mèn và thức ăn v.v... Giữa hai hàng võng có một lối đi rộng ba mét, gọi là “hành lang”. Ở đây phạm nhân cũng họp thành từng nhóm nhỏ gọi là “xóm” hay “tổ” sinh hoạt. Có những tổ chỉ có hai người, nhưng cũng có những tổ có đến mười người.

Chúng tôi vừa vào một cái là các tù nhân mặc đồ trắng đồ xô lại.

“Papi, ra phía này!”

“Không, cậu ấy đến chỗ chúng tớ”.

Grandet cầm lấy cái bị của tôi, nói: “Papi sẽ ở một tổ với tớ”

Tôi đi theo Grandet. Họ lấp “võng” cho tôi, kéo thật căng.

- Nay, cầm lấy cái gối lông gà này mà gối. Grandet nói.

Tôi gặp lại cả một lũ bạn bè cũ. Rất nhiều Người Corse và người Marseille, cùng có mấy người Paris: đều là những bạn tù Pháp sang, hoặc giả những người tôi đã làm quen ở nhà lao Sante, nhà lao Conciergie hay trên tàu thủy. Nhưng tôi lấy làm lạ sao giờ này mà họ đều có mặt ở đây cả. Tôi hỏi: “Giờ này mà các cậu không phải đi làm à?” Thế là ai nấy đều cười rộ.

- Chà! Câu này cậu phải chép lại cho chúng tớ làm kỷ niệm đấy! Ở nhà A này ai phải đi làm thì nhiều nhất là mỗi ngày một tiếng. Sau đó là về tổ.

Cuộc đón tiếp của các bạn thật là nồng nhiệt. Được như thế này mãi thì hay quá. Nhưng tôi chợt nhận thấy một điều mà tôi không hề dự kiến: tuy chỉ nằm bệnh viện có mấy ngày, giờ đây tôi thấy mình phải học lại cách sống tập thể.

Tôi được chứng kiến một cảnh mà tôi khó lòng có thể tưởng tượng nổi. Một anh chàng mặc đồ trắng bước vào hai tay bưng một cái khay lớn phủ một tấm vải trắng tinh, rao: “Bít-tết, bít-tết đây! Ai bít-tết nào?” Một lát sau hắn đã đến ngay chỗ chúng tôi, dừng lại, giở tấm vải trắng ra, để lộ cả một khay bày toàn là bít-tết xếp từng chồng sắp rất ngang hàng thẳng lối như trong một cửa hàng thịt chính quy ở Pháp. Có thể thấy rõ Grandet là một ông khách thường xuyên, vì cái anh bưng bít-tết không hỏi xem anh ta có mua bít-tết không, mà chỉ hỏi xem anh ta lấy bao nhiêu suất.

- Năm suất.

- Phô-phi-lê hay thịt vai nào?

- Phô-phi-lê. Hết bao nhiêu đây? Cậu tính số lại thử xem, vì bây giờ tổ tớ thêm một nhân khẩu, chẳng giống mọi hôm.

Cậu bán bít-tết rút ra một cuốn sổ tay, tính toán cái gì một lúc.

- Cả thấy vị chi một trăm ba mươi lăm francs: tổng cộng đấy.

- Thế thì tớ thanh toán hết, để bắt đầu ghi sổ lại từ đầu.

Khi anh bán thịt đã đi chỗ khác. Grandet nói với tôi:

- Ở đây mà không có bím thì chỉ có chết. Nhưng cũng may là có một phương pháp để lúc nào cũng rủng rinh: đó là “biện pháp D”.

Ở trong đám giang hồ chính cống, “biện pháp D” (tức là “debrouille”) là cái cách xoay sở riêng của từng người để kiếm tiền xài. Anh đầu bếp của trại lấy suất thịt của các tù nhân, rán bít-tết đem bán. Khi nhận thịt ở nhà bếp, hắn cắt bớt đi chừng một nửa. Tùy loại thịt, hắn làm bít-tết, làm ra-gu hay đem hầm nhừ. Một phần đem bán cho bọn giám thị thông qua vợ họ, một phần đem bán cho các phạm nhân có tiền. Dĩ nhiên, anh đầu bếp cũng có

chia phần lời cho viên giám thị phụ trách bếp núc. Nhà đầu tiên anh ta mang hàng đến bao giờ cũng là nhà A, nhà của khối Đặc biệt tức của chúng tôi.

Vậy thì biện pháp D là biện pháp của anh đầu bếp bán thịt bán mỡ, của anh làm bánh mì bán bánh mì phăng-te-di và bánh mì trắng ba-ghét, tức bánh mì ống sáo nướng dòn tan, dành cho bọn giám thị, của anh đồ tể ở lò thịt bán thịt cho anh đầu bếp; của anh y xá bán thuốc tiêm; của anh kế toán ăn tiền để chỉ định cho phạm nhân nhận việc này việc nọ, hay chỉ để cho anh miễn một khoản cởvê nào đấy; của anh lao vườn, bán rau quả tươi; của anh tù làm ở phòng thí nghiệm bán kết quả xét nghiệm, nhiều khi còn sản xuất ra cả những bệnh nhân ho lao dỏm, cùi dỏm, ly dỏm, v.v..., của những chuyên gia ăn cắp các thứ vật vãnh trong sân nhà bọn giám thị rồi đem ra bán: trứng, gà, xà-bông Marseille; của những anh “tù gia đình” chuyên móc nối dối chác với bà chủ nhà, ai cần gì cứ nhờ họ kiếm cho: bơ, sữa đặc, sữa bột, hộp cá thu, hộp cá trích, pho-mát, và dĩ nhiên là cả rượu vang, rượu mạnh (chẳng hạn tổ tôi bao giờ cũng có một chai Ricard và mấy bao thuốc lá Mỹ hayAng-lê); rồi lại còn những anh tù được phép đi câu, chuyên bán cá tươi và tôm he nữa.

Nhưng cái biện pháp D hơi nhất, và cũng là nguy hiểm nhất nữa, là làm chủ sòng bạc. Lệ ở đây quy định là không bao giờ được có hơn ba hay bốn chủ sòng trong một khối gồm một trăm hai mươi tù nhân. Người nào định kiếm chân chủ sòng thì đang đêm cứ đến một sòng đang chơi tuyên bố:

- Tớ muốn kiếm một chân chủ sòng.

Người ta thường trả lời hần là không được đâu.

- Mọi người đều đồng ý là không được chứ?

- Không được.

- Vậy thì tớ chọn cậu Mỗ đây: tớ chiếm chỗ cậu.

Cái anh mỗ được chọn kia đã hiểu. Hần đứng dậy, ra giữa phòng và hai người rút dao ra độ sức. Ai thắng thì được giữ chân



chủ sòng. Chủ sòng được hưởng hồ năm phần trăm mỗi số tiền thắng được.

Cờ bạc cũng là cơ hội thực hiện những biện pháp D vụn vặt khác, có những anh chuyên trải những tấm chăn thật thắng thơm xuống đất cho mọi người ngồi, lại có những anh cho thuê mấy cái ghế đôn con con dành cho những con bạc không quen ngồi xếp bằng, có những anh bán thuốc lá điếu bên sòng bạc: họ đặt lên tấm chăn mấy cái hộp xì gà cũ, đựng những bao thuốc Pháp, Anh, Mỹ hay những điếu thuốc quán lầy. Mỗi thứ đều có giá nhất định. Ai muốn hút cứ việc tự lấy ra, nhưng không được quên bỏ vào hộp số tiền đã ấn định cho từng loại thuốc. Lại có cả những anh chuyên trách mấy cái đèn dầu noa, trông nom cho đèn đừng bốc khói nhiều quá. Đó là những cây đèn làm bằng hộp sữa, mặt trên đục lỗ sâu bác. Lâu lâu lại phải gạt bác cho đỡ bốc khói. Những con bạc không hút thuốc thì dùng kẹo hay bánh ngọt: việc sản xuất các thứ này cũng làm thành một nghề D riêng. Mỗi khối nhà đều có một hay hai anh bán cà-phê. Cà-phê theo kiểu A-rập, được ủ nóng suốt đêm trong hai cái bao bố gấp kín lại và được để ở một chỗ cố định. Lâu lâu người bán cà-phê lại đảo qua sòng bạc chào mời, tay cầm một cái bình thủy tự chế đựng cà-phê hay ca cao nóng.

Cuối cùng là nghề tiểu thủ công. Đây có thể nói là một biện pháp D có tính chất mỹ nghệ. Có người mua lại đôi môi của những tù nhân chuyên đi câu để gia công. Mỗi cái mai như vậy có mười ba mang có thể nặng tới hai ki lô. Nhà mỹ nghệ dùng đôi môi làm vòng đeo tay, làm hoa mai, làm vòng đeo cổ, làm cán điếu, làm lược và làm bàn chải. Tôi còn được trông thấy một cái hộp làm bằng đôi môi vàng, thật là một tuyệt phẩm. Lại có những người chạm trở sọ dừa, sừng trâu sừng bò, gỗ mun và gỗ đào hình rắn. Cũng có người làm những thứ đồ gỗ cao cấp đòi hỏi độ chính xác rất cao, không có lấy một cái đinh, toàn dùng khớp làm lại. Những người khéo tay nhất thì làm đồ đồng đen. Lại có cả những họa sĩ nữa.

Cũng có nhiều tài nghệ khác nhau được liên kết lại để làm một sản vật duy nhất. Nói giả dụ có một người tù câu được một con cá mập. Hắn liền lấy xương hàm con cá đánh thật sạch rồi gia

công sao cho xương và hai hàng răng thật bóng, thật thẳng, chót cho cái hàm há rộng thành một cái khung xung quanh toàn răng nhọn hoắt. Một anh thợ gỗ làm một cái mô hình neo bằng gỗ mịn thớ đánh thật bóng, phần giữa thật rộng để có thể vẽ tranh lên trên. Cái neo được gắn vào giữa cái hàm cá mập, và một họa sĩ vẽ lên đây một cảnh Quần đảo Salut giữa biển cả. Chủ đề hay được sử dụng nhất là chủ đề sau đây: mũi đảo Royale, có biển và đảo Saint Joseph. Trên mặt biển màu xanh biếc ánh tà dương lấp lánh. Trên mặt biển là một con thuyền có sáu phạm nhân mình trần đứng cầm chèo đứng thẳng, phía sau lại có ba viên cảnh binh cầm tiểu liên. Ở mũi thuyền, hai người đang dốc một cỗ quan tài: từ đây tụt ra một cái xác chết bọc trong bao bột. Trên mặt nước có thể trông thấy mấy con cá mập đang há mồm đợi ăn. Ở phía dưới bức tranh, bên góc phải có đề “Mai táng ở Royale” và ngày tháng vẽ tranh.

Tất cả các “mỹ nghệ phẩm” như trên đều bán cho các nhà giám thị. Những chế phẩm đẹp nhất thường được đặt mua trước hay đặt làm riêng. Phần còn lại bán cho các chuyến tàu ghé đảo. Đây là lãnh vực của mấy anh chèo thuyền. Cũng có những anh bịp đời, lấy một cái ca cũ kỹ mép méo, khắc dòng chữ “cái ca này trước kia là ca của Dreyfus - Đảo quý, - ngày... tháng...” Thìa và cà-mèn cũng được dân bịp đời sử dụng kiểu đó. Đối với mấy anh lính thủy người Bretagne thì có một món ăn chắc: bất cứ đồ vật gì có khắc tên “Sezenec”.

Những cuộc mua bán thường xuyên này thu hút vào Quần đảo rất nhiều tiền, và bọn giám thị thấy rõ điều đó có lợi cho họ, cho nên họ cứ để mặc. Mãi lo việc sản xuất và bán chác, tù nhân dễ điều khiển hơn và dễ an phận với cuộc sống đầy ải của họ hơn. Thói pê-đê ở đây đã trở thành một nếp sống chính thức. Mọi người, cho đến cả chỉ huy trại giam, đều biết rằng cậu Mỗ nào đó là vợ của một cậu Mễ nào đó, và nếu có trót chuyển một trong hai cậu ấy sang đảo khác mà quên mất cậu kia thì người ta làm đủ cách để cho cái đôi bị “chia loan rẽ thúy” kia sớm đoàn tụ. Trong cả đám phạm nhân ấy không có lấy được ba phần trăm có ý định tìm cách trốn khỏi quần đảo. Ngay cả những người bị án chung thân cũng

không. Cách duy nhất để có cơ vượt ngục là làm sao được miễn giam và được chuyển về Đất liền, về Saint-Laurent, Kourou hay Cayenne. Điều đó chỉ có thể có được với những người bị giam có thời hạn. Đối với những người bị án giam chung thân thì không có cách gì, trừ phi là giết người. Vì nếu phạm nhân giết chết một người nào, thì sẽ bị đưa về Saint-Laurent để xử. Nhưng vì muốn đến Saint-Laurent phải qua thủ tục thú nhận tội sát nhân, người ấy có nguy cơ bị năm năm cấm cố mà không biết là liệu trong cái thời hạn ngắn ngủi ở trại trừng giới Saint-Laurent (tôi đã là ba tháng) có đủ thì giờ để tổ chức vượt ngục hay không?

Cũng có thể tìm cách xin được miễn giam vì lý do sức khỏe. Nếu được công nhận là ho lao thì được chuyển đến trại của phạm nhân ho lao, gọi là “Trại mới”, cách Saint-Laurent tám mươi cây số.

Còn có bệnh hủi hay bệnh kiết lý kinh niên nữa. Muốn được công nhận có một trong hai bệnh này cũng tương đối dễ, nhưng làm như thế có một nguy cơ rất khủng khiếp: phải chung sống hai năm, cách ly trong một căn nhà riêng với những người mắc bệnh hủi thứ thiệt hay bệnh kiết lý thứ thiệt. Trong hai năm ấy chẳng khó gì mà chẳng chuyển từ hủi dỏm thành hủi xịn và từ kiết dỏm thành kiết xịn: không ít người đã qua cái quá trình ấy.

Thế là tôi đã an cư lạc nghiệp trong khối nhà A với một trăm hai mươi bạn tù của tôi. Phải cố học cách sống trong cái khối cộng đồng này, nơi mà người ta phân loại được anh ngay. Trước hết phải làm sao cho mọi người biết rõ rằng không thể nào tấn công mình mà không bị giáng trả đích đáng. Được mọi người e sợ rồi, còn phải được họ kính trọng vì thái độ của mình khi đối xử với bọn côm, không được nhận một số chức việc nào đấy, phải khước từ một số công việc nhất định, không bao giờ được khuất phục một tên giữ khóa, không bao giờ tuân lệnh hắn, dù có phải vì thế mà xung đột với một viên giám thị cũng vậy. Nếu đã đánh bạc suốt đêm rồi thì đến giờ điểm danh cũng không ra. Người trưởng khối chỉ việc trả lời: “ôm phải nằm”, thế là xong. Ở các khối khác, nhiều khi bọn giám thị vào tận phòng tìm “người ôm” và bắt hắn ra điểm danh. Nhưng ở khối dân cứng đầu thì không bao giờ. Chung quy,

điều mà từ cấp cao đến cấp thấp bọn họ quý nhất là được yên thân ở trại khổ sai này.

Bạn cùng tổ với tôi, Grandet, là một người Marseille ba mươi lăm tuổi. Người cao lêu đêu, gầy như que củi, nhưng rất khỏe. Chúng tôi là chỗ bạn thân từ hồi ở Pháp. Chúng tôi hay gặp nhau ở Toulon, cũng như ở Marseille và ở Paris. Đó là một tay khoét tú sắt nổi tiếng. Anh ta hiền nhưng có lẽ rất nguy hiểm. Hôm nay tôi không ra ngoài. Trong gian phòng rộng mênh mông hầu như chỉ có một mình tôi. Ông già trưởng khối đang quét và lau cái sàn xi măng. Tôi trông thấy một phạm nhân đang ngồi sửa đồng hồ, mắt trái đeo cái gì bằng gỗ. Ở phía trên vồng của hắn có một tấm ván treo đến ba chục cái đồng hồ. Nhìn nét mặt thì hắn độ ba mươi tuổi là cùng, nhưng đầu hắn bạc trắng. Tôi đến cạnh hắn, nhìn hắn làm việc một lúc. Rồi tôi thử bắt chuyện với hắn. Hắn cứ câm như hến. Thậm chí cũng chẳng thèm ngẩng mặt lên một lần nào, hơi trạnh lòng, tôi bỏ đi ra sân, đến ngồi ở cạnh máy nước. Ở đây đã có Titl la Belote, đang tập dượt với một cỗ bài mới tinh khôi. Mười ngón tay mềm mại của hắn thoăn thoắt trang di trang lại ba mươi con bài với một tốc độ không tài nào tưởng tượng nổi. Vẫn không ngừng ngưng động tác chớp nhoáng của nhà ảo thuật, hắn bảo tôi:

- Thế nào anh bạn? ở Royale có ổn không?

- Ổn, nhưng hôm nay tớ chán quá. Tớ sẽ tìm việc gì làm, để ra ngoài trại một chút. Ban này tớ muốn nói chuyện một lát với cái tay gì sửa đồng hồ trong kia, nhưng hắn cũng chẳng buồn trả lời tớ nữa.

- Anh không biết đấy Papi ạ, chứ thằng cha ấy nó có coi ai ra gì đâu. Nó chỉ biết mấy cái đồng hồ của nó. Ngoài ra nó đếch cần. Quả tình sau những chuyện nó phải chịu đựng, nó có quyền điên lắm. Nó chưa điên là may. Anh hãy tưởng tượng mà xem, cái anh chàng trẻ tuổi ấy - có thể gọi hắn như vậy vì hắn chưa đến ba mươi - năm ngoái đã từng bị xử tử vì bị buộc tội là “hiếp” vợ một thằng cớm. Chuyện lão toét cả. Hắn ngủ với cô chủ từ lâu - cô ta là vợ một viên giam thị trưởng người Bretagne. Vì hắn là “tù gia đình” ở

nhà họ, cho nên cứ đến ngày trực của viên giám thị là hai anh chị tha hồ. Nhưng anh chị đã phạm một sai lầm lớn: cô nàng không cho anh chàng giặt là áo quần nữa, cô ta tự làm lấy: thế là anh chồng mọc sừng xưa nay vốn biết tính cô ta lười, thấy lạ và sinh nghi. Nhưng anh ta chưa có bằng chứng là mình bị mọc sừng. Cho nên anh ta quyết định bày mưu để bắt quả tang tại trận và giết chết cả đôi. Anh ta đã không lường trước được cách phản ứng của cô nàng. Một hôm, trực được hai tiếng thì anh ta bỏ phiên về nhà, gọi một viên giám thị về theo lấy cớ là để biểu tay này một súc giấm-bông nhà mới gửi cho. Hai người khẽ khàng đi vào cổng, nhưng vừa vào đến nhà thì con vẹt nuôi trong nhà ré lên “Ông chủ đã về!” như nó vẫn quen làm mỗi khi viên giám thị về. Ngay tức khắc cô vợ hét lên: “Cứu với! Nó hiếp tôi đây này!” Hai tên gác xông vào buồng đúng vào lúc cô vợ vừa vùng ra khỏi tay anh tù.

Anh này vội nhảy qua cửa sổ chạy. Viên giám thị bắn theo, một phát trúng vai anh ta. Trong khi đó, cô nàng xé rách áo choàng, cào xước vú và má mình ra. Anh tù ngã xuống, tên gác người Breton toan bắn chết thì tên gác kia giặt súng đi. Tớ cần nói rõ là tên gác này người Corse, ngay từ đầu đã hiểu rằng vợ ông sắp phịa chứ ở đây chẳng có chuyện hãm hiếp gì hết. Nhưng tên người Corse không thể nói chuyện này với tên kia, cứ làm như thể mình tin câu chuyện hiếp dâm là chuyện thật. Anh thợ đồng hồ bị xử tử hình. Đến đây thì chẳng có gì phi thường hết, anh bạn ạ. Sau đó mới ly kỳ.

“Ở Royale, trong những khu trừng phạt có một cái máy chém, mỗi bộ phận đều có chỗ cất riêng trong một căn nhà đặc biệt. Ngoài sân là năm phiến đá xây kỹ thành bệ bằng phẳng để đặt máy chém. Cứ mỗi tuần, đao phủ thủ và hai người tù giúp việc cho hắn lại đem cái máy ra lắp lên bệ, lưỡi dao lưỡi diéc đầy đủ bộ sậu, rồi cho máy chém thử hai ba cây chuối. Để cho chắc là máy vẫn trơn tru, khi cần đến không lo trục trặc. (anh thợ đồng hồ người Savoie lúc bấy giờ đang nằm trong khám tử hình với bốn người nữa, hai người A-rập và một người Sicilia). Cả năm người đang đợi phúc đáp đơn xin ân xá do những viên giám thị đã bênh vực họ viết hộ cho.

Một buổi sáng nọ người ta lắp máy chém và đột nhiên mở cửa buồng giam anh thợ đồng hồ. Tóp dao phủ xông vào trói chân anh ta lại và cũng sợi dây ấy buộc hai cổ tay, dây liền với chân. Họ lấy kéo xén cổ áo rồi dắt anh ta đi từng bước ngắn trong ánh sáng mờ mờ của buổi bình minh, từ từ vượt qua cái khoảng cách chừng hai mươi mét từ buồng giam đến máy chém. (chắc bạn cũng biết rằng khi anh đến trước máy chém, anh giáp mặt với một tấm ván dựng đứng cao ngang vai anh, có đinh sẵn nịt da để buộc sắp anh vào đấy, sau đó, tấm ván sẽ được lật ngang ra và thế là anh chuyển sang tư thế nằm sắp, cổ đặt vừa đúng vào chỗ lưỡi dao sẽ rơi xuống. Vậy thì người ta đang sắp sửa lật ngang tấm ván có buộc anh thợ đồng hồ, nhưng vừa đúng lúc ấy ông chỉ huy trại - ông “Dừa khô” đương kim trại trưởng đấy - ra sân: theo lệ của trại, ông ta bắt buộc phải dự cuộc hành quyết. Tay ông ta cầm một cây đèn bão lớn, và khi giơ đèn lên soi, ông ta mới thấy là bọn cớm chết tiệt ấy nhằm: chúng nó suýt chặt đầu anh thợ đồng hồ trong khi anh ta chẳng dính dáng gì với cuộc hành quyết sáng hôm ấy.

- Dừng lại Dừng lại! - Barrot quát lớn.

Ông ta xúc động đến mức dường như không nói được nữa. Ông ta buông cây đèn bão rơi xuống đất, xô lấn mọi người, cảnh sát cũng như phạm nhân, tự tay đến cởi trói cho anh sửa đồng hồ Savoie. Mãi sau đó ông ta mới ra lệnh được:

- Y xá, đưa anh ta về buồng giam. Săn sóc kỹ, cho uống rượu rum. Còn các anh, cái lũ ăn hại kia, vào bắt ngay tên Rencassen đưa ra đây. Hắn mới là kẻ phải xử tử hôm nay, chứ không phải ai khác!

“Hôm sau, anh thợ đồng hồ đã bạc trắng cả đầu ra như anh thấy đấy. Trạng sư của hắn là một cảnh binh ở Calvi, bèn viết thêm một lá đơn xin ân xá nữa gửi ông Bộ trưởng Tư pháp, trong đơn có kể lại việc này. Anh thợ đồng hồ được ân xá, chuyển án tử hình thành án chung thân. Từ đấy, anh ta suốt ngày sửa đồng hồ cho nhân viên trong trại. Anh ta say mê công việc quên hết mọi sự trên đời. Sửa xong anh ta giữ lại rất lâu để kiểm tra, điều chỉnh,



cho nên trên ván mới treo ngàn ấy đồng hồ. Bây giờ thì anh đã hiểu ra rằng hắn có quyền hơi điên một chút chứ?

- Hiểu, Tita ạ, sau một cái sốc như thế, hắn có quyền không hồ hởi với mọi người cho lắm. Tôi thành thật thương hại hắn.

Mỗi ngày tôi lại học thêm được chút ít về cuộc sống mới này. Khôi A quả là một nơi tập trung những con người đáng sợ, xét về những thành tích dĩ vãng cũng như về cách phản ứng của họ trong sinh hoạt hàng ngày. Tôi vẫn chưa làm việc: tôi còn đợi một chân đồ thùng. Kiếm được chân này; tôi chỉ phải làm mỗi ngày bốn mươi lăm phút, rồi sau đó được đi lại tự do trên đảo và được phép xuống biển đánh cá. Sáng hôm ấy, đến buổi điểm danh lấy người đi làm cỏ vê ở đồn điền trồng dứa, họ chỉ định Jean Castelli. Ông ta bước ra khỏi hàng hỏi:

- Cái gì? Tôi mà cắt đi làm cỏ-vê à? Tôi ấy à?

- Phải, anh đấy! - Tên gác đội cỏ-vê nói. - Đây, cầm lấy cái cuốc chim này.

Castelli lạnh lùng nhìn hắn:

- Anh kia, anh không hiểu rằng phải là dân cái xứ Auvergne nhà anh mới biết cách dùng cái thứ cuốc quỷ quái ấy à? Tôi là người Corse ở Marseille. Ở Corse người ta ném các dụng cụ đi cho thật xa, còn ở Marseille người ta còn không biết nó là cái gì nữa. Anh cứ giữ lấy cái cuốc và để cho tôi yên.

Tên côm trẻ, chưa am hiểu công chuyện ở đây lắm (như về sau tôi được biết), giơ cao cái cán cuốc lên dọa Castelli. Lập tức một trăm hai mươi người quát lên cùng một lúc:

- Buông cuốc xuống, không thì chết ngay bây giờ!

Grandet hô:

- Giải tán!

Thế là không bận tâm đến tư thế sẵn sàng tấn công của tất cả những tên cảnh binh có mặt lúc bấy giờ, chúng tôi kéo nhau trở về khối.

Khởi “B” đang lũ lượt kéo nhau đi làm, cả khởi “C” cũng vậy. Ở khởi chúng tôi thấy có chừng mười hai tên cảnh binh đến, và một việc không bình thường xảy ra: họ đóng cánh cửa sắt lại. Một giờ sau, bốn chục tên cảnh binh đứng thành hai hàng hai bên khung cửa, tiểu liên cầm lăm lăm trong tay. Viên phó chỉ huy trại, viên chỉ huy đội gác, viên giám thị trưởng và cả bọn giám thị đều có mặt đông đủ chỉ trừ viên chỉ huy trại đã đi thanh tra đảo Quỷ từ lúc sáu giờ sáng, trước khi xảy ra biến cố vừa qua. Viên phó chỉ huy trại nói:

- Dacelli, gọi từng người một ra.

- Grandet? Bước ra!

Grandet bước ra đứng giữa hai hàng cảnh binh xếp hai bên cửa sắt. Dacelli nói:

- Đi làm đi!

- Tôi không đi được.

- Anh từ chối phải không?

- Tôi không từ chối. Tôi ốm.

- Từ bao giờ? Lúc điểm danh lần đầu anh có cáo ốm đâu?

- Hồi sáng tôi không ốm. Bây giờ tôi mới ốm.

Sáu mươi người được gọi ra khỏi hàng sau Grandet đều lần lượt trả lời đúng như vậy. Chỉ có một người nói thẳng ra là mình không tuân lệnh. Chắc anh ta có ý định làm cho họ phải đưa anh ta về Saint-Laurent để ra tòa án binh. Khi họ hỏi: “Anh từ chối à?” anh ta trả lời:

- Đúng, tôi từ chối, mà từ chối đến ba lần.

- Ba lần? Tại sao?

- Vì các người làm tôi buồn mửa. Tôi dứt khoát không làm việc cho những hạng người đều cáng như các anh.

Không khí căng thẳng đến tột độ. Bọn cảnh binh nhất là những tay hầy còn trẻ, khó chịu đựng nổi khi bị phạm nhân sỉ nhục đến mức ấy. Họ chỉ chờ có một dịp: một cử chỉ đe dọa của

đám phạm nhân, sẽ cho phép họ ra tay trấn áp. Nhưng trong khi chờ đợi, súng họ vẫn phải chĩa mũi xuống đất.

- Tất cả những phạm nhân đã gọi tên, cởi hết ra. Đi về xà lim!

Trong khi áo quần được cởi bỏ tụt xuống đất chóc chóc lại nghe tiếng một con dao rơi xuống khoảng sân trắng nhựa đánh cách một cái. Vừa lúc ấy bác sĩ đến.

- Thôi, đứng lên đã! Bác sĩ đây rồi. Xin bác sĩ khám cho mấy người này. Những ai không được công nhận là ốm sẽ vào xà lim. Những người ốm thật sẽ được trả về khỏi.

- Có sáu mươi người ốm sao?

- Thưa bác sĩ vâng, trừ người kia không chịu đi làm.

- Nào, tôi bắt đầu khám người thứ nhất. - bác sĩ nói. - Grandet, anh ốm thế nào?

- Tôi mắc bệnh rối loạn tiêu hóa của cai ngục bác sĩ ạ. Chúng tôi đều là phạm nhân bị xử tội nặng, phần lớn đều là án chung thân. Ở quần đảo này không có hy vọng gì vượt ngục. Cho nên chúng tôi chỉ có thể chịu đựng nổi cuộc sống này nếu quy chế nhà tù được áp dụng một cách co giãn chút ít và có hiểu biết, thông cảm với chúng tôi. Thế nhưng sáng nay, trước mặt tất cả chúng tôi, một viên giám thị đã tự cho phép mình giơ cán cuộc định đánh một bạn tù được mọi người kính trọng. Đó không phải là một động tác phòng ngự, vì người tù không hề đe dọa ai cả. Bác ta chỉ nói là bác ta không muốn dùng cuộc. Nguyên nhân của bệnh dịch tập thể của chúng tôi là như thế. Xin bác sĩ cứ suy xét.

Bác sĩ cúi đầu nghĩ ngợi dễ đến một phút, rồi nói:

- Y tá, hãy ghi vào: “Do ngộ độc tập thể vì thức ăn, y tá giám thị Mỗ sẽ thi hành những biện pháp cần thiết để phát cho tất cả các phạm nhân khi ốm hôm nay mỗi người một liều hai mươi gam sulfat natri để tẩy ruột. Còn phạm nhân X thì hãy đưa vào bệnh viện để chúng tôi kiểm tra xem khi tuyên bố từ chối lao công anh ta có đang ở trong trạng thái tâm thần bình thường hay không”.

Nói đoạn, bác sĩ quay lưng lại, bỏ đi thẳng.

- Tất cả về khối - Viên phó chỉ huy trại hô. - Nhặt quần áo lên, và chớ quên mấy con dao.

Hôm ấy ai nấy đều ở lại phòng giam. Không ai ra ngoài được, kể cả người đưa bánh mì. Đến trưa không thấy đưa xúp vào, mà chỉ thấy viên giám thị y tá, có hai phạm nhân y tá đi theo, xuất hiện với một cái xô bằng gỗ đựng thuốc tẩy sulfat natri. Chỉ có ba người phải uống thuốc. Người thứ tư tự nhiên lên cơn động kinh ngã đúng vào xô thuốc, làm cả cái xô, cả cái gáo và cả chỗ thuốc mỗi thứ văng ra một nơi: anh ta bắt chước cơn động kinh giống như hệt! Thế là cái biển cổ kia chấm dứt, nếu không kể cái lệnh ban cho trưởng khối là phải lau cho khô chỗ thuốc đổ lênh láng ra sàn nhà.

Suốt buổi trưa hôm ấy tôi ngồi nói chuyện với Castelli. Bác ta đến ăn với chúng tôi. Tổ của bác ta thì có một người Toulon tên là Louis Gravon, bị đày vì tội ăn trộm lông thú. Khi tôi nói chuyện vượt ngục, mắt anh ta sáng quắc lên. Anh nói:

- Năm ngoái tôi đã suýt vượt ngục được, nhưng rốt cuộc cũng bị thất bại. Tôi cũng đã cảm thấy anh chẳng phải là người cam phận, đành chịu bó gối ở đây. Chỉ có điều là đã ở Quần đảo này mà nói chuyện vượt ngục thì chẳng khác nào nói chuyện lên cung trăng. Mặt khác, tôi nhận thấy anh chưa hiểu được dân tù khổ sai ở Quần đảo. Trông thế chứ tám mươi phần trăm tự cảm thấy mình ở đây cũng tương đối sung sướng. Sẽ không có ai tố giác anh bao giờ, dù anh có làm gì chẳng nữa. Anh giết người nào, sẽ không có ai ra làm chứng. Anh lấy trộm ư. Cũng thế thôi. Dù một bạn tù có làm gì thì mọi người đều kết lại bênh vực bạn ấy. Dân tù quần đảo chỉ sợ có mỗi một điều: đó là một cuộc vượt ngục thành công. Vì trong trường hợp đó, cảnh sống tương đối yên ổn của họ bị đảo lộn hoàn toàn: khám xét liên tục, không còn được đánh bài, không còn chơi nhạc được nữa - các nhạc cụ đều bị phá huỷ trong những cuộc khám xét, không còn được đánh cờ vua, cờ đam nữa. Cũng không được làm đồ mỹ nghệ nữa. Mọi thứ không trừ một thứ gì đều bị xúp hết. Họ lục soát liên hồi. Đường, dầu ăn, bít tết, bơ đều biến

sạch. Xưa nay tất cả những người trốn được khỏi Quần đảo với Quần đảo thì đó vẫn là những cuộc vượt ngục thành công: dù sao họ cũng đã trốn được ra khỏi Quần đảo. Do đó bọn gác bị phạt, và lẽ tự nhiên là họ phải trả thù cả đám phạm nhân.

Tôi vênh hết tai lên mà nghe. Tôi nghe mà không sao khỏi bàng hoàng. Tôi chưa bao giờ xem xét vấn đề dưới góc độ này.

Castelli nói:

- Đến cái ngày cậu quyết định chuẩn bị một cuộc vượt ngục, cậu hãy coi chừng. Trước khi điều đình với một cậu nào, phải suy nghĩ cân nhắc cho thật kỹ, trừ phi đó là một người bạn chí cốt.

Jean Castelli, chuyên gia bẻ khóa, có một nghị lực và một trí thông minh hiếm có. Bác rất ghét sự hung bạo. Anh em gọi bác ta bằng cái biệt hiệu người Cổ đại. Chẳng hạn bác ta chỉ tắm rửa bằng xà-bông giặt Marseille, và nếu tôi vừa tắm bằng xà-bông Palmolive, bác ta liền nói: “ồ, cậu sặc mùi pê-đê, thật đấy! Cậu lại tắm bằng xà-bông đàn bà rồi!” Tiếc thay, bác ta đã năm mươi hai tuổi, nhưng những gân cốt sắt thép của bác trông thật sừng sất. Bác nói: “Papi ạ, trông cậu người ta có thể ngỡ cậu là con tôi. Sinh hoạt ở Quần đảo không làm cho cậu quan tâm. Cậu ăn nhiều chỉ vì muốn giữ phong độ, chứ không bao giờ cậu nghĩ đến việc tổ chức một cuộc sống lâu dài trên Quần đảo. Tôi mừng cho cậu. Trong cả đám tù khổ sai ở đây chẳng có nổi sáu người nghĩ như cậu. Nhất là nghĩ đến chuyện vượt ngục. Quả tình, cũng có khối người chỉ ra hàng gia tài để được miễn giảm và chuyển về đất liền, toan tính sẽ vượt ngục từ đây. Nhưng ngay ở đây thì không một ai tin là có thể vượt ngục”.

Ông già Castelli khuyên tôi: nên học tiếng Anh và hễ có dịp là phải nói chuyện bằng tiếng Tây Ban Nha với một người Tây Ban Nha. Ông ta có cho tôi mượn một cuốn sách học tiếng Tây Ban Nha trong hai mươi bốn bài. Một cuốn từ điển Pháp-Anh. Ông ta có một người bạn rất thân, người Marseille, tên là Gardès, có am hiểu chuyện vượt ngục. Ông này đã vượt ngục hai lần, lần thứ nhất trốn khỏi trại khổ sai Bồ Đào Nha; lần thứ hai trốn từ Đất Liền. Ông ta có quan điểm riêng về việc vượt ngục từ Quần đảo,

Jean Castelli cũng có Gravon, ông bạn người Toulon, lại có một cách nhìn khác nữa đối với sự việc. Không ai nhất trí với ai. Kể từ hôm ấy, tôi quyết định tự mình tìm hiểu lấy vấn đề, và không nói với ai về chuyện vượt ngục nữa.

Kể cũng gay, nhưng sự tình có thể. Điểm duy nhất mà cả ba người đều nhất trí là đánh bạc chỉ có mỗi cái lợi kiếm được tiền, nhưng lại rất nguy hiểm. Bất cứ lúc nào cũng có thể bị lâm vào cái thế phải đo dao với một tay anh chị nào đấy. Cả ba đều là những con người hành động, và quả là những tay cừ khôi đáng gờm so với tuổi tác của họ: Louis Gravon bốn mươi lăm tuổi, Gardès gần năm mươi.

Tối hôm qua tôi được dịp phô bày cho mọi người trong khối thấy cách nhìn nhận sự việc và cách hành động của tôi. Một cậu quê ở Toulouse, người nhỏ bé, bị một tay người Nîmes thách đấu dao. Cậu bé người Toulouse mang biệt hiệu Cá Trích, còn anh chàng người Nîmes, rất to con được gọi là Con cừ. Con Cừ, đánh trần trùng trục, đứng giữa lối đi, dao lăm lăm trong tay.

- Mỗi ván poker phải nộp tao hăm năm francs, nếu không, tao cầm mày đánh.

Cá Trích đáp:

- Xưa nay đánh poker có ai phải nộp ai bao nhiêu tiền đâu. Tại sao anh lại nhè vào tôi mà đòi nộp tiền? Thế sao anh không đòi mấy tay chủ sòng Mareilaise nộp tiền đi?

- Tại sao thì chẳng việc gì đến mày. Một là mày nộp, hai là mày không được chơi nữa, hay mày không muốn đánh nhau?

- Không, tôi chả muốn đánh nhau.

- Mày rét à?

- Tôi rét đấy. Vì tôi có thể ăn một nhát dao, có thể chết vì tay một gã anh chị như anh là một kẻ chưa bao giờ vượt ngục. Tôi là dân vượt ngục. Tôi ở đây không phải để giết ai, mà cũng chẳng phải để bị ai giết.



Tất cả chúng tôi đều chăm chú chờ xem những việc sắp diễn ra. Grandet nói với tôi: “Đúng là thằng bé can đảm thật, mà lại là dân vượt ngục. Thật đáng buồn là mình không thể nói gì vào đây”. Tôi mở con dao xếp để dưới bắp vế. Lúc bấy giờ tôi đang ngồi trên cái “võng” của Grandet. Con Cừu nói:

- Thế thì mày định nộp tiền hay thôi chơi, hờ thằng chết rét kia? Nói đi.

Đoạn hần bước một bước về phía Cá Trích. Tôi liền quát:

- Câm mồm đi Con cừu, hãy để cho nó yên!

- Kìa Papillon, cậu điên rồi ư? Grandet nói.

Vẫn ngồi yên không nhúc nhích, tay đặt sẵn vào chuôi con dao để dưới bắp vế chân trái, tôi nói:

- Không, tôi không điên. và tôi yêu cầu tất cả các anh hãy nghe những điều tôi sắp nói. Ccon Cừu ạ, trước khi đánh nhau với anh (nếu anh bắt buộc tôi phải đánh nhau ngay cả sau khi tôi nói xong), anh hãy để cho tôi ngỏ lời với anh và với mọi người rằng từ khi đến ở cái khối gồm hơn một trăm người toàn là dân trong giới này, tôi đã phải xấu hổ mà nhận thấy rằng cái hành động đẹp đẽ nhất, xứng đáng nhất, cái hành động duy nhất đáng gọi là chân chính: vượt ngục, không được kính trọng ở đây. Thế mà bất kỳ ai đã chứng tỏ được rằng mình là dân vượt ngục, rằng mình có đủ gan mật để đem kính mạng mình đặt lên bàn cân trong một cuộc vượt ngục, thì kẻ ấy cũng phải được mọi người kính trọng, bất kể mọi chuyện khác. Có ai cho là tôi nói không đúng không? Ai phản đối? (Im lặng) Trong luật lệ của các anh thiếu mất một điều, một điều cơ bản nhất: mọi người đều có bốn phận không những phải kính trọng, mà còn phải giúp đỡ, ủng hộ những người vượt ngục. Không ai bị bắt buộc phải ra đi, và tôi chấp nhận rằng hầu hết các anh đều đã quyết định sống suốt đời ở đây. Thế cùng được. Nhưng nếu các anh không đủ can đảm để tìm cách sống lại, thì ít ra các anh cũng phải có được lòng kính trọng mà những người vượt ngục xứng đáng được hưởng. Và kẻ nào quên mất điều luật của đạo làm người này, kẻ ấy phải chờ đón những hậu quả nghiêm trọng. Tôi

đã nói xong. Con Cừu! Bây giờ nếu anh vẫn muốn đánh nhau, thì có tôi đây.

Nói đoạn, tôi cầm dao nháy ra giữa phòng. Con Cừu ném dao đi, nói:

- Cậu nói đúng, Papillon ạ, cho nên tôi muốn đánh nhau với cậu không phải bằng dao, mà bằng quả đấm, đề cậu thấy tôi không phải là thằng hèn.

Tôi đưa dao cho Grandet giữ. Hai đứa chúng tôi đánh nhau như hai con chó dữ trong khoảng hai mươi phút. Cuối cùng, nhờ một miếng đòn húc đầu đúng lúc, tôi thắng sát nút. Chúng tôi cùng vào phòng vệ sinh rửa cho sạch máu trên mặt. Con Cừu nói:

- Quả thật sống ở Quần đảo mãi đâm u mê ra. Tớ ở đây thế là đã mười lăm năm nay, mà cũng chưa chi được đến ngàn francs để được miễn giam. Thật xấu hổ.

Khi tôi về tổ, Grandet và Galgani mắng tôi một trận.

- Cậu phát rồ rồi hay sao mà lại đi thách thức và lăng mạ mọi người như thế? Tớ không thể hiểu nổi tại sao không có đứa nào cầm dao nháy ra “hành lang” để đánh nhau với cậu.

- Không đúng đâu các bạn ạ, chẳng có gì khó hiểu đến thế. Bất cứ ai đã ở trong giới chúng ta, hẳn thấy ai nói phải thực sự là chịu ngay.

- Thôi được, - Galgani nói. - Nhưng tôi khuyên cậu đừng bày trò đùa giỡn quá nhiều với cái núi lửa này.

Suốt buổi tối hôm ấy có những gã đến gặp tôi. Họ làm như thể tình cờ ghé qua, nói băng quơ chuyện này chuyện nọ, rồi trước khi bỏ đi, buông một câu: “Tớ đồng ý với những điều cậu nói đấy. Papi ạ”. Cái sự cố vừa qua đã cho tôi có được một vị trí rõ ràng giữa các bạn tù.

Kể từ buổi ấy, chắc chắn là tôi được họ coi như người cùng giới với họ, nhưng lại không dễ gì chấp nhận những điều đã được mọi người coi như đương nhiên mà không phân tích, phê phán. Tôi dần dần nhận thấy rằng hẳn tôi làm chủ sòng, đám bạc không mấy

khi có chuyện cãi cọ, và nếu tôi ra một lệnh gì thì họ tuân theo rất nhanh.

Như tôi đã nói, chủ sòng được hưởng hồ năm phần trăm mỗi món tiền được bạc. Hắn ngồi trên một chiếc ghế dài, lưng quay vào tường để đề phòng bất trắc, vì bất cứ lúc nào cũng có kẻ muốn đâm hắn từ phía sau. Trên đùi hắn thường có một tấm chắn che một con dao mở sẵn. Xung quanh hắn, ngồi hay đứng thành vòng tròn, là ba mươi, bốn mươi hay có khi đến năm mươi con bạc từ khắp các miền của nước Pháp sang, lại có cả những dân ngoại quốc nữa, như dân A-rập chẳng hạn, cũng khá đông. Cách chơi rất dễ: một người làm cái (làm “chủ nhà băng”), một người cúp bài ngồi cạnh. Mỗi khi nhà cái thua thì nhường quyền làm cái cho người bên cạnh. Cỗ bài gồm năm mươi hai con. Người cúp bài chia bài rồi giấu đi một con. Người làm cái rút một con bài rồi lật ngửa nó ra trên tấm chắn. Thế là mọi người bắt đầu đặt tiền. Có thể đặt vào cửa của nhà cái hay vào cửa của nhà cúp bài. Khi ai nấy đã đặt xong, tiền xếp thành từng chồng nho nhỏ, nhà cái bắt đầu rút từng con bài một, lật lên. Nhà nào cùng bạc với một trong hai con đã lật trên “thảm” thì thua. Chẳng hạn: nhà cúp giấu một con Năm, còn nhà cái đã lật lên một con Đám. Nếu rút ra được một con Đám trước khi rút ra một con Năm, nhà cúp thua. Nếu trái lại, rút ra được một con Năm trước khi rút ra một con Đám, thì nhà cái thua.

Người chủ sòng phải biết mỗi món tiền phải chung cho ai. Việc đó chẳng phải là dễ. Lại phải bênh vực những kẻ yếu, sao cho những kẻ mạnh đừng dùng uy thế bắt nạt họ. Khi người chủ sòng quyết định cách xử lý một trường hợp nghi vấn, quyết định của chủ sòng phải được chấp nhận, không lời thôi gì hết.

Đêm ấy có kẻ đã giết chết một người Ý lên là Carlino. Anh này sống chung nói một cậu thiếu niên được anh ta coi là vợ. Cả hai cùng làm việc ở một khu vườn. Anh người Ý chắc cũng biết là tính mạng của mình đang bị đe dọa, vì khi nào anh ta nghỉ thì cậu bé thức, khi nào cậu bé ngủ thì anh ta lại thức. Phía dưới hai tấm vải căng làm giường ngủ (“võng”) họ bày lổn ngổn những cái hộp sắt tây rỗng để không ai có thể lần mò đến chỗ họ mà không gây thành tiếng động.

Thế mà có kẻ đã đâm anh ta từ phía dưới lên. Tiếng kêu của người bị đâm lập tức được kế tiếp bằng những tiếng loảng xoảng của đồng hộp sắt tây bị sát nhân xô đẩy trong khi rút lui vội vàng.

Lúc bấy giờ Grandet đang điều khiển một ván bài “Marseillaise”, xung quanh có đến ba mươi con bạc. Tội thì đang đứng nói chuyện gần đấy. Tiếng kêu của Carlino và tiếng hộp sắt tây xúng xoảng đã làm cho ván bài phải ngừng lại. Ai nấy đều đứng dậy hoi xem việc gì xảy ra thế. Cậu bạn trai của Carlino chẳng trông thấy gì, còn Carlino thì đã tắt thở. Ông trưởng khối hỏi mọi người xem có nên gọi giám thị đến không. Không! không nên. Để đến mai, khi điểm danh, báo cho họ biết cũng vừa, anh kia đã chết rồi thì còn cứu giúp được gì nữa mà vội?

Grandet lên tiếng:

- Không có ai nghe thấy gì hết. Cả cậu nữa, cậu nhé - Grandet dặn cậu bé của Carlino. - Mai, khi cậu thức dậy, cậu mới nhận là anh ấy chết rồi. Xong. A-lê, lại đánh tiếp. Thế là đám bạc lại nhón nháo lên như không hề có việc gì xảy ra cả: “Nhà cúp. Không phải, nhà cái chứ!” vân vân. Tôi sốt ruột chờ xem những gì sẽ diễn ra khi bọn gác phát hiện ra vụ án mạng. Năm giờ rưỡi, tiếng chuông thứ nhất. Sáu giờ, tiếng chuông thứ hai sau đó là cà phê. Sáu giờ rưỡi, tiếng chuông thứ ba, mọi người ra điểm danh, thường ngày vẫn thế. Nhưng hôm nay thì khác. Đến tiếng chuông thứ hai, khối trưởng nói với tên cảnh binh đi kèm người đưa cà phê:

- Thưa sếp, có một người vừa bị giết.

- Ai thế?

- Carlino.

- Được.

Mười phút sau, sáu tên cảnh binh đến:

- Người chết đâu?

Họ nhìn thấy con dao găm cắm vào lưng Carlino từ phía dưới, qua lần vải. Họ rút nó ra.

- Cánh đi!

Hai người khiêng cánh đưa cái xác chết ra ngoài. Trời đã sáng hẳn. Tiếng chuông thứ ba đã điểm. Tay vẫn cầm con dao vấy máu, viên giám thị trưởng ra lệnh:

- Tất cả ra ngoài, xếp hàng điểm danh. Hôm nay không ai được khai ồm nằm lại.

Mọi người đều ra sân. Những buổi điểm danh ban sáng, bọn chỉ huy và giám thị trưởng bao giờ cũng có mặt. Cuộc điểm danh bắt đầu. Nghe đọc đến tên Carlino, khối trưởng đáp:

- Chết đêm qua, đã đưa ra nhà xác.

- Được - tên cảnh binh điểm danh đáp. Khi ai nấy đều đã trả lời: "có", viên chỉ huy trại giờ con dao lên hỏi:

- Có ai biết con dao này không?

Không ai trả lời.

- Có ai trông thấy kẻ giết người không?

Im lặng tuyệt đối

- Vậy là không ai có hay biết gì hết, như thường lệ. Các người hãy lần lượt giang tay đi qua trước mặt tôi, rồi sau đó người nào đi làm việc người nấy.

- Thừa thiếu tá, bao giờ cũng chỉ có thế. Không có cách gì biết được kẻ nào là hung thủ.

- Xếp việc này lại, - viên chỉ huy trại nói. Giữ con dao lại, găm một tấm phiếu ghi là con dao này đã được dùng để giết Carlino.

Thế là xong. Tôi trở về khối nằm ngủ, vì suốt đêm qua tôi không chợp mắt. Trong khi dần dần thiếp đi, tôi nghĩ cái thân một thằng tù khổ sai thật chẳng ra gì. Dù có bị ám sát một cách hèn hạ, người ta cũng chẳng buồn bỏ công tìm cho ra thủ phạm. Đối với ban Quản trị, mạng một thằng tù chẳng là cái gì hết. Chẳng bằng mạng một con chó.

Tôi đã quyết định bắt đầu làm công việc đổ thùng thứ hai. Đến bốn rưỡi sáng tôi và một người nữa sẽ đi đổ các xô phóng uế của khối A tức khối của chúng tôi. Theo nội quy của trại thì phải đưa ra tận bờ biển mà đổ. Nhưng chúng tôi trả tiền cho người đánh xe trâu: hẳn đợi chúng tôi ở một nơi có khe xây xi-măng dẫn xuống biển. Chúng tôi đổ xô xuống đấy, rồi anh đánh xe trâu trút xuống ba ngàn lít nước biển đựng trong một cái thùng ton-nô khổng lồ mà anh ta vừa xe từ biển lên cuốn hết các thứ xuống biển. Để thật sạch, chúng tôi dùng thêm một cái chổi cứng để lùa các thứ bẩn. Công việc chỉ trong vòng không đầy hai mươi phút là xong. Mỗi ngày chúng tôi phải trả hai mươi francs cho anh kia - một anh da đen đảo Martinique rất dễ thương. Vì đây là lần đầu, tôi phải xách một dây xô quai vào hai thanh gỗ, cho nên mỗi cổ tay lấm. Nhưng tôi sẽ chóng quen.

Người bạn mới của tôi rất sốt sắng niềm nở, thế mà Galgani nói đó là một con người cực kỳ nguy hiểm. Đâu như hắn đã phạm đến bảy vụ giết người ở Quần đảo. Nghề làm ăn của hắn ở đây là bán củt. Số là mấy người làm vườn đều cân phân. Anh làm vườn đào một cái hố, lót vào đấy một ít lá khô và có thể là anh da đen Martinique bí mật đưa vài xô củt đến đổ vào đấy. Dĩ nhiên việc này không thể làm một mình, cho nên tôi buộc lòng phải giúp anh ta. Nhưng tôi biết đây là một lỗi rất nặng, vì qua rau quả bị ô nhiễm, có thể lan truyền bệnh kiết lỵ trong các gia đình nhân viên giám thị cũng như trong các khối phạm nhân. Tôi quyết định là một ngày nào đó, khi đã quen nhau hơn, tôi sẽ bảo anh ta đừng làm việc này nữa. Dĩ nhiên tôi sẽ đền bù cho anh ta số tiền mà anh ta sẽ mất vì thôi nghề bán phân.

Ngoài công việc này ra, anh ta còn biết khắc chạm sừng bò. Về phần đánh cá, anh ta nói với tôi là chẳng biết gì để bày vẽ cho tôi, nhưng nếu ở bến tàu, Charpar hay một người nào khác sẽ có thể giúp ích cho tôi.

Thế là tôi làm nghề đổ thùng. Xong việc, tôi tắm rửa sạch sẽ, mặc đồ sọc và ngày ngày ra bờ biển câu cá, muốn câu bao nhiêu thì câu. Tôi chỉ có một bồn phạt: đúng giữa trưa phải có mặt ở trại. Nhờ Charpar, tôi không thiếu cần câu và lưỡi câu. Nhưng hôm tôi



từ dưới bờ biển đi lên, tay cầm sợi dây thép xâu cá một chuỗi cá hồng, chẳng mấy khi không có những cô vợ giám thị đứng trong nhà gọi ra rồi rít. Họ đều biết tên tôi:

- Bướm bướm ơi! Bán tôi hai cân cá hồng nào!
- Bà ốm à?
- Không.
- Thằng bé con bị ốm à?
- Không.
- Thế thì tôi không bán cá cho bà đâu.

Tôi câu được khá nhiều, thường đem cho các bạn ở trại. Tôi đổi tôm cá lấy bánh mì sáo, lấy rau quả hay trái cây. Ở tổ tôi mỗi ngày ít ra cũng có một bữa cá. Một hôm, tôi đang đi từ biển lên, tay xách một tá tôm he lớn và bảy tám ki-lô cá hồng. Đi ngang nhà thiếu tá Barrot thì thấy một bà, người hơi đầy, nói với tôi:

- Anh câu được nhiều quá, Papillon nhỉ. Biển động thế này có ai câu được gì đâu? ít ra đã mười lăm hôm nay tôi không được ăn cá. Thật đáng tiếc là anh không bán cá. Nhà tôi có cho tôi biết anh không chịu bán cá cho vợ các nhân viên giám thị.

- Thưa bà đúng thế. Nhưng đối với bà thì có thể khác!
- Tại sao?
- Tại bà hơi mập, ăn thịt không được tốt.
- Đúng đấy, họ nói là tôi chỉ nên ăn rau và cá luộc. Nhưng ở đây làm gì có đủ mà ăn?
- Đây, xin bà cầm lấy mớ tôm he và mấy con cá hồng này.

Đoạn tôi đưa cho bà ta cả xâu tôm he và khoảng hai cân cá hồng.

Kể từ hôm ấy, cứ lần nào câu được kha khá, tôi lại đem biếu bà ta một ít, đủ để có được một chế độ ăn thích hợp với tạng người bà. Bà thừa biết rằng ở Quần đảo này thứ gì cũng phải mua bán sòng phẳng, nhưng lần nào bà cũng chỉ đáp lại món quà của tôi bằng hai tiếng “cám ơn” mà thôi. Bà làm như thế là phải, vì bà đã

cảm thấy rằng nếu đưa tiền, tôi sẽ phật lòng. Nhưng có nhiều lần bà lại mời tôi vào nhà. Bà tự tay rót cho tôi một ly rượu hồi hay một cốc vang trắng. Nếu bên Corse có gửi figatelli cho bà, bà cũng cho tôi một ít. Không bao giờ bà Barrot hỏi tôi về dĩ vãng. Chỉ có một lần, nhân nói đến trại khổ sai, bà lỡ lời nói: “Quả tình, ở Quần đảo thì không vượt ngục được, nhưng ở đây khí hậu hành, còn hơn phải thổi rửa ra như một con vật ở Đất liền”.

Chính bà đã giảng giải cho tôi biết sự tích tên gọi Quần đảo: dạo có dịch sốt vàng ở Cayenne, các tu sĩ dòng áo trắng và các bà xơ trong một tu viện nọ đã đến đây lánh nạn, và đều đã thoát nạn. Vì thế mà Quần đảo được gọi là Quần đảo Salut (Quần đảo Cứu nạn). Nhờ cái nghề câu cá, tôi được đi khắp đảo. Tôi làm công việc đổ thùng đã được ba tháng nay, và tôi biết rõ địa thế của đảo hơn ai hết. Tôi đi quan sát các khu vườn lấy cỏ là đến đôi cá lấy rau quả. Người trông khu vườn ở cạnh nghĩa địa giám thị là Matthieu Carbonieri, bạn cùng tổ với tôi. Anh ta làm việc ở đấy một mình, cho nên tôi tự nhủ là sau này chúng tôi có thể đóng bè và giấu bè trong khu vườn của anh. Còn hai tháng nữa thì ông chỉ huy trại sẽ đổi đi nơi khác. Tôi sẽ được tự do hành động.

Tôi đã tổ chức được nếp sinh hoạt của tôi: về danh nghĩa tôi là phu đổ thùng, nhưng công việc lại do anh chàng người Martinique làm thay, dĩ nhiên là có trả tiền. Tôi đã có những thao tác làm thân với hai anh em sứ gia Narric và Quenier, bị khổ sai chung thân. Người ta thường gọi họ là hai anh em rể Đầy Xe. Họ kể lại rằng hai anh em bị tố cáo là đã biến cái xác của một người đi thu tiền mà họ vừa giết chết thành một khối xi-măng rồi đem đổ cái khối ấy xuống sông. Có những nhân chứng khai là nhìn thấy hai anh em chở khối xi-măng trên một chiếc xe đẩy, đem trút xuống sông Marne hay sông Seine gì đấy. Cuộc điều tra xác định rằng người thu tiền có ghé nhà họ thu một món gì đấy rồi từ đấy không còn thấy tăm hơi đâu nữa. Hai anh em đã phủ nhận tội này từ đầu cho đến nay. Ngay ở trại tù họ cũng nói là mình vô tội. Thế nhưng, nếu người ta không bao giờ tìm được cái xác, thì người ta lại tìm thấy cái đầu của nạn nhân bọc trong một chiếc khăn mùi soa. Thế mà ở nhà hai anh em lại có những chiếc khăn mù soa dẹt

cùng một kiểu chính thứ sợi ấy, theo lời “các chuyên gia thẩm định”. Nhưng các trạng sư và bản thân các chuyên gia ấy lại chứng minh được rằng có đến mấy ngàn thước vải như thế đã được khâu thành mùi soa. Ai cũng có thể có những chiếc mùi soa như thế. Tuy vậy, cuối cùng hai anh em vẫn bị khổ sai chung thân, và vợ của một trong hai người, em gái của người kia, bị hai mươi năm tù cấm cố.

Tôi đã làm thân được với họ. Vì làm thợ nề cho nên họ có thể ra vào công xưởng của trại. Có lẽ họ có thể tuồn dần ra cho tôi, từng ít một, những vật liệu cần thiết để đóng một cái bè. Nhưng còn phải thuyết phục họ.

Hôm qua tôi đã gặp ông bác sĩ. Lúc ấy tôi đang vác một con cá nặng ít ra là hai mươi ki-lô, thịt rất bùi, gọi là cá mérrou. Bác sĩ cùng đi với tôi lên đỉnh đồi.

Lưng chừng dốc, chúng tôi ngồi xuống nghỉ trên một bức tường thấp. Bác sĩ nói với tôi là đầu con cá này nấu canh ngon tuyệt. Tôi bèn biểu bác sĩ cái đầu cá, dính theo một mảng thịt lớn. Bác sĩ ngạc nhiên và cái cử chỉ ấy của tôi, ông nói:

- Anh chẳng thù dai, Papillon nhỉ.

- Thưa bác sĩ, tôi làm như vậy không phải vì bản thân tôi. Chẳng qua tôi thấy có bốn phận phải trả ơn bác sĩ và bác sĩ đã hết lòng cứu chữa Clousiot bạn tôi.

Chúng tôi nói chuyện qua lại một lát, rồi bác sĩ nói:

- Anh muốn vượt ngục lắm phải không? Anh chẳng phải là tù khổ sai đâu. Tôi có cảm giác anh là một hạng người khác.

- Bác sĩ nói đúng đấy. Tôi không thuộc trại khổ sai, tôi chỉ ghé vào tham quan thôi.

Bác sĩ cười. Tôi tấn công luôn:

- Bác sĩ không tin rằng một con người có thể cải hóa được sao?

- Tôi tin chứ.

- Bác sĩ có thể nghĩ rằng tôi có thể làm việc hữu ích ở ngoài đời mà không gây hiểm họa gì cho xã hội và có thể trở thành một công dân lương thiện được không?

- Tôi thành thật tin như thế:

- Thế thì tại sao bác sĩ không giúp tôi đạt được điều đó?

- Bằng cách nào?

- Bằng cách cho tôi miễn giam vì bệnh ho lao.

Đến đây bác sĩ đã xác nhận một điều mà tôi đã từng nghe nói.

- Làm như thế không được, và tôi khuyên anh đừng nghĩ đến cách đó. Nó quá nguy hiểm, Ban Quản trị chỉ miễn giam một phạm nhân vì bệnh sau khi hắn đã nằm ở khu điều trị dành riêng cho bệnh ấy ít nhất là một năm.

- Để làm gì?

- Cái này nói ra cũng xấu hổ, nhưng tôi nghĩ rằng họ làm như thế là để phạm nhân biết, nếu hắn giả vờ bệnh, rằng hắn rất có khả năng bị nhiễm vì sống chung với các bệnh nhân thật, và để hắn nhiễm bệnh thật sự. Cho nên tôi không thể giúp anh được.

Kể từ ngày ấy, chúng tôi trở thành đôi bạn... Cho đến ngày ông ta suýt làm cho Carbonieri bạn tôi mất mạng.

Số là Carbonieri, với sự thỏa thuận của tôi, đã nhận làm đầu bếp kiêm giữ kho cho nhà ăn các giám thị trưởng. Nhận việc này là để nghiên cứu xem có thể lấy trộm ba cái thùng ton-nô trước đó đựng rượu vang, đựng dầu và đựng dấm, tìm cách buộc nó lại với nhau làm thành một thứ bè để ra biển không. Dĩ nhiên là khi nào thiếu tá Barrot đã đi khỏi. Việc này rất khó, vì cùng một đêm phải lấy trộm cả ba cái thùng, đưa ra bờ biển đừng để ai trông thấy hoặc nghe thấy, rồi dùng dây cáp buộc lại. Phải vào một đêm giông bão, mưa to gió lớn may ra mới có thể làm được. Nhưng nếu mưa to gió lớn thì việc khó nhất sẽ là đưa cái bè này xuống nước, vì tất nhiên sóng sẽ đánh vào bờ đá hết sức dữ dội.

Vậy Carbonieri là đầu bếp. Viên quản lý bếp đã đưa cho anh ta ba con thỏ để chuẩn bị cho bữa ăn hôm sau, vào ngày chủ nhật.

Carbonieri lột da thỏ ra (điều này thật là may), đem một con gửi cho thằng em ở bến tàu còn hai con gửi cho chúng tôi. Rồi anh ta thịt ba con mèo to nấu một nồi xi-vê ngon không thể tả.

Chẳng may cho Carbonieri, hôm sau bác sĩ được mời dự bữa ăn. Trong khi nhấm nháp món xi-vê thỏ, ông ta nói với viên quản lý:

- Ông Filidori ạ, xin có lời khen ngợi thực đơn của ông: món thịt mèo này ngon tuyệt.

- Xin bác sĩ đừng xỏ tôi, chúng ta đang ăn ba chú thỏ tuyệt vời.

- Không đâu, - ông bác sĩ khẳng khẳng nói quả quyết - Đây là thịt mèo. Ông có nhìn thấy mấy miếng xương sườn tôi đang ăn đây không? Xương sườn này đẹp, mà sườn thỏ thì tròn. Vậy không thể có sự nhầm lẫn gì được: chúng ta đang ăn thịt mèo.

- Lạy Chúa, Cristacho!- viên quản lý người Corse nói. - Trong bụng tôi có một con mèo rồi.

Thế là hắn chạy bỏ xuống bếp dí súng lục vào mặt Matthieu nói:

- Mà có là dân sùng mộ Napoléon như tao cũng mặc, tao sẽ giết mày chết ngay bây giờ về tội đã cho tao ăn thịt mèo.

Mắt hắn trợn lên như mắt người điên. Carbonieri không hiểu nổi làm sao hắn biết được, nhưng vẫn nói:

- Nếu ông gọi mấy cái con gì mà ông đưa cho tôi là mèo, thì tôi cũng đến chịu: đó chúng phải là lỗi của tôi.

- Tao đưa cho mày ba con thỏ kia mà!

- Ông đưa gì tôi nấu nấy. Ông cứ nhìn mà xem: da với đầu còn kia kia.

Lão cóm nhìn ba bộ da và ba cái đầu thỏ, chẳng còn biết nói sao.

- Thế ông bác sĩ chỉ nói mò à?

- Té ra ông bác sĩ nói thế sao? - Carbonieri vừa thở hắt ra vừa hỏi. - Ông ấy trêu ông đấy. Ông phải nói cho bác sĩ biết là không nên đùa cái kiểu như vậy.

Ngươi giận, yên lòng, Filidori trở vào phòng ăn, nói với bác sĩ:

- Ông cứ tha hồ nói đi, muốn nói gì thì cứ nói ông bác sĩ ạ. Men rượu bắt đầu bốc lên rồi đấy. Máy cái xương sườn của ông nó bẹp hay nó tròn mặc nó, chứ tôi thì tôi biết chắc mười mươi đây là thịt thỏ. Tôi vừa nhìn thấy ba bộ lông và ba cái đầu của nó còn sờ sờ ra đấy.

Thật hú vía cho Matthieu, nhưng mấy hôm sau anh ta thấy nên xin từ chức đầu bếp thì tốt hơn.

Ngày tôi có thể sắp sửa hành động đã đến gần.

Chỉ còn mấy tuần nữa là Barrot ra đi. Hôm qua tôi vừa ghé thăm bà vợ béo tốt của ông ta (nhân thể cũng xin nói rằng nhờ chế độ ăn cá luộc với rau tươi, bà ta đã gầy bớt đi nhiều). Ngồi đàn bà tốt bụng này đã mời tôi vào nhà để tặng tôi một chai rượu canh-ki-na. Trong phòng khách tôi nhìn thấy mấy cái rương đi tày thủy đang được xếp đồ đạc vào. Họ đang chuẩn bị cho chuyến ra đi. Bà thiếu tá, như mọi người vẫn quen gọi bà ta, nói với tôi:

- Papillon ạ, tôi không biết lấy gì để cảm ơn anh đã quan tâm đến tôi mấy tháng gần đây. Tôi biết những hôm biển động cá hiếm anh đã cho tôi tất cả những gì anh câu được. Tôi cảm ơn anh nhiều lắm. Nhờ anh bây giờ tôi thấy trong người dễ chịu lắm. Tôi đã bớt được mười bốn ki-lô. Tôi có thể làm gì để tỏ lòng biết ơn anh đây?

- Thưa bà, một việc rất khó đối với bà: kiếm cho tôi một cái la bàn tốt. Chính xác, nhưng đừng to quá.

- Cái này vừa không đáng là bao, lại vừa là việc lớn đấy, Papillon ạ, mà chỉ trong vòng ba tuần phải kiếm cho ra thì hơi khó cho tôi đấy.



Tám ngày trước khi ra đi, người đàn bà cao thượng này, bực mình vì mãi không kiếm đâu ra được một cái la bàn; đã dám lên tàu thủy đi Cayenne. Bốn hôm sau, bà trở về với một cái la bàn chống nhiệm tử tuyệt hảo.

Sáng nay, hai ông bà chỉ huy trại lên đường. Hôm trước ông đã trao quyền chỉ huy cho một sĩ quan cảnh binh cùng cấp với ông, một người quê ở Tunisie tên là Prouillet. Một tin mừng: viên chỉ huy mới đã quyết định cho Dega giữ nguyên chức kế toán trưởng. Điều này rất quan trọng đối với mọi người, nhất là đối với tôi. Trong bài diễn văn đọc trước đám phạm nhân tập hợp thành đội ngũ hình vuông trong khoảng sân lớn, viên chỉ huy mới làm cho mọi người cảm thấy đây là một con người rất cương nghị, nhưng thông minh. Ngoài những chuyện khác ra, ông ta có nói với chúng tôi:

- Kể từ hôm nay, tôi đảm nhiệm quyền chỉ huy Quần đảo Salut.

Nhận thấy có phương pháp cai quản của người đi trước tôi đã đem lại những kết quả tích cực, tôi không thấy có lý do gì để thay đổi chế độ hiện hành. Nếu các người không làm điều gì buộc tôi phải có biện pháp khác, tôi sẽ không thay đổi gì trong nếp sống của các người.

Tôi nhìn hai ông bà chỉ huy cũ ra đi mà lòng mừng khắp khởi. Điều đó cũng rất dễ hiểu, tuy thời gian chờ đợi đã trôi qua một cách nhanh chóng lạ lùng. Cuộc sống tưởng chừng như tự do mà hầu hết các phạm nhân trên đảo được hưởng, những ván bài, những buổi đi câu những cuộc chuyện trò, những người bạn mới, những cuộc cãi vã những trận đánh nhau làm thành những phương tiện giải trí rất hữu hiệu, khiến người ta không còn thì giờ để mà buồn chán nữa.

Tuy thế, tôi đã không để cho cái không khí này lôi cuốn tôi thực sự. Mỗi lần tôi kết thân với một bạn mới, bao giờ đồng thời tôi cũng tự đặt ra câu hỏi: “Anh này liệu có ý định vượt ngục không? Nếu không, anh ta có đủ lòng tốt để giúp người khoẻ chuẩn bị một chuyến vượt ngục không?”

Tôi chỉ vì cái mục đích ấy mà sống: vượt ngục, vượt ngục cho bằng được, dù đi một mình hay cùng đi với bạn cũng thế thôi. Đó là một ý nghĩ thường xuyên ám ảnh tôi, tuy tôi theo đúng lời như Jean Castelli đã khuyên tôi, không nói hớ ra với ai hết, nhưng ý nghĩ ấy không giây phút nào rời khỏi tâm trí tôi. Và tôi sẽ vững lòng thực hiện lý tưởng của tôi: vượt ngục.

## VII. QUẦN ĐẢO SALUT - CHIẾC BÈ TRONG NGÔI MỘ

Trong vòng năm tháng, tôi đã dần dần am hiểu tường tận từng góc ngách của Quần đảo. Kết luận hiện giờ của tôi là khu vườn ở cạnh nghĩa địa mà Carbonieri ban tôi làm việc trước đây - bây giờ anh không ở đó nữa - là nơi chắc chắn nhất để đóng bè. Cho nên tôi yêu cầu Carbonieri trở lại khu vườn ấy, không xin thêm người phụ việc. Anh ta bằng lòng. Nhờ có Dega xin cho, Carbonieri được trở về khu vườn cũ.

Sáng hôm nay, khi đi qua nhà viên chỉ huy trại mới đổi đến, tay cầm một xâu lớn cá hồng, tôi nghe thấy anh tù trẻ làm gia đình cho nhà này nói với một thiếu phụ:

- Thưa bà chỉ huy, anh này chính là người trước đây vẫn hàng ngày đem cá về cho bà Barrot đấy ạ.

Rồi tôi nghe người kia, một thiếu phụ tóc đen xinh đẹp, kiểu đàn bà Algérie, nước da màu đồng đỏ, nói với anh ta: “Thế ra anh là Papillon à”. Đoạn quay ra phía tôi, người thiếu phụ nói:

- Tôi đã được ăn mấy con tôm he rất ngon của anh câu do bà Barrot biếu tôi. Anh vào nhà đi. Anh phải uống ly rượu vang nhắm với ít pho-mát sữa dê tôi vừa nhận được từ bên Pháp gửi sang.

- Cám ơn bà, thôi ạ, tôi không vào đâu.

- Sao thế? Anh vẫn vào với bà Barrot đấy thôi, sao anh lại không vào với tôi?

- Vì chính ông Barrot cho phép tôi vào nhà ông ấy.

- Papillon ạ, chồng tôi chỉ huy trại, còn tôi, tôi chỉ huy ở nhà... Anh cứ vào đi, đừng sợ.

Tôi cảm thấy cô thiếu phụ xinh đẹp này đã muốn gì là làm cho bằng được: một người như thế có thể rất hữu ích hoặc rất nguy hiểm.

Trong phòng ăn, bà chỉ huy mới dọn ra bàn cho tôi một đĩa giấm-bông hun khói và một lát pho-mát. Không chút kiêu cách, bà ta xuề xòa ngồi xuống trước mặt tôi, rót rượu vang cho tôi, rồi sau đó lại rót cà- phê, và cuối cùng là một ly rượu rum Jamaïque rất ngon. Bà nói:

- Papillon ạ, mặc dầu lúi búi vì phải sửa soạn ra đi và phải đón tiếp chúng tôi khi mới về, bà Barrot đã có đủ thì giờ để cho tôi biết được ít nhiều về anh. Tôi biết rằng bà ấy là người phụ nữ duy nhất trên Quần đảo được anh đem cá về cho. Tôi hy vọng rằng tôi sẽ được kể chân bà ấy hưởng cái ân huệ này của anh.

- Vì là bà ấy ốm, còn bà thì tôi thấy hình như rất khỏe mạnh.

- Tôi không biết nói dối, Papillon ạ. Đúng, tôi khỏe mạnh, nhưng tôi vốn sinh trưởng ở hải cảng cho nên chỉ thích ăn cá thôi. Tôi là người Oran. Chỉ một điều làm cho tôi thấy khó xử: tôi cũng được biết là anh không bao giờ bán cá lấy tiền. Cái này thì phiền quá.

Nói qua nói lại một lúc, cuối cùng rồi cũng đi đến chỗ thỏa thuận là tôi sẽ đem cá đến cho bà.

Một hôm tôi đem đến ba ki-lô cá hồng và sáu con tôm he, đang ngồi hút thuốc thì ông chỉ huy về. Trông thấy tôi, ông nói:

- Juliette à, anh đã bảo với em là ngoài chú gia đình ra không được cho một phạm nhân nào vào nhà kia mà.

Tôi vội đứng dậy, nhưng bà Juliette nói:

- Anh cứ ngồi yên. Phạm nhân này là người mà bà Barrot đã gửi gắm cho em trước khi ra đi. Vậy thì anh đừng có ý kiến gì cả. Ngoài anh này ra sẽ không có phạm nhân nào vào đây hết. Mặt khác, anh ta sẽ đưa cá cho em khi nào em cần.

- Thế thì được, - ông chỉ huy nói. - Anh tên gì? Tôi toan đứng dậy trả lời thì Juliette đặt bàn tay lên vai tôi bắt tôi ngồi xuống, nói:

- Đây là nhà của tôi. Ở đây ông chỉ huy không còn là ông chỉ huy nữa, mà là chồng tôi, ông Prouillet.

- Cám ơn bà. Tên tôi là Papillon.

- À! Tôi có nghe nói về anh và về cuộc vượt ngục của anh cách đây hơn ba năm từ bệnh viện Saint- Laurent-du-Maroni. Và lại một trong hai viên giám thị bị anh đánh ngất trong khi vượt ngục lại chính là cháu tôi và là cháu nhà tôi - người đang bảo hộ cho anh.

Đến đây, Juliette cười phá lên, tiếng cười trẻ trung và tươi mát.

- Thế ra anh là kẻ đã phang vào đầu Gaston à? Không sao, việc này sẽ không làm thay đổi tình hình đâu

Ông chỉ huy vẫn chưa ngồi xuống, nói:

- Cái số án mạng xảy ra hàng năm trên Quần đảo thật khó tin nổi: nhiều hơn ở Đất liền nhiều. Anh có hiểu tại sao không Papillon?

- Thưa ông, vì ở đây anh em không vượt ngục được thành ra bản tính. Họ sống mãi với nhau hết năm này sang năm khác, cho nên lẽ tự nhiên là phải hình thành những tình bạn và những mối thù không có gì tiêu hủy được. Mặt khác, chỉ có không đầy năm phần trăm số thủ phạm bị phát hiện, cho nên kẻ giết người có thể tin gần chắc là mình sẽ không bị trừng phạt.

- Cách giải thích của anh rất lô-gích. Anh câu cá từ bao lâu rồi, và anh nhận loại lao công gì để có quyền đi câu như vậy?

- Tôi đổ thùng. Đến sáu giờ sáng tôi đã xong việc, sau đó tôi được đi câu.

- Suốt thời gian còn lại trong ngày à? - Juliette hỏi.

- Không, đến mười hai giờ trưa tôi phải về trại, ba giờ mới được ra cho đến sáu giờ chiều. Như thế rất phiền, vì tùy theo giờ thủy triều lên xuống, tôi có thể mất buổi câu.

- Anh cho Papillon một tờ giấy phép riêng, nghe anh? - Juliette quay về phía chồng nói. - Từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều, như thế anh ta sẽ tha hồ câu cá.

- Xong ngay, - ông chủ huy nói.

Tôi ra về, trong bụng mừng thầm, vì ba cái tiếng đồng hồ từ mười hai đến ba giờ chiều rất quý giá. Đó là giờ ngủ trưa, bọn giám thị đều ngủ, cho nên việc canh phòng có chiều lỏng lẻo.

Juliette đã chiếm lĩnh hoàn toàn cả việc đi câu của tôi lẫn bản thân tôi. Đến mức bà ta còn sai anh gia đình đi xem thử tôi đang câu ở đâu để lấy cá về. Có những hôm anh ta đến, nói: “Bà chỉ huy bảo anh câu được gì đem hết về cho bà, vì hôm nay bà có khách, muốn làm món xúp tôm cá”, hoặc đại loại như vậy. Nói tóm lại, bà ta quản lý hết thu hoạch của tôi, thậm chí còn dẫn tôi câu cá này, cá nọ, hay phải lặn xuống biển bắt tôm càng. Điều đó có phương hại khá nhiều đối với thực đơn của tổ tôi, nhưng mặt khác, tôi được che chở hơn hết thảy mọi người. Bà ta còn có những kiểu quan tâm đặc biệt.

- Papillon, thủy triều lên lúc một giờ phải không?

- Thưa bà vâng.

- Thế thì trưa anh về đây ăn cơm nhé, khỏi về trại.

Thế là tôi ăn trưa ở nhà bà, hôm nào cũng ăn ở phòng ăn chứ không bao giờ ăn dưới bếp. Bà ngồi đối diện với tôi, lấy thức ăn bỏ vào đĩa cho tôi và rót rượu cho tôi. Bà không được kín đáo tế nhị như bà Barrot. Nhiều lần bà hỏi dò tôi về dĩ vãng. Tôi luôn luôn phải tránh cái đề tài mà bà quan tâm hơn cả - cuộc sống của tôi ở Montmartre, chỉ kể thời thiếu niên và thơ ấu của mình. Trong khi đó ông chỉ huy nghỉ trưa trong phòng ngủ.

Một buổi sáng câu được nhiều tôm, tôi về sớm, cầm hơn sáu chục con tôm càng ghé nhà bà. Bà mặc áo choàng tằm màu trắng,



sau lưng có một cô đang cuốn tóc cho bà. Tôi chào, rồi biếu bà một tá tôm. Bà nói ngay:

- Không, anh cho tôi tất cơ. Có mấy con?

- Sáu chục ạ.

- Hay quá, anh để cả đấy cho tôi. Anh và các bạn anh cần bao nhiêu cá?

- Tám con ạ.

- Thế thì anh giữ lấy tám con, còn bao nhiêu đưa cho cậu bé đem thả vào nước mát đi.

Tôi chẳng còn biết nói sao. Xưa nay chưa bao giờ bà dùng đại từ “tu” nói với tôi, nhất là trước mặt một người đàn bà khác, vì người này thế nào cũng đi nói lại. Tôi ngượng quá, toan ra về, thì bà lại nói:

- Ngồi yên đây, uống tí rượu hồi đã. Chắc anh nóng lắm nhỉ?

Người đàn bà quyền uy này làm cho tôi bàng hoàng đến nỗi tôi ngồi đực ra. Tôi vừa chậm rãi nhấp rượu hồi vừa hút thuốc lá, chốc chốc bà lại liếc mắt về phía tôi. Bà chỉ huy nhìn vào cái gương đang cầm ở tay, biết ngay cô kia nhìn trộm tôi, liền nói “Bồ tôi đẹp trai đây chứ, Simone nhỉ? Các cô cô nào cũng ghen với tôi, đúng không nào?” Thế là cả hai cười khúc khích. Tôi không còn biết độn thổ đi đường nào. Thế rồi tôi nói một cách ngu xuẩn: “Cũng may là thằng bồ của bà, như bà nói, không nguy hiểm lắm, vì trong tình cảnh của hán, hán không thể phải lòng ai để mà có bồ được”.

- Thôi đi, chẳng lẽ anh dám nói anh không phải lòng tôi? - cô nàng Algérie nói - Chưa có ai thuần phục được con sư tử như anh, thế mà tôi muốn gì anh làm tất. Phải có lý do chứ Simone nhỉ?

- Tôi không biết là lý do gì, - Simone nói, - nhưng có một điều chắc chắn là đối với mọi người anh là một người hoang dã, chỉ riêng đối với bà chỉ huy là không thôi, Papillon ạ. Đến nỗi, có hôm anh vác dễ đến hơn mười lăm ki-lô cá, thế mà bà vợ ông giám thị trưởng van nài anh bán cho hai con thôi anh cũng không chịu, bà ấy nói thế, hôm ấy bà ấy thềm đến chết được, vì lò không có thịt.

- Chà Simone? Thế mà đến bây giờ cô mới kể cho tôi nghe.

- Thế chị cô biết hôm nọ anh ta nói cái gì với bà Kargueret không? Bà ta trông thấy anh cầm một mớ tôm và một con cá ngừ lớn: “Anh bán tôi con cá đi Papillon, hay nửa con cũng được. Anh cũng biết là dân Bretagne chúng tôi làm cá ngừ rất ngon mà?”.

Papillon nói: “Đâu phải chỉ có người Bretagne mới biết giá trị của nó? Rất nhiều người, kể cả dân Ardèche chúng tôi, mãi từ thời quân La-mã sang đã biết đây là món thượng đẳng”. Thế là anh ta đi thẳng chẳng bán gì cho bà ta cả.

Hai người đàn bà cười ngặt nghẽo.

Tôi ra về, trong lòng rất cáu, và đến tối tôi kể cho tổ nghe hết câu chuyện.

- Việc này rất nghiêm trọng, - Carbonieri nói. - Mụ ấy đưa cậu vào một tình thế rất nguy. Cậu nên đến đây càng ít càng tốt, và chỉ khi nào cậu biết là có ông chỉ huy ở nhà.

Cả tổ đều tán thành ý ấy. Tôi nhất định phải làm theo ý Carbonieri.

Tôi vừa phát hiện ra được một anh thợ mộc người Valence. Nơi đó gần như là một quê hương của tôi, anh này đã giết một người kiểm lâm. Đó là một tay rất máu me cờ bạc, lúc nào cũng nợ đũa ra: ban ngày hì hục làm đồ thủ công kiếm được bao nhiêu thì đến đêm nướng vào sòng bạc hết. Đã nhiều lần anh ta phải lấy đồ thủ công gán nợ. Thế là bị người ta bắt bí, một cái hộp gỗ quý trị giá ba trăm francs mà người ta chỉ trừ cho có trăm rưỡi hay hai trăm bạc nợ. Tôi đã quyết định tấn công anh này.

Một hôm gặp ở chỗ giặt áo quần, tôi nói với anh ta:

- Đêm nay tôi có chuyện muốn nói với anh. Tôi đợi anh ở nhà xí. Tôi sẽ ra hiệu.

Đêm ấy chúng tôi gặp riêng nhau, có thể nói chuyện không sợ ai quấy rầy. Tôi nói:

- Bourset này, chúng mình là đồng hương đây cậu ạ.

- Đâu có! Đồng hương thế nào?

- Cậu không phải quê ở Valence sao?
- Đúng thế chứ.
- Tôi thì quê ở Ardèche, như vậy chúng mình là đồng hương.
- Thế rồi sao nữa? Có gì quan trọng đâu?

- Có cái quan trọng là tôi không muốn cậu bị người ta bóc lột khi cậu mắc nợ, tôi không chịu được khi thấy họ tính giá những đồ của cậu làm không được một nửa giá trị thật. Lần sau cậu đưa cho tôi, tôi sẽ trả cậu đúng giá. Có thể thôi.

- Cám ơn cậu, - Bourset nói.

Tôi luôn luôn can thiệp để giúp đỡ Bourset. Cậu ta thì luôn luôn cãi cò với những tay cậu mắc nợ. Mọi sự đều yên ổn cho đến hôm cậu ta có chuyện nợ nần với Vicioli một tay kẻ cướp rừng ở đảo Corse, một trong những bạn tốt của tôi. Tôi biết chuyện là do Bourset đến mách với tôi rằng Vicioli đang dọa nạt cậu ta nếu cậu ta không trả số tiền bảy trăm francs đang mắc nợ. Bourset lại cho tôi biết là đang sắp sửa làm xong một cái bàn giấy nhỏ có ngăn bí mật, nhưng không dám chắc bao giờ xong hẳn, vì phải làm lén. Số là phạm nhân không được phép làm những thứ đồ quá lớn vì như vậy tốn nhiều gỗ. Tôi trả lời là để tôi xem có cách nào giúp cậu ta được không. Rồi với sự thỏa thuận của Vicioli tôi dựng lên một màn kịch nhỏ: Vicioli phải thúc giục Bourset gặt vào, thậm chí dọa đâm thật dữ. Tôi sẽ xông vào can thiệp như một vị cứu tinh.

Mọi việc đều diễn ra đúng như đã dàn dựng. Từ ngày ấy, cậu Bourset nhất nhất đều nghe tôi và tin tôi một cách tuyệt đối. Lần đầu tiên trong cuộc đời phạm nhân, cậu ta mới được yên thân. Bây giờ tôi mới quyết định thử thách số phận. Một hôm tôi nói với Bourset:

- Tôi có hai ngàn francs biếu cậu nếu cậu làm cho tôi một cái bè chở được hai người, gồm từng mảng rời có thể lắp nhanh được.

- Papillon ạ, tôi không đời nào chịu nhận làm một việc như thế cho bất kỳ ai, nhưng riêng với cậu, tôi sẵn sàng liều chịu hai năm cầm cố nếu bị lộ. Chỉ có điều là tôi không thể đưa những súc gỗ hơi lớn ra khỏi công xưởng được.

- Tôi đã có người.

- Ai?

- Hai anh em Đầy xe, Naric và Quenier. Cậu định sao?

- Trước hết phải vẽ một đồ án đúng tỷ lệ, rồi làm từng bộ phận một, có khớp để lắp vào nhau thật chắc. Cái khó là tìm cho ra thứ gỗ nổi thật nhẹ, vì gỗ ở đảo đều là loại gỗ cứng thả xuống nước không nổi được.

- Bao giờ cậu sẽ trả lời cho tôi biết?

- Ba hôm nữa.

- Cậu có muốn đi với tôi không?

- Không.

- Tại sao?

- Tại tôi sợ cá mập và sợ chết đuối.

- Cậu hứa là sẽ giúp tôi hết mình chứ?

- Tôi lấy mấy đứa con tôi ra mà thề với anh như vậy. Chỉ có điều là phải làm lâu đấy.

- Cậu nghe kỹ đây: ngay từ bây giờ tôi sẽ chuẩn bị bằng chứng bênh vực cho cậu phòng khi bị lộ. Tôi sẽ tự tay chép lại đồ án đóng bè trên giấy học sinh. Phía dưới tôi sẽ viết: “Boursset, nếu mày không muốn bị ám sát, mày phải đóng chiếc bè vẽ trên đây” sau đó tôi sẽ viết cho cậu những mảnh giấy dặn dò cách đóng từng bộ phận. Cứ xong được bộ phận nào, cậu sẽ đem ở nơi tôi sẽ dặn. Nó sẽ được đưa đi giấu ngay. Cậu đừng tìm cách biết ai đến lấy và lấy vào lúc nào (ý này làm cho cậu ta thấy nhẹ bớt) như vậy tránh cho cậu khỏi bị tra tấn nếu bị bắt và dù có sao cậu cũng chỉ phải chịu hình phạt nhẹ nhất: chừng sáu tháng cầm cố thôi.

- Thế nếu chính cậu bị bắt thì sao?

- Nếu thế thì sẽ ngược lại. Tôi sẽ nhận tôi đã viết mấy mảnh giấy. Dĩ nhiên cậu phải giữ những mảnh giấy ấy. Nhất trí chưa?

- Tôi hứa như vậy.

- Cậu không sợ chứ?

- Không, bây giờ tôi không sợ nữa. Tôi thấy vui được giúp cậu..

Tôi chưa nói gì với ai hết. Tôi còn phải chờ Bourset trả lời về chuyện gỗ. Mãi đến một tuần sau, một tuần dài dằng dặc tưởng không bao giờ hết, tôi mới có dịp nói chuyện riêng với Bourset ở thư viện. Ngoài hai chúng tôi ra không có ai ở đấy. Đó là vào buổi sáng chủ nhật. Ở ngoài sân đang có đám bạc lớn, gần tám mươi người đánh và ngàn ấy người đứng xem.

Lập tức Bourset làm cho tôi thấy ấm lòng:

- Cái khó nhất là làm sao chắc có được đủ gỗ nhẹ và khô. Tôi đã nghĩ được cách làm một cái khung bằng gỗ nẹp chặt dứa khô, còn nguyên cả thớ vỏ, cố nhiên. Không có gì nhẹ bằng thớ vỏ dứa, mà nước lại không thấm vào được. Khi bè đóng xong, chính anh phải lo kiểm cho đủ dứa để nhét vào khung. Vậy thì mai tôi làm mảnh đầu tiên. Mất độ ba ngày. Từ thứ năm có cho một trong hai anh em Đẩy xe đến lấy. Tôi sẽ không bao giờ bắt đầu làm thêm một mảnh trước ra khỏi xưởng. Tôi đã vẽ đồ án rồi đây, cậu chép lại đi rồi viết thêm mảnh giấy như cậu đã hẹn. Cậu đã nói chuyện với anh em nhà ấy chưa?

- Chưa, tôi còn chờ cậu trả lời đã chứ.

- Thế thì tôi trả lời rồi đấy: được.

- Cám ơn Bourset, tôi không biết lấy gì cảm ơn cậu Thôi, năm trăm francs đây, cậu cầm lấy.

Bourset nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Không, cậu giữ lấy tiền. Đến đất liền cậu sẽ cần đến để vượt tiếp. Từ hôm nay tôi sẽ không đánh bạc cho đến khi nào cậu ra đi. Làm một ít đồ thủ công, tôi sẽ có đủ tiền mua thuốc lá và bút-tét.

- Tại sao cậu không chịu cầm?

- Vì việc này dù có trả một vạn francs tôi cũng không làm đâu. Việc quá nguy hiểm cho tôi, dù đã có đề phòng bất trắc. Chỉ có làm không công mới làm được. Cậu đã cứu tôi, cậu là người duy

nhất đã dang tay ra giúp đỡ tôi. Tôi có sợ thật, nhưng tôi rất sung sướng được giúp cậu trở lại cuộc sống tự do.

Trong khi ngồi chép lại đồ án, tôi thấy hổ thẹn trước sự cao thượng lớn lao mà ngây thơ của Bourset. Cậu ta không chút hồ nghi rằng những cử chỉ tốt đẹp của tôi đối với cậu là có tính toán vụ lợi. Để khỏi khinh rẻ bản thân, tôi buộc lòng phải tự nhủ rằng tôi phải vượt ngục bằng bất cứ giá nào, dù cái giá đó là tính thể éo le và không phải bao giờ cũng tốt đẹp. Đêm hôm ấy tôi nói chuyện với Naric, biệt hiệu Xúp Nhừ, để sau đó cậu ta nói lại với ông em rể. Naric nói, không chút phân vân:

- Cậu cứ để tôi lo việc đưa các mẩu bẻ ra khỏi công xưởng. Chỉ có điều là cậu đừng sốt ruột, vì chỉ khi nào có dịp đưa vật liệu công kênh ra khỏi xưởng để làm công trình xây cất trên đảo mới nhân thể đưa luôn đồ của cậu ra. Dù sao tôi cũng hứa với cậu là sẽ không bao giờ để lỡ một dịp nào.

Thế là ổn rồi. Chỉ còn phải nói chuyện với Matthieu Carbonieri, vì tôi muốn cùng vượt ngục với chính anh ta. Anh ta đồng ý trăm phần trăm.

- Matthieu à, tôi đã tìm được người làm bẻ, đã tìm được người đưa từng mẩu bẻ ra khỏi công xưởng. Phần cậu là tìm xem trong khu vườn có chỗ nào giấu được bẻ không.

- Không được đâu. Đây là vườn rau, nguy hiểm lắm, vì ban đêm có những thằng gác mò vào ăn trộm rau quả. Nếu chúng nó đi đúng vào chỗ giấu, cảm thấy dưới đất rỗng thì hỏng hết. Tôi sẽ làm một cái hốc trong bức tường bằng cách lấy ra một phiến đá lớn rồi khoét sâu vào trong. Mỗi khi nhận một mẩu bẻ, tôi sẽ giở hòn đá ra, giấu vào hốc rồi đặt lại hòn đá như cũ

- Đưa thẳng các mẩu đến vườn cậu được không?

- Không được. Làm như vậy quá nguy hiểm. Hai anh em Đây Xe không có lý do gì vào vườn của tôi. Tốt hơn cả là thu xếp cho họ mỗi lần đem đến một nơi khác không quá xa vườn của tôi.

- Nhất trí.



Mọi việc đều có vẻ ổn. Còn mấy quả dừa khô. Tôi nghĩ xem có cách nào chuẩn bị một số dừa đủ dùng mà không lộ liễu quá.

Tôi cảm thấy mình đang sống lại. Chỉ còn một việc là nói chuyện với Galgani và Grandet. Tôi không có quyền giấu họ, vì họ có thể bị buộc tội là đồng lõa với tôi. Bình thường ra, tôi phải chính thức ra khỏi tổ của họ để sống một mình. Khi tôi nói cho họ biết là tôi đang chuẩn bị một cuộc vượt ngục cho nên phải tách ra khỏi tổ, họ mắng cho tôi một trận và dứt khoát không chịu. “Cậu hãy lên đường càng sớm càng tốt. Còn chúng tớ thì khỏi lo, sẽ có cách. Trong khi chờ đợi cậu cứ ở với chúng tớ, chúng tớ có còn non dại gì đâu”.

Cuộc chuẩn bị đã tiến hành được hơn một tháng. Tôi đã nhận được bảy mảng bè, trong đó có hai mảng lớn. Tôi đã đến xem bức tường của Matthieu có khoét hốc để giấu bè. Không thể nhận thấy phiến đá đã bị tháo ra, vì cậu ta đã cẩn thận lấy rêu trát vào các khe hở.

Chỗ giấu thật hoàn hảo, nhưng tôi thấy cái hốc hơi chật chưa chắc chứa hết được tất cả. Tuy vậy, cứ như hiện nay thì vẫn còn đủ chỗ.

Cái ý thức là mình đang chuẩn bị vượt ngục khích lệ tinh thần tôi dữ dội. Tôi chưa bao giờ ăn nhiều và ngon miệng như thế, và chế độ ăn cá giữ cho cơ thể tôi hoàn hảo. Thêm vào đấy, mỗi buổi sáng tôi tập thể dục hai tiếng đồng hồ trên các mỏm đá. Tôi tập chân nhiều hơn, và khi câu cá tay đã hoạt động nhiều. Tôi nghĩ ra cách tập chân như sau: Tôi đi ra biển xa hơn khi tôi đứng câu, để cho sóng xô vào đùi. Để đón sóng và giữ thăng bằng, tôi gồng các cơ bắp chân và đùi. Kết quả rất tốt.

Juliette, tức bà chỉ huy, vẫn rất niềm nở đối với tôi. Nhưng bà đã để ý thấy rằng chỉ khi nào có chồng bà ở nhà tôi mới vào. Bà đã nói thẳng với tôi là bà nhận thấy thế, và để cho tôi khỏi ngượng ngập, bà phân trần với tôi rằng cái hôm có cô Simone đến quán tóc cho bà là bà nói đùa cho vui thôi. Tuy vậy, cô Simone vẫn hay ra đứng trên con đường tôi đi câu về, và mỗi lần gặp tôi cô đều có đôi lời thăm hỏi thân ái về sức khỏe và tinh thần của tôi. Vậy là mọi

sự đều tốt lành. Bourset tận dụng mọi cơ hội để làm bè cho tôi. Công việc bắt đầu thế là đã được hai tháng rưỡi.

Chỗ giữ bè đã chật ních, như tôi đã dự kiến trước đây. Chỉ còn thiếu hai mảng dài nhất, một mảng dài hai mét, mảng kia dài mét rưỡi. Hai mảng này không lọt được vào hốc.

Nhìn về phía nghĩa trang, tôi trông thấy một ngôi mộ mới. Đó là mộ của vợ một cảnh binh, mới chết tuần trước. Trên mộ có đặt một bó hoa héo tồi tàn. Người giữ nghĩa trang là một phạm nhân già mù lòa có biệt hiệu là Bố già. Suốt ngày ông già ngồi dưới bóng một cây dừa mọc ở góc đối diện của nghĩa trang; ngồi đấy ông ta không thể nhìn thấy ngôi mộ ấy, mà nếu có ai đến gần ngôi mộ ông ta cũng không nhìn thấy được.

Tôi nảy ra cái ý dùng ngôi mộ này để lắp bè và nhét thật nhiều dừa vào cái thứ khung gỗ mà anh thợ mộc đã đóng. Hết khoảng ba mươi đến ba mươi bốn quả: so với số dừa đã dự kiến thì ít hơn nhiều. Tôi đã kiếm được hơn năm mươi quả, đặt rải rác ở nhiều nơi, mỗi nơi một ít. Chỉ riêng trong sân nhà Juliette đã được một tá rồi. Anh tù gia đình tương tôi gửi tạm đấy để sau này ép dầu.

Được tin viên cảnh binh chồng người đàn bà mới chết có việc phải đi lên đất liền, tôi quyết định bới lên một phần đất bỏ ra khỏi huyệt, đến chỗ đặt quan tài mới thôi.

Matthieu Carhonieri ngồi trên bức tường của anh ta, gác cho tôi đào. Dầu anh ta đội một chiếc khăn mùi soa trắng bốn góc thắt nút lại. Bên cạnh có một chiếc khăn đỏ, cũng thắt nút ở bốn góc. Không có gì thì cứ đội khăn trắng. Thấy ai đến thì đội khăn đỏ lên, dù là ai cũng thế.

Công việc này cực kỳ nguy hiểm. Cũng may là chỉ mất một buổi chiều và một đêm. Tôi không phải đào đến tận quan tài, vì tôi phải khoét rộng cái huyệt ra cho vừa chiều rộng của chiếc bè: một mét hai có đôi ra một ít. Tôi có cảm giác thời gian trôi qua chậm quá, và cái khăn đỏ đã mấy lần hiện ra. Cuối cùng, sáng hôm nay tôi đã làm xong. Cái huyệt được phủ bằng lá dừa chặt lại, làm thành một thứ sàn khá chắc. Bên trên phủ đất, đắp xung quanh

lại thành một cái rìa nhỏ. Trông hầu như không có gì khả nghi. Thần kinh tôi căng thẳng đến tột độ rồi.

Cuộc chuẩn bị vượt ngục này đã kéo dài ba tháng. Được buộc kỹ và có đánh số đầu vào đây, tất cả các bộ phận bằng gỗ của chiếc bè đã được đưa ra khỏi chỗ giấu. Bây giờ nó nằm phía trên quan tài của người đàn bà đã khuất, được lớp đất phủ trên sàn lá dừa che kỹ. Trong cái hốc ở trên tường, chúng tôi đã để ba cái bao bột và một sợi dây dài ba mét để làm buồm, một cái chai đựng diêm và vỏ quet, một tá hộp sữa, chỉ có thể thôi. -

Bourset càng ngày càng nôn nao, bứt rứt. Cứ như thể chính anh ta sẽ ra đi chứ không phải tôi. Naric lấy làm tiếc là hỏi tôi hỏi anh ta đã từ chối. Nếu hỏi ấy anh đồng ý thì chúng tôi đã tính chuyện đóng một chiếc bè cho ba người đi chứ không phải hai.

Bây giờ là mùa mưa, ngày nào cũng mưa cả, điều đó tiện lợi cho tôi những khi tôi đi “thăm mộ”; lúc ấy tôi đã lắp gần xong cái bè. Còn thiếu hai thanh gờ của khung gỗ. Tôi đã chuyển dần mấy chục quả dừa về gần khu vườn của bạn tôi. Có thể đến lấy dừa một cách dễ dàng và không có gì nguy hiểm trong trại trâu. Không bao giờ các bạn tôi hỏi tôi đã chuẩn bị đến đâu rồi. Chỉ thỉnh thoảng họ mới nói: “Ồn chứ?” - “Ồn”. - “Hơi lâu, cậu nhỉ?” - “Làm nhanh hơn thì có cơ hỏng hết”. Chỉ thế thôi. Khi tôi đến lấy mấy quả dừa để tạm ở sân nhà Juliette, bà ta trông thấy và đã cho tôi một mẻ hết hồn.

- Này anh Papillon, anh bắt đầu làm dầu dừa đây à? Sao không làm ngay trong sân này? ở đây có cái chày vồ để đập dừa ra, tôi sẽ cho anh mượn cái nỏ lớn trong nhà để đựng cùi dừa.

- Tôi thấy làm ở trại tiện hơn.

- Lạ thật. Ở trại bất tiện thì có.

Nhưng nghĩ một lát, bà ta lại nói:

- Anh có muốn tôi nói thật không? Tôi không tin là anh lại đi làm dầu dừa đâu.

Tôi lạnh toát cả người, Juliette lại nói:

- Trước hết anh việc gì phải làm dầu dứa, trong khi anh có thể lấy bao nhiêu dầu ô-liu của tôi cũng được? Máy quả dứa kia để làm một cái gì khác kia, đúng không?

Tôi toát mồ hôi hột. Ngay từ đầu tôi đã chờ bà ta ném ra hai tiếng “vượt ngục”. Tôi ghen cả thở. Tôi nói với Juliette:

- Thưa bà, chuyện này lẽ ra tôi phải giữ bí mật đến cùng, nhưng tôi thấy bà tò mò sốt ruột muốn biết quá, cho nên tôi đành phải làm mỏng món quà bất ngờ mà tôi đã định dành cho bà. Nhưng đã thế này thì tôi chỉ có thể hở cho bà biết rằng máy quả dứa lớn này đã được chọn để làm một thứ đồ chơi rất xinh mà bà sẽ rất thích. Hiện nay tôi chỉ có thể nói đến đây thôi.

Tôi đã thắng, vì thấy Juliette trả lời:

- Papillon ạ, anh đừng vì tôi mà bày vẽ những việc làm anh mất thì giờ, và nhất là tôi cảm anh không được phí tiền để làm cho tôi một thứ quà cáp gì đặc biệt. Tôi thành thật cảm ơn anh đã nghĩ đến việc đó, nhưng anh chớ có làm như vậy, tôi thiết tha yêu cầu anh đấy.

- Thôi được, để tôi xem đã.

Thật hú vía! Tôi lập tức xin Juliette một ly rượu hồi, điều mà tôi chưa bao giờ làm. Bà không nhận thấy vẻ thắng thót của tôi, thật may. Thượng đế nhân từ đang đứng về phía tôi.

Hôm nào trời cũng mưa, nhất là về chiều và đêm. Tôi lo nước ngấm qua lớp đất mỏng làm lộ lớp lá dứa đan. Matthieu phải trông chừng thường xuyên, hễ thấy đất trôi đi là đắp lại ngay. Chắc ở phía dưới ngập nước hết rồi. Tôi và Matthieu lôi lớp lá dứa lên: nước chảy xuống đã gần đến nắp quan tài. Tình thế thật nguy kịch. Gần đây có một ngôi mộ chôn hai đứa trẻ đã chết từ lâu lắm. Một hôm chúng tôi cạy phiến đá trên mộ, tôi chui xuống dùng một thanh sắt ngắn đục lớp xi măng ở chỗ thấp nhất về phía ngôi mộ giấu bè. Lớp xi măng vỡ rồi, tôi vừa cầm thanh sắt cắm xuống đất thì một tia nước phọt lên. Nước từ ngôi mộ bên kia chảy sang cái huyệt này. Khi nước đã lên đến đâu gối tôi bước ra ngoài. Chúng tôi đặt phiến đá trở lại chỗ cũ và gắn xung quanh bằng cát-tit

trắng (do Narie kiểm giùm). Biện pháp này đã làm cho lượng nước bên ngôi mộ giấu bè của chúng tôi bớt được một nửa. Tối hôm ấy Carbonien nói với tôi:

- Không biết đến bao giờ mới hết những chuyện phiền toái vì chuyện vượt ngục này.

- Gần xong rồi mà, Matthieu!

- “Gần” rồi hả? Cũng mong như thế.

Thật chúng tôi như đang ngồi trên đồng than hồng.

Sáng hôm sau, tôi ra bến. Tôi đã yêu cầu Charpar mua cho tôi hai ki-lô cá để đến trưa tôi sẽ ra lấy. Tôi trở lên vườn Carbomeri. Gần đến, tôi trông thấy ba cái mũ cối trắng. Tại sao lại có ba tên cảnh sát trong vườn? Chúng nó lục soát gì chẳng? Thật là việc không bình thường. Tôi chưa bao giờ thấy có ba tên cảnh sát đến vườn Carbomeri. Tôi đợi một giờ đồng hồ, rồi sốt ruột quá không chịu được nữa, tôi quyết định đi tới tận nơi xem thử có việc gì xảy ra. Tôi cứ ngang nhiên đi trên con đường dẫn đến khu vườn. mấy tên cảnh sát đứng nhìn tôi đi tới. Tôi đã đến cách họ khoảng hai mươi mét, lòng bồn chồn hồi hộp, thì thấy Matthieu đội chiếc khăn trắng lên đầu. Tôi thở hắt ra, và có đủ thì giờ trấn tĩnh lại trước khi đến tận chỗ mấy người kia đứng.

- Chào các ông giám thị. Chào Matthieu. Tôi đến lấy quả đu đủ cậu hứa cho tôi.

- Tiếc quá Papillon ạ, sáng nay tớ đi lấy sào để cắm cho cây đu leo, khi về mới thấy mất quả đu đủ. Nhưng chỉ bốn năm hôm nữa lại có quả chín, bây giờ cũng đã có mấy quả vàng vàng rồi. Thưa các ông giám thị, sao ạ, các ông có lấy một ít rau xà lách, mấy quả cà chua mí lại mấy củ cải cho các bà ở nhà không ạ?

- Khu vườn của anh trông nom khá lắm Carbonieri ạ tôi có lời khen anh đấy, - một viên cảnh sát nói.

Họ nhận mấy mớ xà lách, cà chua và củ cải rồi ra về. Tôi ra về trước họ một chút cho họ thấy tôi không có chuyện riêng gì phải bàn với Carbonieri, không quên mang theo hai cây xà lách.

Tôi đi ngang qua nghĩa địa. Ngôi mộ bị mưa xối lở cả lớp đất phủ bên trên. Đứng cách mười bước, tôi trông thấy rõ lớp lá dừa trời lên. Đến thế này mà chúng tôi chưa bị lộ thì quả là Chúa phù hộ cho. Đêm đêm gió thổi ào ào như quỷ dữ, tràn qua ngọn đồi trên đảo với những tiếng gầm thét điên dại, chốc chốc lại đổ cả mưa rào. Mong sao cứ thế này mãi: đây là một thời tiết lý tưởng để vượt ngục, nhưng đối với ngôi mộ thì lại khác. Súc gỗ lớn nhất của chiếc bè, cái súc dài hai mét ấy đã được đưa đến hầm mộ một cách xuôi lọt, để nhập bọn với các bộ phận khác của bè. Tôi lại còn lắp thử nó vào nữa là khác, nó ăn khớp vào một cách sít sao mà dễ dàng, không phải tốn sức gì cả. Boursset chạy lên tận trên trại để hỏi xem tôi đã nhận được cái bộ phận quan trọng hàng đầu ấy chưa: nó quan trọng thật, nhưng lại cồng kềnh quá xá. Nghe nói đầu đấy đều ổn cả, anh ta mừng quýnh. Anh ta có vẻ như không tin là nó lại có thể đến tay tôi được. Tôi hỏi:

- Cậu có ngờ vực gì không? Cậu nghĩ là có ai biết được à? Cậu có hở ra với ai không? Trả lời đi!

- Không, tuyệt nhiên không?

- Thế nhưng cậu vẫn có vẻ lo âu vì một điều gì đó. Cậu nói đi!

- Tôi chỉ có một cảm giác khó chịu vì cái nhìn quá tò mò như có ý soi mói của một gã tên là Bébert Celier. Tôi thấy hình như hắn đã nhìn thấy Naric lấy súc gỗ dưới cái bàn thợ mộc bỏ vào cái thùng ton-nô đựng vôi rồi mang đi. Mắt hắn dõi theo Naric ra đến tận cửa xưởng. Hai anh em Đẩy Xe sắp phải quét vôi một dãy nhà trong trại. Tôi lo là vì thế đấy.

Tôi hỏi Grandet:

- Cái anh Bébert Celier ấy ở khối ta đấy, vậy ắt không phải là một thằng phản trắc.

Grandet nói:

- Tay này vốn là tù được giao cho sở Công chánh. Cậu thử hình dung mà xem: hắn đã từng đánh nhau trong một tiểu đoàn trưng giới ở châu Phi, một tay cứng đầu đã ném mùi đủ các thứ nhà pha của quân đội ở Maroc và ở Algérie, chuyên gây sự đánh



nhau, đầu dao loại sừng sỏ, một tay pê-đê cuồng nhiệt, lại máu mê cờ bạc nữa. Hắn chưa bao giờ sống ngoài xã hội như một thường dân. Kết luận: đó là một thằng vô lại, cực kỳ nguy hiểm. Trại khổ sai chính là cả cuộc đời của hắn. Nếu cậu nghi hắn thực sự, thì hãy đi bước trước đi: hãy ám sát hắn ngay đêm nay, để hắn không có thì giờ tố giác cậu nếu hắn có ý định ấy.

- Không có gì chứng minh rằng hắn là một thằng chỉ điểm.

- Đúng thế, - Galgani nói, - nhưng cũng không có gì chứng minh hắn là một thằng khá. Cậu thừa biết loại phạm nhân như hắn chúa ghét những cuộc vượt ngục. Nó làm đảo lộn quá nhiều cái nếp sinh hoạt yên ổn và có nền nếp của bọn chúng. Về bất cứ việc gì khác thì chúng không bao giờ tố giác, nhưng chuyện vượt ngục thì khác, biết đâu đấy?

Tôi hỏi ý kiến Matthieu Carbonieri. Anh ta tán thành cái ý kiến là phải giết hắn ngay đêm nay. Anh ta định đích thân làm việc đó. Tôi có một hành động sai lầm là đã ngăn cản anh ta. Tôi không thể chấp nhận việc giết một con người mà chỉ căn cứ vào những hiện tượng bề ngoài. Dù là tự mình giết hay để cho người khác giết, tôi cũng thấy ghê tay quá. Nếu nhớ Bourset tưởng tượng ra những chuyện anh ta vừa kể thì sao? Vì quá lo sợ, anh ta có thể thần hồn nát thần tính mà thành ra hoang tưởng cũng nên. Tôi hỏi Naric:

- Xúp như này, cậu có thấy Bébert Celier có cái gì khác thường không?

- Tôi thì không. Khi đi ra, tôi vác cái thùng trên vai để thằng giữ chìa khóa đừng trông thấy trong thùng có gì. Theo chiến thuật đã quy ước, tôi phải đứng ngay trước mặt thằng giữ chìa khóa, không đặt cái thùng ton-nô xuống, cho đến khi anh rỏ tôi ra đến cửa. Như thế là để thằng A-rập thấy rõ tôi không vội vã muốn ra ngay: hắn sẽ không sinh nghi mà đòi khám cái thùng. Nhưng sau đó anh rỏ tôi nói là thấy thằng Bébert Celier quan sát chúng tôi một cách chăm chú.

- Ý kiến của anh ra sao?

- Vì bộ phận này rất quan trọng, và chỉ nhìn qua cũng biết đó là một bộ phận của một chiếc bè, cho nên anh rể tôi lo sợ quá mà trông gà hóa cuốc.

Tôi cũng nghĩ như vậy. Thôi chuyện này không nói nữa. Còn lại bộ phận cuối cùng, trước khi đưa ra phải chú ý xem Bébert Celier ở đâu. Cứ đề phòng hắn ta như đối với một tên ác.

Suốt đêm ấy tôi mê mải đánh bài Marseillaise. Tôi được bảy ngàn francs. Tôi càng đánh bữa lại càng được. Đến bốn giờ rưỡi sáng, tôi thôi đánh bài, nói là phải đi làm cỏ-vê đổ thùng. Tôi để cho cậu da đen Matinique làm một mình. Mưa đã tạnh. Trong bóng đêm hầy còn tối mịt, tôi đi ra nghĩa trang. Tôi lấy chân san lại đất trên ngôi mộ, vì tôi tìm không ra cái xẻng, nhưng với đôi giày của tôi, công việc cũng tạm ổn. Đến bây giờ, khi tôi xuống biển câu cá, trời đã nắng ráo, rất đẹp. Tôi đi về phía mũi đá phía nam đảo Royale, nơi tôi đã định cho bè xuống nước. Nước biển dâng cao, động mạnh.

Tôi cũng không biết nữa, nhưng tôi có cảm giác là sẽ rất khó làm cho bè tách ra khỏi bờ mà bờ mà không bị sóng hất trở lại, xô mạnh, vào đá. Tôi câu một mớ cá hồng đá dễ đến hơi năm ki-lô. Rửa sạch mớ cá xong, tôi không câu nữa. Tôi rất lo, nhất là lại đang một vì canh bạc trắng đêm. Ngôi trong bóng rợp, tôi ôn lại cái thời gian hơn ba tháng chuẩn bị vừa qua, tự nhủ rằng sự căng thẳng kéo dài đã sắp kết thúc, rồi nghĩ đến trường hợp Celier, tôi kết luận lại một lần nữa là mình không có quyền ám sát hắn.

Tôi đến gặp Matthieu. Đằng bên bức tường của khu vườn, có thể trông rõ ngôi mộ. Trên lối đi vào mộ có đất rải rác. Đến trưa Carbonieri sẽ sang quét sạch nó đi. Tôi đi qua nhà Juliette, cho bà một nửa số cá vừa câu được Bà ta nói:

- Papillon ơi, đêm qua tôi chiêm bao chuyện dữ quá: tôi mơ thấy anh máu me đầm đìa, rồi lại thấy anh bị xiềng xích. Anh đừng làm gì dại dột nhé. Nhớ anh có làm sao thì tôi sẽ đau khổ quá sức. Giấc chiêm bao làm cho tôi xúc động đến nỗi đến bây giờ tôi cũng chưa buồn rửa mặt chải đầu gì cả. Tôi lấy ống nhòm tìm

xem anh đang câu cá ở đâu, mà chẳng thấy. Chỗ cá này anh câu ở đâu thế?

- Ở bên kia đảo. Cho nên bà không nhìn thấy được

- Tại sao anh lại phải câu xa thế, ở một nơi mà tôi không thể dùng ống nhòm nhìn tới được? Nhỡ bị sóng cuốn đi thì sao? Sẽ không có ai trông thấy để mà vớt anh lên trước khi cá mập đớp mất.

- Ô, xin bà đừng quan trọng hóa đi qua như thế.

- Anh cho tôi là tôi quan trọng hóa! Bây giờ tôi cấm anh câu ở phía bên kia đảo đấy. Nếu anh không nghe, tôi sẽ bảo người ta rút giấy phép đi câu của anh.

- Kìa, bà phải biết điều một chút chứ. Để bà vui lòng, từ nay tôi sẽ nói cho anh tù làm ở nhà bà biết tôi câu ở chỗ nào.

- Thôi được. Nhưng sao trông anh mệt mỏi thế?

- Vâng, tôi hơi mệt thật. Tôi sẽ về trại nằm một lát

- Được. Nhưng đến bốn giờ tôi đợi anh đến uống cà phê đấy nhé. Anh đến chứ?

- Vâng xin hẹn đến chiều, chào bà tôi về.

Chỉ còn thiếu có thể nữa thôi để làm cho tôi bình tâm lại sao? Giấc chiêm bao của Juliette! Làm như thể tôi chưa đủ rồi trí với những vấn đề gay cấn trong cõi thực, còn phải thêm những vấn đề trong cõi mộng nữa? Bourset nói là anh ta có cảm giác bị theo dõi thực sự. Chúng tôi đợi cái bộ phận cuối cùng của bè - cái mảng dài một mét rưỡi - đã mười lăm hôm nay. Naric và Quenier nói không thấy có gì bất thường, nhưng Bourset vẫn không chịu làm cái bộ phận kia. Giả sử nó không có năm cái khớp phải đục chính xác từng ly, Matthieu có thể đem ra vườn làm. Đằng này những cái khớp ấy phải lắp cho sát năm đường nếp của chiếc bè.

Vì Naric và Quenier đang phải sửa chữa ngôi nhà nguyện của trại cho nên có thể dễ dàng đưa ra đưa vào rất nhiều vật tư trong xưởng. Hơn thế nữa, thỉnh thoảng họ lại được dùng một chiếc xe trâu nhỏ. Phải lợi dụng cho được dịp may này. Bourset bị

chúng tôi thúc giục quá đành phải làm một cách miễn cưỡng. Một hôm anh ta nói là biết chắc có người đã lấy cái mảng bè ra xem rồi để lại chỗ cũ. Chỉ còn một cái khớp phải đục ở đầu mút. Mọi người quyết định là anh ta phải đục cho xong, rồi giấu cái mảng dưới tấm ván ở bàn mộc, ở trên để một sợi tóc để xem thứ có ai động đến không.

Bourset đục cái khớp, rồi đến sáu giờ anh ta ra khỏi xưởng sau cùng, sau khi đã biết chắc là trong xưởng chỉ còn tên gác. Cái mảng bè đã để ở chỗ quy định với sợi tóc đánh dấu. Đến mười hai giờ trưa tôi có mặt ở trại, chờ những người làm ở xưởng tới, cả thấy tám mươi người. Naric và Quenier đều có mặt, nhưng Bourset thì không thấy đâu. Một phạm nhân người Đức đến trao cho tôi một mảnh giấy dán kỹ. Có thể thấy rõ là chưa có ai bóc ra.

Tôi đọc: “Sợi tóc không còn ở đây nữa: đã có kẻ sờ đến cái mảng. Tôi đã xin tên gác cho tôi ở lại làm việc trong giờ nghỉ trưa để làm cho xong cái trap bằng gỗ hồng tâm tôi đang làm dở. Hắn đã cho phép. Tôi sẽ lấy cái mảng để vào chỗ để dụng cụ của Naric. Anh nói cho họ biết đi. Đến ba giờ họ phải đưa ngay súc gỗ đi. May ra thằng cha đang theo dõi cái mảng bè chưa kịp trở tay”.

Naric và Quenier đồng ý. Họ sẽ ra đứng ở hàng đầu đám thợ làm ở xưởng. Trước khi mọi người, vào hết, hai người sẽ bày chuyện đánh nhau ở gần trước cửa. Chúng tôi đã nhờ hai người đồng hương với Carbonieri làm giúp việc này. Đó là hai người Corse ở Montmartre: Massani và Santini. Họ không hề hỏi tại sao phải thế: miễn chúng tôi cần là được rồi, sẵn sàng ngay. Naric và Quenier sẽ lợi dụng thời cơ ấy để trở ra nhanh, mang theo một vật liệu gì đấy, làm như thể họ đang vội đi làm và không quan tâm đến vụ đánh nhau. Chúng tôi đều nhất trí rằng hãy còn một khả năng cứu vãn. Nếu chuyện này thành công, tôi phải án binh bất động một hai tháng, vì chắc chắn là đã có một hay nhiều người biết là có ai đang chuẩn bị một chiếc bè. Cứ để cho họ tìm xem ai chuẩn bị, và bè giấu ở đâu.

Đã đến hai giờ rưỡi, các bạn tôi chuẩn bị hành động. Từ lúc điểm danh đến lúc xuất phát đi công trường phải mất ba mươi

phút. Họ bắt đầu đi. Bébert Celier đứng ở khoảng giữa đoàn người xếp thành hai mươi hàng tư.

Naric và Quenier đi đầu, Massani và Santini ở hàng thứ mười hai, Bébert Celier ở hàng thứ mười. Tôi nghĩ như thế rất tiện, vì khi Naric lấy các thứ gỗ này nọ trong đó có cả cái mảng bè, những người kia chưa vào hết trong xưởng. Bébert sẽ gần vào đến cửa xưởng. Khi cuộc ẩu đả nổ ra, vì mọi người sẽ la ó om xòm lên, lẽ tự nhiên là mọi người, trong đó có Bébert, sẽ quay lại nhìn. Đến bốn giờ, mọi việc đã diễn ra êm xuôi, cái mảng bè đã được giấu dưới một đồng vật liệu để trong nhà thờ. Họ chưa đưa ra khỏi nhà thờ được, nhưng để tạm ở đấy cũng rất ổn.

Tôi ghé chỗ Juliette, nhưng bà ta không có ở nhà. Khi quay về, tôi đi ngang sân trước nhà ban Quản trị. Tôi trông thấy Massani và Santini đang đứng trong bóng râm đợi vào xà lim. Cái này chúng tôi đều biết trước. Tôi đi qua chỗ họ, hỏi:

- Bao nhiêu?

- Tám ngày - Santini đáp.

Một tên cảnh binh người Corse nói:

- Đồng hương mà lại đi đánh nhau, khỉ thật!

Tôi về trại. Sáu giờ, Bourset rạng rỡ lên, nói với tôi:

- Cứ như thế mình đang bị ung thư mà bỗng dưng bác sĩ cho biết là đã chẩn bệnh nhầm, chứ mình chẳng có bệnh gì cả..

Carbonieri và các bạn tôi đều đắc thắng. Họ khen ngợi tôi về cách tổ chức công chuyện. Naric và Quenier cũng đều thỏa thuê. Mọi sự đều ổn cả. Tôi ngủ thẳng giấc cho đến sáng. Tuy hỏi tới mấy tay cờ bạc đã đến mời tôi đánh. Tôi nói dối là nhức đầu. Thật ra tôi buồn ngủ đến chết đi được, nhưng tôi hài lòng và mừng rỡ vì sắp thành công đến nơi rồi. Cái khó khăn nhất thế là đã vượt qua được.

Sáng nay Matthieu đã giấu tạm cái bộ phận cuối cùng trong hốc tường. Lúc bảy giờ ông già gác nghĩa địa đang quét những lối đi phía ngôi mộ giấu bè. Lúc này mà mon men đến đó thì dễ lộ

lắm. Sáng sớm nào cũng vậy, từ lúc tờ mờ tôi đã đến nghĩa địa dùng xẻng gõ đắp lại đất trên ngôi mộ, cố làm thật nhanh. Tôi dùng chổi quét sạch lối đi, rồi nhanh chóng quay về đồ thùng, giấu chổi và xẻng trong góc nhà xí.

Kể từ lúc bắt đầu chuẩn bị cho đến nay đã đúng bốn tháng, và chúng tôi nhận được bộ phận cuối cùng của chiếc bè đã được chín hôm. Trời không còn mưa hàng ngày nữa, và nhiều hôm trời lạnh suốt cả đêm. Tất cả các giác quan của tôi đều luôn luôn trong tình trạng báo động, để chuẩn bị cho hai cái giờ G sắp tới: trước tiên là lấy cái bộ phận trứ danh kia trong vườn Matthieu rồi lắp chiếc bè cho thật khốp. Việc này chỉ có thể làm ban ngày. Sau đó là lên đường. Việc này không thể tiếp luôn sau việc kia, vì khi lấy bè ra rồi còn phải nhét dừa và lương thực vào.

Hôm qua tôi đã kể hết cho Castelli nghe và cho bác ta biết tình hình hiện tại. Bác ta mừng cho tôi là đã gần đạt đến đích. Bác nói:

- Bây giờ là tiết trăng non.
- Tôi biết. Vậy thì lúc nửa đêm không sợ có trăng nước ròng là vào mười giờ, vậy giờ tốt nhất để hạ thủy vào hai giờ sáng.

Carbonieri và tôi đã quyết định làm gấp. Sáng mai chín giờ, lắp xong bộ phận cuối cùng của bè. Đến đêm là vượt ngục.

Sáng hôm sau, chúng tôi hành động rất ăn ý với nhau. Tôi đi qua khu vườn, đến nghĩa địa, đóng xẻng nhảy ra tường. Trong khi tôi dùng xẻng gạt đất trên mộ địa, Matthieu lấy phiến đá ra và đem cái bộ phận bè mới giấu vào đấy sang cho tôi. Chúng tôi cùng gỡ lớp lá dừa đan để sang một bên. Chiếc bè hiện ra, dính đất nham nhở, nhưng tình trạng hoàn hảo. Chúng tôi đưa bè ra khỏi mộ, vì để lắp thêm bộ phận cuối cùng, bên cạnh phải có chỗ rộng. Chúng tôi lắp năm đường nẹp vào thanh gỗ có năm khốp. Muốn chặt chúng tôi phải lấy đá gõ. Chúng tôi đã lắp xong đầu vào đấy, đang đặt bè vào chỗ cũ, thì một tên canh sát hiện ra, tay lăm lăm khẩu súng trường.

- Đứng im, không chết ngay!



Chúng tôi buông cái bè xuống, giơ hai tay lên trời. Tôi nhận ra mặt tên cảnh sát. Đó là viên giám thị trưởng của xưởng thợ.

- Các anh đừng kháng cự mà dại. Các anh bị bắt quả tang. Các anh hãy chấp nhận như thế và ít ra cũng phải lo cứu lấy tính mạng: mạng các anh bây giờ treo trên sợi tóc, vì tôi chỉ muốn cho các anh một băng. Thôi, đi tay vãn để nguyên thế! Đi ra nhà ban chỉ huy.

Khi đi qua cổng nghĩa địa, chúng tôi gặp một thằng A-rập giữ chìa khóa. Tên cảnh sát nói với hắn:

- Mohamed, cảm ơn cậu đã giúp tôi. Sáng mai ghé tôi tôi sẽ đưa cái ấy cho... Món quà tôi đã hứa thưởng cậu ấy mà.

- Cảm ơn sếp, - thằng A-rập nói. - Tôi sẽ đến, nhưng sếp ạ. Bébert Celier cũng phải trả công cho tôi chứ, phải không ạ?

- Chuyện này hai cậu dàn xếp với nhau, - tên cảnh sát nói.

Tôi hỏi hắn:

- Chính Bébert Celier đã chơi chúng tôi, phải không sếp?

- Không phải tôi nói chuyện này với các anh đâu đấy nhé.

- Cũng thế thôi, chuyện này biết được cũng hay.

Vẫn chìa súng vào chúng tôi, tên cảnh sát nói:

- Mohamed, lục soát chúng đi.

Thằng A-rập rút con dao tôi giắt ở thắt lưng, cả con dao của Matthieu nữa. Tôi nói với hắn:

- Mohamed này, anh tài thật đấy. Anh làm thế nào mà biết được thế?

- Ngày nào tôi cũng leo lên ngọn cây dừa đằng kia để xem các anh giấu chiếc bè ở đâu.

- Ai bày cho anh làm như thế?

- Đầu tiên là Bébert Celier, sau là ông giám thị Bruet.

- Đi thôi, nói nhiều quá rồi đấy, - tên cảnh sát nói. Bây giờ các anh có thể bỏ tay xuống, và đi nhanh lên.

Đoạn đường bốn trăm mét mà chúng ta để đến trụ sở ban chỉ huy tôi có cảm giác là đoạn đường dài nhất trong đời tôi. Tôi đã sụm hần. Bấy nhiêu hơi sức dốc ra rồi cuối cùng chuốc lấy một thất bại thảm hại như thế. Trời ơi, sao Người nữ tỳ nhân đôi với tôi như vậy?

Thật là một cảnh điểm nhục khi chúng tôi đến Ban chỉ huy Trại. Vì trên đường đi chúng tôi lần lượt gặp những tên cảnh binh: họ liền nổi gót theo tên đang chĩa súng vào chúng tôi, thành thử khi đến nơi đã thành một tốp bảy tám tên đi sau lưng chúng tôi.

Viên chỉ huy, được tên giữ khóa người A-rập chạy về báo trước, đang đứng trước cửa ban chỉ huy cùng với Dega và năm viên giám thị trưởng.

- Có chuyện gì thế, ông Bruet? - viên chỉ huy hỏi.

- Có chuyện là tôi đã bắt quả tang hai người này đang cất giấu một chiếc bè hình như đã đóng xong.

- Papillon, anh có cần nói gì không?

- Không. Tôi sẽ khai trước hội đồng thẩm vấn.

- Đưa hai người vào xà-lim.

Tôi bị nhốt vào một căn xà-lim có một khung cửa sổ bịt kín đối diện với cửa ra vào Ban chỉ huy. Căn xà-lim tối om, nhưng tôi nghe được tiếng nói của những người qua lại trước trụ sở Ban chỉ huy.

Các sự việc diễn ra rất nhanh. Đến ba giờ họ cho chúng tôi ra và khóa tay chúng tôi lại.

Trong phòng có lập một thứ tòa án: chỉ huy trại, phó chỉ huy, giám thị trưởng. Một viên cảnh binh làm chân lục sự. Ngồi riêng sau một cái bàn đặt cách xa nhóm kia, Dega cầm cây bút chì, chắc hẳn là để ghi lại những lời vấn đáp sắp tới.

- Charrière và Carbonieri, các người hãy lắng nghe bản báo cáo của ông Bruet về các người: “Tôi, Bruet Auguste, giám thị trưởng, quản đốc công xưởng Quân đảo Salut, xin khởi tố hai phạm nhân khổ sai là Charrière và Carbonieri về tội lấy trộm, lạm

dụng vật liệu thuộc quyền sở hữu của Nhà nước. Tôi tố cáo phạm nhân thợ mộc Bourset về tội đồng lõa. Tôi thấy có cơ sở để khẳng định rằng hai phạm nhân Naric và Quenier cũng phạm tội đồng lõa. Tôi xin nói thêm rằng tôi đã bắt được quả tang Charnère và Carbonieri đang xâm phạm ngôi mộ của bà Privat mà họ dùng làm nơi cất giấu chiếc bè của họ”.

- Các anh nói sao đây? - Viên chỉ huy trại hỏi.

- Trước hết, Carbonieri chẳng có dính dáng gì vào đây cả. Chiếc bè được thiết kế để chở có một người, tức là tôi. Chẳng qua tôi đã bắt Carbonieri phải giúp tôi gỡ lớp lá dừa đan trên mộ, vì việc này tôi không thể làm lấy một mình. Vậy thì Carbonieri không hề phạm tội lạm dụng và lấy cắp vật tư của Nhà nước, mà cũng không hề phạm tội đồng lõa vượt ngục, vì cuộc vượt ngục chưa hề được thực hiện. Bourset là một nạn nhân bị buộc phải hành động vì bị dọa giết. Còn Naric và Quenier thì tôi hầu như không hề quen. Tôi xin quả quyết là họ không hề dính líu đến việc này.

- Người chỉ điểm của tôi nói khác kia, - viên giám thị nói.

- Tên Bébert Celier, người đã chỉ điểm cho ông, rất có thể lợi dụng việc này để trả thù một vài người nào đấy bằng cách nói điều cho họ. Làm sao có thể tin lời một tên chỉ điểm?

Viên chỉ huy nói:

- Tóm lại, anh bị tố cáo chính thức là đã lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước, xâm phạm mộ phần và mưu toan vượt ngục. Anh ký vào văn bản đi.

- Tôi chỉ ký khi nào trong văn bản đã thêm lời tôi khai về Carbonieri, Bourset và hai anh em rể Naric và Quenier.

- Đồng ý. Các ông viết thêm vào đi.

Tôi ký. Tôi không thể diễn đạt rõ ràng tất cả những gì đã diễn ra trong tâm trí tôi kể từ khi công việc bị bại lộ vào phút cuối ấy. Tôi như đã phát điên trong xà lim này, tôi ăn chẳng được, tôi không đi lại, nhưng tôi hút thuốc liên hồi, hết điếu này sang điếu khác.

Cũng may là Dega tiếp tế thuốc lá cho tôi đầy đủ. Hôm nào chúng tôi cũng được một giờ đi dạo vào buổi sáng, trong khoảng sân của các xà lim trường giới, dưới ánh nắng.

Sáng nay ông chỉ huy trại có đến nói chuyện với tôi. Kể cũng lạ: nếu cuộc vượt ngục thành công, ông chính là người bị thiệt hại nặng nề nhất, thế mà chính ông lại là người tức giận tôi ít nhất. Ông ta mỉm cười kể cho tôi nghe rằng vợ ông có nói là một người bị giam mà còn giữ được tư cách dĩ nhiên là phải tìm cách vượt ngục. Rất khéo léo, ông ta lái câu chuyện như thế nào để tôi xác nhận phần đóng góp của Carbonieri. Tôi có cảm giác là tôi đã thuyết phục được ông, cho ông thấy rõ rằng Carbonieri ở vào cái thế không thể nào từ chối khi tôi nhờ giúp tôi một tay trong việc tháo gỡ lớp lá dừa bên trên ngôi mộ.

Bourset đã xuất trình bức thư đe dọa và tám đồ án do tôi làm. Về phần tôi thì ông chỉ huy hoàn toàn tin là mọi việc diễn ra đúng như tôi đã khai. Tôi hỏi ông ta xem theo ý ông thì cái tội lấy trộm vật tư kia liệu có thể xử đến mấy năm. Ông nói: “Mười tám tháng là cùng”.

Nói tóm lại, tôi dần dần leo trở lên cái dốc bờ vực mà tôi đã lăn xuống. Tôi có nhận được mấy chữ của Chatal, người y tá. Anh ta cho tôi biết rằng Bébert Celier hiện nay nằm một phòng cách biệt ở bệnh viện, đang được cứu xét miễn giam vì một kết quả chẩn bệnh ít có: áp xe gan. Chắc đây là một cách dàn xếp giữa ban Quản trị và ông bác sĩ để che chở cho hắn tránh khỏi những hành động trả thù.

Căn xà-lim của tôi không bao giờ bị khám, họ cũng không lần nào khám người tôi. Tôi lợi dụng tình hình đó để nhờ các bạn tuần vào cho tôi một con dao. Tôi nói với Naric và Quenier là họ phải yêu cầu một cuộc đối chất giữa viên giám thị công xưởng, Bébert Celier, anh thợ mộc và tôi, để lên viên chỉ huy trại một lời thỉnh cầu là sau cuộc đối chất này ông sẽ quyết định cách xử lý mà ông thấy là thích đáng đối với họ: hoặc giam cầm, hoặc trường giới, hoặc cho đi lại tự do trong trại.

Trong buổi đi dạo hôm nay, Naric nói với tôi rằng chỉ huy trại đã đồng ý. Cuộc đối chất sẽ diễn ra lúc mười giờ sáng mai. Dự buổi này sẽ có một giám thị trưởng làm chức năng dự thẩm. Suốt đêm hôm ấy tôi tìm cách tự can gián, vì tôi có ý định giết Bébert Celier. Nhưng tôi không sao tự can ngăn được. Không, con người ấy mà được miễn giam vì đã có công phát hiện vụ vượt ngục, rồi sau đó, xuất phát từ Đất Liền, hẳn lại có thể lên đường vượt ngục nữa, như thế để thưởng công vì đã ngăn chặn tôi vượt ngục, thì thật quá ư bất công. Phải, nhưng mày có thể bị xử tử, vì người ta có thể coi là mày có chủ định từ trước. Tôi đêch cần. Đó là kết luận của tôi, vì tôi quá tuyệt vọng. Bốn tháng trời hy vọng, vui mừng, lo sợ, suy nghĩ, phát minh, để rồi đến khi đã sắp thành đạt thì bỗng dưng thất bại thảm hại như vậy chỉ vì miệng lưỡi một thằng chỉ điểm. Ra sao thì ra, mai tôi sẽ tìm cách giết Celier cho bằng được.

Cách duy nhất để khỏi bị xử tử là làm thế nào để hắn rút dao ra trước. Muốn thế, tôi phải làm thế nào cho hắn thấy rõ là con dao của tôi cũng đã mở. Chắc chắn là thấy thế hắn phải rút dao ra ngay. Việc này phải làm trước cuộc đối chất một chút, hay ngay sau đó. Tôi không thể giết hắn trong khi đang đối chất, vì như thế có nguy cơ là một tên cảnh sát có thể rút súng bắn tôi ngay. Tôi trông mong vào cái thói cầu thả kinh niên của bọn cảnh sát.

Suốt đêm tôi vật lộn với ý nghĩ trên đây. Tôi không sao trấn áp được nó. Quả thật, trong đời có những điều không thể nào tha thứ được. Tôi biết rằng con người ta không có quyền tự mình đứng ra xét xử người đời, nhưng đó là nói về những người thuộc một đẳng cấp xã hội khác kia. Làm sao có thể chấp nhận rằng có thể không nghĩ đến việc trừng phạt thật đích đáng một con người đáng ghê tởm như thế. Tôi không hề làm điều gì có hại cho tên tù trại lính ấy, thậm chí hắn cũng không hề quen biết gì tôi. Như vậy là hắn đã tự dưng xử phạt tôi x năm cấm cố một cách hoàn toàn vô cớ. Hắn đã tìm cách đôn sông tôi để mưu cầu được miễn giam. Không, nhất định không? Tôi không thể nào lại để cho hắn được hưởng thành quả của cái hành động đáng buồn nôn của hắn. Không thể được! Tôi cảm thấy mình chỉ có chết. Thôi, chết thì chết, nhưng hắn cũng phải chết, mà phải chết khổ chết sở hơn cả tôi

nữa. Nhưng nếu mày bị xử tử, thì thử hỏi chết vì một con người dễ tiện như thế có phải là ngu dại không? Cuối cùng tôi chỉ hứa được với bản thân có một điều: nếu hắn không rút dao ra, tôi sẽ không giết hắn.

Suốt đêm ấy tôi không ngủ. Tôi hút hết cả một bao thuốc lá sợi xám. Đến sáu giờ sáng, lúc họ đưa cà phê vào tôi chỉ còn hai điều. Thần kinh tôi căng thẳng đến nỗi ngay trước mặt tên gác, tôi nói với người đưa cà- phê (điều này xưa nay cấm):

- Cậu có thể cho tôi mấy điều thuốc hay một ít thuốc lá sợi không... Nếu sếp đây cho phép? Thưa sếp, tôi kiệt quệ lắm rồi.

- Ủ!, anh cứ cho Papillon đi, nếu anh có sẵn. Tôi thì không hút thuốc. Tôi thành thực phiền lòng cho anh, Papillon ạ. Là người Corse, tôi thương con người và ghét những việc làm khôn nặn.

Mười giờ kém mười lăm, tôi đang đứng ngoài sân đợi lúc vào phòng. Naric, Quenier, Bourset, Carbonieri đều có mặt ở đây. Viên cảnh sát gác chúng tôi là Antartaglia, người vừa gặp tôi khi đưa cà phê vào. Hắn nói chuyện với Carbonieri bằng tiếng Corse. Tôi nghe cũng hiểu được ý hắn nói là việc vừa rồi thật đáng tiếc, và Carbonieri có thể bị ba năm cấm cố. Lúc ấy cánh cửa mở ra và tên A-rập leo dữa, tên A-rập gác cửa xưởng và Bébert Celier bước vào sân. Nhìn thấy tôi, hắn hơi chùn bước lại, nhưng tên gác đi kèm hắn nói:

- Đi tới, đứng sang một bên kia, bên phải ấy.

- Antartaglia, đừng để cho chúng nó trao đổi gì với nhau.

Thế là hắn và tôi đứng cách nhau không đầy hai mét. Antartaglia nói:

- Giữa hai nhóm cấm nói với nhau.

Carbonieri lúc bấy giờ vẫn nói chuyện bằng tiếng Corse với viên cảnh sát đồng hương đang giám thị cả hai nhóm. Viên cảnh sát cúi xuống buộc lại dây giày, tôi ra hiệu cho Matthieu đứng nhích ra phía trước một chút. Cậu ta hiểu ngay. Cậu đưa mắt nhìn Bébert Celier và nhỏ bọt về phía hắn. Khi viên cảnh sát đứng thẳng lên, Carbonieri cứ nói chuyện với hắn không ngớt miệng,



thu hút được sự chú ý của hắn đến mức tôi bước lên một bước mà hắn không hề nhận thấy. Tôi buông cho con dao từ ống áo tụt xuống và cầm vào tay. Chỉ có Celier có thể trông thấy. Nhanh như cắt, hắn rút con dao đã mở sẵn trong túi quần đâm một nhát trúng vào bắp tay phải của tôi. Tôi thì lại thuận tay trái. Tôi đâm thẳng vào ngực hắn một nhát ngập đến tận chuôi. Một tiếng “A-a~ch!” Nghe như tiếng đã thú, rồi hắn rơi phịch xuống đất. Antartaglia rút súng lục cầm tay nói với tôi:

- Cậu lùi ra, lùi ra ngay. Chớ đâm thêm, không tôi buộc lòng phải bắn.

Carbonieri lại gần Celier, lấy chân chạm thử vào đầu hắn, rồi nói hai tiếng Corse. Tôi nghe cũng hiểu: hắn chết rồi. Viên cảnh sát nói:

- Cậu đưa dao đây...

Tôi đưa con dao, hắn dứt súng vào bao, đi ra cánh cửa sắt gõ mấy tiếng. Một tên gác mở cửa ra. Viên cảnh sát nói:

- Cho cáng vào khiêng một xác chết.

- Ai vừa chết thế? - tên gác hỏi.

- Bébert Celier.

- Thế à? Thế mà tôi cứ tưởng là Papillon.

Họ lại nhốt chúng tôi vào xà-lim. Cuộc đối chất thế là phải bãi. Trước khi vào hành lang Carbonieri nói với tôi:

- Papi, tội nghiệp cậu quá, lần này thì cậu lãnh đủ.

- Ủ, nhưng tớ vẫn còn sống, còn nó thì nghèo rồi.

Viên cảnh sát trở lại một mình, mở cửa rất khẽ khàng rồi nói với tôi, giọng vẫn còn xúc động:

- Đám vào cửa mấy cái đi, kêu là bị thương. Chính hắn đã tấn công trước, tôi trông thấy rõ ràng. - Đoạn hắn khép cửa lại.

Mấy cái gã cảnh sát Corse ấy ghê thật: hoặc xấu tất, hoặc tốt cả. Tôi đập cửa, kêu: “Tôi bị thương rồi, phải đưa tôi vào bệnh viện bằng bó chữ”

Viên cảnh sát trở lại với viên giám thị trưởng của khu trừng giới.

- Anh làm sao? Có việc gì mà làm ồn lên thế?
- Thưa sếp, tôi bị thương mà.
- À! Anh bị thương phỏng? Tôi tưởng hấn đâm có trúng đâu?
- Bắp thịt tay phải của tôi bị đứt rồi.
- Mở ra, viên cảnh sát kia nói.

Cửa mở, tôi bước ra. Quả bắp thịt bị cắt đứt, hở hoác ra.

- Khóa tay hấn lại, đưa sang bệnh viện. Không được để hấn nằm lại bệnh viện, bất cứ với lý do gì.

Băng bó xong, phải đưa về đây ngay.

Khi chúng tôi ra ngoài, có đến mười tên cảnh sát với cả ông chỉ huy trại nữa. Viên giám thị công xưởng nói với tôi:

- Quân giết người!

Tôi chưa kịp đáp thì ông chỉ huy đã nói với hấn:

- Giám thị Bruet, ông im đi, Papillon đã bị hấn tấn công trước.

- Khó tin lắm, - Bruet nói.

- Tôi có trông thấy, và tôi sẽ làm chứng, - Antartaglia nói. Và thưa ông Bruet, xin ông biết cho rằng một người Corse không nói dối bao giờ.

Ở bệnh viện, Chatal gọi bác sĩ đến. Ông ta khâu vết thương cho tôi mà không cho thuốc mê hay gây tê gì cả, rồi đính cho tôi tám cái kẹp, không nói với tôi một lời. Tôi thì cắn răng chịu đau, không một tiếng kêu than. Cuối cùng, bác sĩ nói:

- Hết thuốc tê rồi, cho nên tôi không thể tiêm cho anh đỡ đau được. - Đoạn ông ta nói thêm - Việc anh vừa làm chẳng tốt chút nào.

- Ô, bác sĩ cũng biết đấy: đằng nào thì với cái áp-xe gan ấy hấn cũng chẳng sống được bao lâu nữa.

Câu trả lời bất ngờ của tôi làm cho ông bác sĩ đờ người ra.

Cuộc thẩm vấn vẫn tiếp tục. Phân trách nhiệm của Boursset bị gạt ra hoàn toàn. Mọi người đều thừa nhận cậu ấy bị đe dọa đến tính mạng, sợ quá phải làm theo. Tôi cũng góp phần làm cho họ tin như vậy. Đối với Naric và Quenier cũng không có bằng chứng gì là họ can phạm hay đồng lõa. Chỉ còn lại tôi và Carbonieri. Đối với Carbonieri, họ gạt bỏ lời buộc tội lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước. Chỉ còn tội đồng lõa trong việc mưu toan vượt ngục. Quá lắm cũng chỉ sáu tháng là cùng. Đối với tôi thì tình thế đâm ra phức tạp. Thật vậy, bất chấp những nhân chứng bênh vực tôi, viên giám thị lãnh nhiệm vụ thẩm vấn vẫn không chịu thừa nhận đây là trường hợp tự vệ chính đáng. Dega đã được xem cả tập hồ sơ, bác ta quyết định rằng mặc dầu viên dự thẩm rất quyết tâm trị tội, họ cũng không thể nào xử tử tôi được, vì tôi đã bị thương trước khi hành động. Bên buộc tội có một căn cứ để vin vào mà đòi xử tôi thật nặng: hai tên A-rập giữ chìa khóa đều khai rằng tôi đã rút dao ra trước.

Cuộc thẩm vấn đã xong. Tôi đợi ngày đi Saint-Laurent dự phiên xử của tòa án binh. Suốt ngày tôi chỉ hút thuốc, hầu như không đi lại trong xà-lim. Người ta cho tôi một giờ đi dạo vào buổi chiều. Không một lần nào viên chỉ huy trại hay bọn giám thị, trừ viên giám thị công xưởng đã là dự thẩm trong cuộc thẩm vấn vừa qua, có thái độ thù địch đối với tôi.

Đến thứ sáu là tôi phải giải đi Saint-Laurent. Sáng thứ tư, lúc mười giờ, tôi đi dạo trong sân đã gần hai tiếng đồng hồ thì viên chỉ huy trại. Gọi tôi lại, nói: “Anh đi theo tôi”. Tôi theo ông ta ra khỏi sân trại, không có ai đi kèm theo. Tôi hỏi ông chỉ huy xem ông đưa tôi đi đâu nhưng ông chỉ lẳng lặng bước tiếp trên con đường xuống dốc dẫn về nhà ông. Dọc đường ông ta nói:

- Nhà tôi muốn gặp anh một lát trước khi anh đi. Tôi không cho ai áp giải anh, vì nhà tôi sẽ bị một ấn tượng không hay nếu trông thấy anh bị một viên cảnh sát có súng đi kèm theo. Tôi hy vọng anh sẽ có thái độ đúng mực.

- Thừa thiếu tá vâng.

Chúng tôi đã đến nhà ông chỉ huy. Ông nói với Juliette: “Anh đưa người được em che chở về cho em đây như anh đã hứa. Em cũng biết là anh phải đưa anh ta về trại trước mười hai giờ trưa. Em có được gần một tiếng đồng hồ để nói chuyện anh ta”. Đoạn ông ta lui vào nhà trong một cách tế nhị.

Juliette đến gần tôi và đặt bàn tay lên vai tôi, mắt nhìn thẳng vào mắt tôi. Đôi mắt đen láy của bà càng sáng hơn mọi khi, vì giờ đây nước mắt bà long lanh sau đôi hàng mi đen và dài. Cũng may là bà đủ tự chủ để cầm nước mắt lại.

- Anh thật là điên rồ, anh bạn của tôi ạ. Giá anh nói cho tôi biết là anh muốn ra đi, tôi tin là tôi sẽ có cách làm cho mọi việc được dễ dàng hơn. Tôi đã xin nhà tôi cố cứu giúp anh hết lòng, nhưng nhà tôi nói là tiếc thay ông ấy không có đủ quyền. Tôi gọi anh đến trước hết là thấy rõ tình trạng anh ra sao. Tôi khâm phục lòng can đảm của anh, tôi thấy anh còn đáng trọng hơn là trước đây tôi vẫn nghĩ. Với lại trước đây tôi cũng muốn được đền bù lại những gì anh đã cho tôi một cách hào phóng trong bấy nhiêu tháng trời. Đây, anh cầm lấy một ngàn francs, tôi chỉ cho anh được có thể. Tôi lấy làm tiếc là không thể làm gì hơn.

- Bà ơi, xin bà nghe tôi, tôi không cần tiền đâu. Tôi van bà, bà nên hiểu là tôi không thể nhận được, vì theo tôi, làm như thế là làm vẩn đục tình bạn của chúng ta

Đoạn tôi đẩy hai tờ giấy năm trăm mà bà chỉ huy đã rộng lòng biếu tôi.

- Tôi van bà đừng nài tôi.

- Thôi, tùy anh vậy, - Juliette nói. - Uống một chút rượu hồi nhẹ nhé?

Và trong hơn một tiếng đồng hồ, người đàn bà đáng ngưỡng mộ ấy không ngớt nói với tôi những lời lẽ dịu dàng, nhân ái. Bà ta tin rằng tôi sẽ được trắng án về cái tội đã giết tên Bébert đều cảng ấy và chỉ phải ngồi tù cấm cố mười tám tháng cho đến hai năm vì mấy tội kia.

Khi từ giã, Juliette xiết chặt tay tôi hồi lâu trong đôi tay bà, và nói: “Tạm biệt anh, chúc anh may mắn nhiều” đoạn khóc òa lên.

Ông chỉ huy đưa tôi về khu trường giới. Dọc đường tôi nói:.

- Thừa thiếu tá, thiếu tá có được người vợ cao quý nhất trên đời này.

- Tôi biết, Papillon ạ, cô ấy sinh ra không phải để sống ở đây, những gì diễn ra ở đây quá tàn nhẫn đối với cô ấy. Nhưng biết làm thế nào được? Thôi, cũng chỉ bốn năm nữa tôi đã về hưu rồi.

- Nhân lúc này chỉ có ông và tôi, tôi cũng xin cảm ơn ông đã cố làm sao cho người ta đối xử với tôi tử tế, mặc dầu nếu tôi thành công, việc ấy sẽ gây cho ông những chuyện hết sức phiền hà.

- Phải, anh có thể làm cho tôi đau đầu hết sức. Tuy vậy, anh có muốn tôi nói với anh điều này không? Anh xứng đáng được hưởng thành công trong chuyến vượt ngục.

Đến cổng khu trường giới, ông nói thêm:

- Từ biệt anh, Papillon. Cầu Chúa phù hộ anh, anh sẽ cần đây.

- Từ biệt thiếu tá.

Đúng, tôi sẽ cầu Chúa phù hộ vì tòa án binh do một thiếu tá hiến binh bốn lon chủ tọa đã tỏ ra cực kỳ khắc nghiệt. Ba năm về tội lấy trộm và lạm dụng vật tư của Nhà nước, xâm phạm mộ phần và mưu toan vượt ngục, năm năm về tội giết tên Celier. Tổng cộng là tám năm cầm cố. Giả sử tôi không bị thương, chắc chắn là cái tòa án ấy đã xử tử tôi rồi.

Cái tòa án đã xử tôi nghiệt ngã như vậy lại tỏ ra khoan dung đối với một phạm nhân Ba Lan tên là Dandowsky vừa phạm tội giết hai người. Hắn chỉ bị năm năm, tuy vụ án mạng hiển nhiên là đã được tính toán từ trước.

Dandowsky là một người thợ bánh mì, chỉ chuyên làm men bột nở. Hắn chỉ làm việc từ ba đến bốn giờ sáng. Vì lò bánh mì ở ngay bên, đối diện với biển, cho nên bao nhiêu thì giờ rồi hắn đều dành cho việc đi câu. Tính tình điềm đạm, nói tiếng Pháp không

được sõi, hắn chẳng giao du với ai. Người tù khổ sai chung thân này dồn hết tình thương yêu trù mến cho một con mèo đen có đôi mắt xanh biếc như màu ngọc bích. Con mèo đối với hắn như một người ruột rà thân thiết, cùng ăn cùng ngủ với nhau, mỗi khi hắn đi làm con mèo đi theo hắn như một con chó, để cho hắn có bạn. Nói tóm lại, giữa người và vật có cả một mối tình đậm thắm.

Còn như nếu trời nắng quá mà không có nơi nào có bóng râm gần chỗ câu cá, nó trở về lò bánh mì một mình leo lên vồng của bạn nằm chờ. Đến mười hai giờ trưa, khi nghe chuông điểm, nó liền ra đón anh bạn Ba Lan và nháy nhót bên con cá con mà anh ta treo ở đầu sợi chỉ, dứ dứ cho con mèo vờn cho đến khi nó chụp được

Tốp thợ bánh mì ở chung một gian phòng lớn kê bên lò bánh mì. Một hôm, hai người tù khổ sai tên là Corrazi và Angelo mời Dandowsky ăn món xi-vê thỏ do Corrazi nấu: mỗi tuần anh này đều nấu xi-vê thỏ chén một lần. Dandowsky ngồi xuống ăn với họ, nhân thể góp một chai rượu vang để nhắm với thịt thỏ. Tối hôm ấy con mèo không về. Anh Ba Lan tìm khắp nơi mà chẳng thấy. Một tuần đã trôi qua, mà con mèo vẫn chẳng thấy đâu. Dandowsky buồn lắm: sinh vật duy nhất mà anh yêu thương và cũng yêu thương anh một cách đậm thắm như vậy bỗng dưng đã biến đi một cách thật khó hiểu. Được biết nỗi đau buồn vô hạn của Dandowsky, vợ một viên giám thị đem biểu anh ta một con mèo con. Dandowsky liền đuổi nó đi, và phần uất hỏi bà ta: làm sao bà ta lại đang tâm nghĩ rằng anh có thể yêu thương một con mèo khác được. Anh ta nói rằng đó là một sự xúc phạm nặng nề đối với hương hồn của người bạn đã khuất của anh.

Một hôm tên Corrazi đánh một cậu bé học nghề làm bánh mì, đồng thời chuyên đưa bánh mì vào trại. Cậu ta không ở chung với tốp thợ bánh mì, mà thuộc phiên chế của trại. Vốn tính thù dai, cậu bé tìm gặp Dandowsky nói:

- Anh ạ, cái con thỏ mà Corrazi và Angelo mời anh ăn ấy, chính là con mèo của anh đấy.

- Chúng có đâu? - anh Ba Lan tóm cổ cậu bé quát.



- Dưới gốc cây xoài ở chênh chéch phía sau cái lán để xuống, tôi đã nhìn thấy Corrazi chôn da con mèo của anh đấy.

Như một người điên, anh Ba Lan ra đấy xem, và quả nhiên tìm thấy bộ da. Anh ta nhặt bộ da và cái dầu đều đã bắt đầu thối rữa, đem ra biển rửa sạch, phơi ra nắng cho khô rồi lấy vải sạch bọc lại và đem chôn ở một nơi khô ráo, chôn rõ sâu để cho kiến khỏi ăn.

Chính anh ta kể lại với tôi như vậy.

Đêm hôm ấy, dưới ánh đèn dầu hỏa, trên một cái ghế dài rất nặng ở phòng ăn của thợ bánh mì, Corrazi và Engelo ngồi cạnh nhau đánh một ván belote tay bốn. Dandowsky là một người đàn ông trạc bốn mươi, vóc người tầm thước, vạm vỡ, rộng vai, rất khỏe. Anh ta đã chuẩn bị một cái gậy lớn bằng gỗ lim nặng như sắt. Từ phía sau bước vào, anh ta chẳng nói chẳng rằng giáng lên đầu mỗi đứa một đòn khủng khiếp. Hai cái sọ vỡ tung ra như hai quả lựu, óc chảy cả xuống đất.

Như điên như dại, Dandowsky chưa hả, còn hốt óc hai kẻ thù phét lên tường nữa. Cả căn phòng nhầy nhựa những máu và óc người.

Trong khi tôi không được ngài thiếu tá hiến binh, chánh án tòa án binh, thông cảm, thì Dandowsky tuy đã giết hai mạng một lúc có chủ định hấn hoi, lại may mắn được ngài thông cảm, đến mức chỉ bị xử có năm năm cấm cố.

### Cầm cố lần thứ hai

Tôi cùng trở về Quần đảo với anh chàng Ba Lan, tay tôi và tay anh ta cùng khóa cùng một cái khoá. Chúng tôi đã không phải nằm lì trong các xà-lim ở Saint-Laurent! Đến đấy vào thứ hai, ra tòa hôm thứ năm, thì thứ sáu đã lên tàu trở về Quần đảo.

Chúng tôi có cả thấy mười sáu người được đưa ra Quần đảo, trong đó có mười hai người bị cầm cố. Biển động mạnh, chóc chóc lại có một đợt sóng lớn tràn qua boong tàu. Trong cơn tuyệt vọng, tôi đi đến nước mong sao cho chiếc tàu cà khổ này đắm quách. Tôi

không nói chuyện với ai. Ngọn gió ẩm ướt quất vào mặt tôi làm cho tôi hướng vào nội tâm. Tôi không tìm cách che gió, ngược lại, tôi còn cố ý để cho mũ bay mất: trong suốt tám năm rông cùm cổ, tôi còn cần gì đến mũ? Mặt quay thẳng ra phía gió, tôi hít làn không khí ướt át đang quất vào tôi cho đến ngạt thở thì thôi. Sau khi mong tàu đắm, tôi cố định thần lại: “Bébert Celier đã làm mọi cho cá mập; còn mày, mày mới ba mươi tuổi, và phải ngồi tù cùm cổ tám năm”. Nhưng liệu có qua nổi tám năm trong những bức tường của cái chuồng giam ăn người ấy không?

Cứ theo kinh nghiệm của tôi đã qua, tôi nghĩ rằng không thể nào qua nổi. Bốn hay năm năm hẳn là cái giới hạn tốt cùng của sức đề kháng tôi đã có thể có được. Giả tôi không giết Celier, tôi chỉ ngồi có ba năm, thậm chí chỉ hai năm thôi, vì vụ giết người đã làm cho các khoản kia nặng thêm, kể cả khoản vượt ngục. Lẽ ra tôi đừng giết cái thằng khốn nạn ấy mới đúng. Bốn phen làm người của tôi đối với bản thân tôi không phải là xét xử kẻ khác để lập lại công bằng cho tôi, mà trước hết và trên hết là phải sống, sống mà để vượt ngục. Làm sao tôi lại có thể phạm một sai lầm như vậy? Đó là chưa kể chỉ có một chút xin nữa là hẳn giết tôi, cái đồ rác rưởi ấy. Sống, sống cho bằng được, lẽ ra đó phải là tôn giáo duy nhất của tôi. Trong số những viên giám thị đi áp giải đoàn tù có một người tôi đã từng gặp ở nhà lao cùm cổ. Tôi không biết hẳn tên là gì, nhưng tôi không sao cưỡng lại được ý muốn hỏi hẳn một câu.

- Thưa sếp, tôi muốn hỏi sếp một điều này.

Viên giám thị ngạc nhiên, lại gần tôi nói:

- Điều gì?

- Sếp đã từng biết có ai qua được tám năm cùm cổ chưa?

Hắn nghĩ một lát rồi nói:

- Chưa, nhưng tôi biết có mấy người đã qua được năm năm, và còn có một người, tôi còn nhớ rất rõ, đã ra khỏi nhà lao khỏe mạnh và cân bằng sau sáu năm cùm cổ. Tôi có mặt ở nhà lao khi người này được thả.

- Cảm ơn sếp.

- Không có gì - viên cảnh sát nói. - Anh bị tám năm phải không?

- Thưa sếp vâng.

- Anh chỉ có thể qua được nếu anh không bị phạt lần nào. - Nói đoạn hắn bỏ đi.

Câu này rất quan trọng. Đúng, tôi chỉ có thể sống sót mà ra khỏi nhà lao nếu tôi không bị phạt một lần nào. Thật thế, nếu bị phạt, anh sẽ bị giảm một phần hay toàn bộ suất ăn trong một thời gian nào đấy, và về sau, ngay đến khi đã được trở lại chế độ ăn bình thường, anh vẫn không tài nào lấy lại sức được nữa. Chỉ cần vài lần bị phạt hơi nặng một chút là anh không thể chịu đựng đến cùng được nữa, anh sẽ chết trước khi mãn hạn. Kết luận: tôi không được nhận dừa, hay thuốc lá, thậm chí cũng không được viết và nhận thư nữa. Trong phần còn lại của chuyến đi, tôi không ngừng nhai đi nhai lại cái quyết định này. Không nhận gì hết, tuyệt đối không, dù từ bên ngoài hay từ bên trong. Tôi nảy ra một ý: cách duy nhất để được ăn khá hơn một chút là làm sao từ bên ngoài có ai đút tiền cho mấy tên phát xúp để họ chọn cho tôi miếng thịt to nhất và ngon nhất trong bữa xúp buổi trưa. Việc này dễ, vì một người múc xúp vào cà-mèn tù nhân, rồi một người bưng khay đi theo sau bỏ một miếng thịt vào phần xúp đã múc. Người múc xúp phải vét xuống đáy thùng để vớt thật nhiều rau vào muôi.. Nghĩ ra được cách này, tôi thấy vững tâm, Quả thật, tôi rất có thể không bị đói, và ăn gần đủ chất nếu phương cách kia được thu xếp chu đáo. Tôi chỉ còn mỗi việc mơ mộng, thả hồn bay đi thật nhiều, cố chọn những đề tài tươi vui để tưởng tượng, cho khỏi phát điên.

Chúng tôi đã về đến quần đảo. Lúc bấy giờ là ba giờ chiều. Vừa lên bờ, tôi đã nhìn thấy tà áo màu vàng nhạt của Juliette đang đứng cạnh chồng, ông chỉ huy trại bước nhanh đến cạnh tôi, trước khi đoàn tù có đủ thì giờ xếp hàng, và nói:

- Bao nhiêu?

- Tám năm.

Ông ta trở lại cạnh vợ và nói cho bà biết. Xúc động mạnh, bà ngồi xuống một tảng đá. Có thể thấy rõ bà thất vọng ê chề. Chồng bà nắm lấy cánh tay bà, bà đứng dậy, và sau khi đưa về phía tôi một cái nhìn nặng tình thương xót của đôi mắt mênh mông, bà đi theo chồng, không ngoái lại.

- Papillon, bao nhiêu? - Dega hỏi tôi.

- Tám năm cầm cố.

Dega lặng thinh, không dám nhìn tôi. Galgani lại gần. Trước khi anh ta kịp nói, tôi dặn:

- Đừng gởi gì cho tôi, cũng đừng viết gì. Thời hạn lâu như vậy, tôi không thể để cho bọn họ có cơ phạt tôi.

- Tôi hiểu.

Tôi nói thầm rất nhanh: cậu tìm cách làm sao cho họ dành phần khá trong suất ăn tù cho tôi, vào buổi trưa và buổi tối. Nếu cậu làm được, có lẽ một ngày kia chúng mình sẽ còn gặp lại nhau. Gửi Chúa”.

Tôi tự động đi về phía chiếc xuống đầu tiên sẽ đưa tù cầm cố đến Saint-Joseph. Mọi người đều nhìn theo tôi như nhìn một cỗ quan tài đang hạ huyệt. Không ai nói một lời. Trên đoạn đường ngắn ngủi này, tôi nhắc lại với Charpar những điều tôi đã nói với Galgani. Anh ta đáp:

- Chắc làm được thôi. Can đảm lên Papi - Rồi anh nói thêm - Thế còn Matthieu Carbonieri thì sao?

- Tôi quên mất cậu ấy, cậu tha thứ cho tôi. Chủ tọa Tòa án binh đã yêu cầu bổ sung tài liệu về trường hợp cậu ấy trước khi ra quyết định, như thế là đáng mừng hay đáng lo?

- Chắc là đáng mừng.

Tôi đi ở hàng đầu một toán gồm mười hai người đang leo lên dốc để đến nhà lao Cầm cố. Tôi đi rất nhanh, kẻ cũng lạ: tôi nóng lòng muốn ngồi lại một mình trong buồng giam. Tôi rảo bước đến nỗi tên lính gác nói:

- Từ từ chứ Papillon. Có vẻ như anh đang vội quay về ngôi nhà mà anh mới từ già cách đây chẳng bao lâu.

- Đến nơi rồi.

- Cởi hết ra! Đây là vị chỉ huy nhà lao Cầm cổ.

- Tôi lấy làm tiếc là anh lại trở lại, Papillon ạ, - ông nói. Đoạn lại chuyển sang bài diễn văn quen thuộc: “Các phạm nhân cầm cổ! ở đây v.v...” Sau đó ông lại nói với tôi: “Nhà A, buồng 127. Buồng giam khá nhất đây Papillon ạ, vì anh được ở trước mặt cửa hành lang, do đó anh có nhiều ánh sáng hơn, và không bao giờ bị thiếu không khí. Tôi hy vọng anh sẽ có hạnh kiểm tốt. Tám năm là một thời hạn rất dài. Nhưng có lẽ với một hạnh kiểm thật tốt, anh có hy vọng được án giảm một hai hay năm. Tôi cầu mong anh được như thế, vì anh là một người can đảm”.

Thế là tôi về buồng giam 127. Quả nhiên nó ở ngay trước mặt một khung cửa lớn có chấn song đưa vào hành lang. Tuy đã sáu giờ mà trông còn khá rõ. Căn buồng cũng không có cái mùi và cái vị của một nơi đựng đồ mục ruỗng như căn buồng của tôi lần trước.

Điều đó làm cho tôi vững lòng đôi chút: “Anh bạn Papillon thân mến, đây là bốn bức tường sẽ nhìn anh sống trong tám năm. Chớ làm cái việc đếm tháng đếm giờ, việc đó hoàn toàn vô ích. Nếu anh muốn có một đơn vị khả thủ để đo thời gian, anh phải tính từng lục cá nguyệt. Mười sáu lần sáu tháng là anh mãn hạn. Dù sao thì anh cũng được một ưu thế. Anh có chết ở đây thì ít nhất cũng được chết trong ánh sáng, nếu anh chết vào ban ngày. Điều này rất quan trọng. Chết trong bóng tối chắc chẳng vui chút nào. Nếu anh ốm, ít ra bác sĩ cũng nhìn thấy được mặt anh. Anh không việc gì phải tự trách móc vì đã muốn sống lại bằng cách vượt ngục, và quả tình cũng không nên tự trách mình đã giết chết thằng Celier. Anh thử tưởng tượng xem anh sẽ đau đớn nhường nào khi nghĩ rằng trong lúc anh đang ngồi đây thì hắn đã lên đường vượt ngục. Thời gian sẽ trả lời. Biết đâu rồi đây chẳng có một cuộc đại ân xá, một cuộc chiến tranh, một trận động đất, một trận bão lốc, làm cho cái pháo đài này sụp đổ tan tành? Sao lại không? Biết đâu rồi đây chẳng có một con người trung trực từ đây trở về Pháp

khuấy động được niềm công phần trong lòng dân Pháp, và dân Pháp sẽ buộc ban Quản trị trại trừng giới bãi bỏ cái lỗi giết người không cần đến máy chém này? Hoặc giả một ông bác sĩ, buồn nôn trước cái cảnh này, kể lại cho một nhà báo, một ông linh mục gì đấy, tôi làm sao biết được? Dù sao thì thằng Celier đã được lũ cá mập tiêu hóa từ lâu. Còn tôi, tôi vẫn còn đây, và nếu tôi xứng đáng với bản thân, tôi sẽ sống cho đến cùng để ra khỏi nắm mồ này.

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay; một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay; tôi bắt đầu đi đi lại lại, ngay lập tức tìm lại được cái tư thế tối ưu của đầu, của tay, và chiều dài chính xác của mỗi bước đi để cho quả lắc hoạt động hoàn hảo. Tôi quyết định chỉ đi đi lại lại hai giờ vào buổi sáng và hai giờ vào buổi chiều, cho đến khi nào biết chắc là sẽ có được một chế độ ăn ưu tiên về lượng. Trong tình trạng tinh thần kích động của những ngày đầu, không nên lãng phí năng lượng một cách vô ích.

Phải, đến phút cuối mà thất bại cũng thật thê thảm. Tuy đây mới chỉ là phần đầu của cuộc vượt ngục: còn phải gặp may trong một chuyến vượt biển dài hơn một trăm năm mươi cây số trên chiếc bè mỏng manh này. Và tùy nơi đổ bộ lên Đất liền, lại phải bắt đầu một hành trình đào tẩu khác. Nếu hạ thủy bình yên, cánh buồm làm bằng ba cái bao bột sẽ đưa chiếc bè đi với tốc độ hơn mười cây một giờ. Không đầy mười lăm tiếng, có lẽ mười hai cũng nên, sẽ đến đất liền. Dĩ nhiên là nếu ngày hôm ấy trời mưa, vì chỉ có trời mưa mới dám căng buồm. Tôi nhớ mừng tượng hình như hôm tôi bị giam vào xà-lim, trời mưa thì phải. Tôi không chắc lắm. Tôi tìm thử xem tôi đã phạm, những lỗi lầm gì. Tôi chỉ thấy có hai. Anh thợ mộc đã muốn làm một cái bè quá tốt, quá chắc chắn, cho nên để ghép dứa vào, đã phải bỏ công ra làm một cái khung phức tạp gần như thành hai chiếc bè ghép vào nhau. Thành thử phải làm quá nhiều bộ phận và mất quá nhiều thì giờ vào đấy để làm cho thật cẩn thận và kín đáo

Thứ hai, là sai lầm nghiêm trọng nhất: khi đã có nghi vấn nghiêm trọng về Celier, lẽ ra tôi phải giết hắn ngay đêm hôm ấy. Giả tôi làm như vậy, không biết bây giờ tôi đã ở tận đâu đâu rồi? Dù có bị bại lộ khi đến Đất liền hay bị bắt ngay khi hạ thủy, thì tôi



cũng chỉ ăn ba năm chứ không phải là tám, mà lại có được sự thỏa mãn của hành động. Giả sử mọi việc đều xuôi lọt bây giờ tôi đang ở đâu? Có thánh mà biết được Có lẽ đang nói chuyện với ông Bewen ở Trinidad, hay đang ở Curacao dưới sự bảo trợ của Giám mục Irénée de Bruyne. Và từ đó, chúng tôi sẽ chỉ lên đường khi nào đã biết chắc có một nước nào chịu nhận chúng tôi. Nếu không, tôi sẽ dễ dàng đi một mình, trên một con thuyền nhỏ, hướng thẳng về Guajira, lãnh thổ của bộ lạc đã dung nạp tôi làm một thành viên. Rất khuya tôi mới ngủ được, nhưng giấc ngủ của tôi đêm ấy cũng bình thường. Cái đêm đầu ấy đã không đến nỗi quá khổ sở. Sống, sống cho bằng được. Tôi sẽ phải tự nhắc đi nhắc lại, mỗi khi thấy mình sắp buông xuôi vào tuyệt vọng, câu châm ngôn sau đây của niềm tin ở tương lai: “Chừng nào hãy còn sống là hãy còn hy vọng”.

Một tuần lễ đã trôi qua. Kể từ hôm qua tôi đã nhận thấy có sự thay đổi trong suất ăn hàng ngày. Bữa ăn trưa tôi được một miếng thịt hầm rất to, rồi bữa tối là cả một cà mèn rau muống, rất ít nước. Như một đứa trẻ, tôi tự nhủ: “Rau muống có chất sắt, bổ lắm”.

Nếu tình hình này kéo dài, tôi sẽ có thể đi đi lại lại mấy ngày từ mười đến mười hai tiếng đồng hồ, và đến tối, thân thể mỗi mệt, tôi có thể tha hồ du hành giữa cái vì sao. Không, tôi không đi lan man đâu, tôi đang ở trên trần thế, thực sự đang sống trên trần thế, tôi nghĩ đến tất cả những trường hợp các phạm nhân đã gặp phải mà tôi được nghe kể trong thời gian sống trên Quần đảo. Mỗi người đều có thiên lịch sử của mình, đều có một quá khứ và một hiện tại. Tôi cũng nghĩ đến những truyền thuyết mà người ta thường kể cho nhau nghe trên quần đảo. Trong đó có một chuyện mà tôi tự hứa là sẽ kiểm tra lại xem thực hư ra sao: đó là chuyện cái chuông.

Như tôi đã có dịp nói, phạm nhân chết không được chôn cất, mà bị đem ném xuống biển ở khoảng giữa đảo Saint-Joseph và đảo Royale, một nơi nhung nhúc những cá mập. Người chết được bọc trong mấy cái bao bột, chân buộc vào một cục đá lớn. Một cái thùng hình chữ nhật dài, được dùng thường xuyên cho mọi người, đặt nằm dọc ở phía trước mũi thuyền. Đến nơi đã ấn định, sáu

phạm nhân chèo thuyền nâng mái chèo lên khỏi mặt nước, ngang tầm mạn thuyền. Một người đốc cái thùng, một người khác mở cái nắp ở bản lề ở đầu thùng ra. Bảy giờ cái xác chết tụt xuống biển. Có một điều chắc chắn, không thể hồ nghi gì được, là ngay tức khắc lũ cá mập cắn đứt sợi thùng buộc đá vào chân tử thi. Không bao giờ tử thi có đủ thì giờ chìm xuống sâu lắm. Nó lại trôi lên mặt nước, và lũ cá mập bắt đầu tranh nhau miếng mồi ngon ấy. Theo những người đã chứng kiến cảnh này, nhìn lũ cá mập ăn thịt người tù đã chết là một cảnh tượng gây cảm giác rất mạnh, vì khi cá mập đến đông, chúng nâng cả cái bọc vải liệm lên khỏi mặt nước, xé tung nó ra và đớp từng miếng thịt người to tướng.

Cái thủ tục mai táng ấy diễn ra đúng như tôi đã tả nhưng có một điều tôi chưa xác minh được. Các phạm nhân, không trừ một ai, đều nói rằng cái làm cho cá mập tụ tập đến chỗ ấy chính là tiếng chuông của nhà thờ trại giam đánh lên mỗi khi có người chết. Họ nói là nếu anh đứng ở đầu con kè dài từ đảo Royale đâm ra biển vào lúc sáu giờ chiều, có những ngày không thấy có lấy một con cá mập nào. Nhưng khi ngôi nhà thờ nhỏ của trại giam giống chuông lên, chỉ một nháy mắt ở đấy đã nhúc nhúc một đàn cá mập đến chờ người chết, vì không còn lý do nào khác khiến cho chúng nó tập trung về đấy đúng vào giờ ấy. Mong sao tôi sẽ không phải làm món ăn cho lũ cá mập của đảo Royale trong một hoàn cảnh tương tự. Chúng nó có nhai tươi nuốt sống tôi trong một chuyến vượt ngục thì cũng đành, ít nhất thì đó cũng là một sự cố xảy ra trên đường đi tìm tự do. Nhưng nếu là sau khi tôi chết bệnh trong một căn buồng giam thì xin đừng! Một việc như thế không thể dễ xảy ra được.

Được ăn đủ chất nhờ cách dàn xếp của các bạn tôi, sức khỏe tôi vẫn hoàn hảo. Tôi đi đi lại lại trong phòng giam từ bảy giờ sáng đến sáu giờ chiều, không lúc nào ngưng. Thành thử cái cà-mèn đầy rau quả khô, rau muống, đậu đũa hay cơm rang của bữa ăn tôi bao giờ cũng được vét sạch. Bao giờ tôi cũng ăn hết mà không phải cố gắng gì. Cái môn đi đi lại lại rất có lợi cho cơ thể của tôi, sự mệt mỏi mà nó đem lại cho tôi là một sự mệt mỏi lành mạnh, và trong khi đi như vậy, tôi lại còn tìm được cách tự phân thân ra thành

hai. Như hôm qua chẳng hạn, tôi đã suốt ngày rong chơi trên những cánh đồng cỏ của một thôn nhỏ ở Ardèche gọi là thôn Favras. Hồi mẹ tôi mất rồi, tôi hay đến đấy ở chơi vài tuần với bà dì em ruột mẹ tôi làm giáo viên trong trường làng. Thế thì hôm qua tôi đã thực sự dạo chơi trong khóm rừng phong, thấy đâu có nắm lại cúi xuống nhặt, rồi tôi lại nghe bạn tôi, cậu bé chăn cừu hớn lớn những mệnh lệnh sai bảo con chó berger, và con vật khôn ngoan răm rắp thi hành những mệnh lệnh của cậu chủ, khi thì đi kiếm một con cừu lạc lối về, khi thì trừng phạt một con dê quá nghịch ngợm. Hơn nữa, miệng tôi còn thấm thía cái vị nồng nồng của ly nước mát rượi, khoái trá thưởng thức cái cảm giác nhột nhột của những đám bọt nhỏ li ti trong nước suối xông lên tận mũi. Những cảm giác rõ như thật này về những giờ phút đã qua hơn mười lăm năm về trước, cái khả năng sống lại thực sự những cảm giác ấy một cách mãnh liệt như vậy chỉ có thể thực hiện được trong nhà giam, xa cách mọi tiếng ồn ào, trong cõi im lặng tuyệt đối.

Thậm chí tôi còn trông thấy cả cái màu vàng của tà áo dài của dì Outine. Tôi nghe thấy tiếng gió vi vu trong rừng phong dương, tiếng động khô gọn của một quả phong khi rơi xuống chỗ đất khô, và tiếng động mềm khi rơi xuống lớp lá vàng. Một con lợn lòi to tướng tử trong đám bụi rậm và cao lao ra đã làm cho tôi sợ hãi đến nỗi tôi bỏ chạy thực mạng, trong cơn hốt hoảng đánh rơi mất một phần lớn những cây nắm đã nhặt được. Vâng, tôi đã suốt ngày dong chơi (trong khi đi đi lại lại trong buồng giam) ở Favras với dì tôi và với bạn tôi cậu bé Julion chăn cừu cho Hội Từ Thiện. Những kỷ niệm êm đềm, trong sáng, rõ nét ấy, không ai có thể cấm tôi sống lại một lần nữa, không ai có thể ngăn tôi lăn xả vào đấy để tìm thấy sự thanh thản rất cần cho mảnh hồn dập nát của tôi.

Xã hội cứ tưởng đâu tôi đang nằm ở một trong những căn xà lim của cái nhà giam ăn thịt người này. Nó có biết đâu tôi đã ăn gian được của nó cả một ngày trời, tôi đã sống cái ngày ấy ở trên những bãi cỏ, trong những rừng phong ở Favras, lại còn uống cả nước khoáng ở con suối được gọi là Suối cây Đào. Thế rồi sáu tháng

đã trôi qua. Tôi đã tự hứa là sẽ tính từng sáu tháng một: tôi đã giữ đúng lời hứa ấy.

Chỉ đến sáng hôm nay, tôi mới hạ con số mười sáu xuống thành con số mười lăm... Chỉ còn mười lăm lần sáu tháng nữa.

Ta thử sơ kết lại xem: Trong sáu tháng vừa qua cá nhân tôi không có sự cố gì. Thức ăn hàng ngày trước sau vẫn thế, nhưng với một khẩu phần khá đủ để duy trì sức khỏe của tôi ở một trạng thái khả quan. Xung quanh tôi đã xảy ra nhiều vụ tự tử và nhiều trường hợp phát điên dữ dội, may mà họ đưa người điên đi ngay.

Thật nản vô cùng khi phải nghe họ la hét, rên rỉ hay kêu than hàng giờ liền hay suốt ngày suốt buổi. Tôi đã tìm được một cái mẹo khá tốt cho thần kinh, nhưng lại có hại cho lỗ tai. Tôi cắt một mảnh xà-bông nhét vào hai tai để khỏi nghe những tiếng kêu gào rùng rợn ấy.

Đáng tiếc là xà-bông làm cho ống tai bị đau, chỉ hai ba ngày là trong tai có nước rỉ ra: Lần đầu tiên kể từ khi tôi đến trại khổ sai, tôi đã hạ mình xuống xin xỏ một tên cảnh sát. Số là một tên cảnh sát trông coi việc phát xúp là người Montelimar, gần quê tôi. Tôi có quen hắn ở Royale, nên đã xin hắn đem vào cho tôi một cục sáp để tôi nhét vào tai cho đỡ nghe những tiếng la hét của những tù nhân phát điên khi họ chưa được đưa đi. Hôm sau hắn đã đem vào cho tôi một cục sáp to bằng hạt dẻ. Cái cảm giác nhẹ nhõm khi không còn nghe những tiếng gào của những người khốn khổ ấy nữa thật dễ chịu không thể tưởng tượng được.

Tôi đã thành thạo về cái khoản trị rét. Trong vòng sáu tháng tôi chỉ bị cắn có một lần, tôi đã tự chủ được hoàn toàn những khi thức giấc mà cảm thấy có một con rét đang bò trên thân thể trần truồng của tôi. Cái gì rồi người ta cũng quen đi, chẳng qua đây là vấn đề tự điều khiển, vì cái cảm giác nhột nhột do chân và râu gây ra hết sức khó chịu. Nhưng nếu không khéo bắt nó thì bị cắn ngay. Tốt hơn là nên đợi cho nó tự bò xuống, rồi sau đó mới tìm nó mà xéo cho chết đi. Trên cái ghế xi măng của tôi lúc nào cũng để sẵn hai ba mẩu bánh mì nho nhỏ. Thế nào mùi bánh mì cũng hấp dẫn rét đến. Lúc bảy giờ tôi cứ việc giết.

Tôi luôn luôn phải xua đuổi một ý nghĩ cứ ám ảnh tôi hoài. Tại sao tôi không giết thẳng Bébert Celier ngay cái hôm anh em bắt đầu nghi ngờ hắn có những ý định khôn nặn ấy? Mỗi lần câu hỏi ấy hiện ra tôi lại phải tranh luận với bản thân: trong trường hợp nào ta có quyền giết. Rồi kết luận: mục đích biện hộ cho phương tiện. Mục đích của tôi là vượt ngục cho bằng được; tôi đã có cái may mắn là đóng xong được một chiếc bè tốt và giấu được bè vào một nơi an toàn. Việc ra đi chỉ còn tính từng ngày. Một khi tôi đã biết rằng Celier là một mối nguy cơ cho cái bộ phận cuối cùng của chiếc bè, mà do một sự may mắn lạ lùng đã đem cất giấu được, thì lẽ ra tôi phải hành quyết nó ngay, không chút do dự.

Thế nếu tôi nhầm, nếu cái mối nguy cơ ấy chỉ là một ảo giác do những hiện tượng bề ngoài sinh ra thì sao? Thì tôi đã giết một người vô tội. Như thế khủng khiếp quá! Nhưng mày đặt vấn đề như thế thật là phi lô-gích, vì mày là một tên tù khổ sai kia mà! Hơn thế nữa, mày là tù chung thân đã bị xử tám năm cấm cố kia mà!

Mày nghĩ vớ vẩn gì thế, hử cái đồ cặn bã bị coi như rác rưởi hôi tanh của xã hội? Mày thử tự hỏi xem mười hai miếng pho-mát kia - mười hai tên bồi thẩm đã xử mày, - có bao giờ tự vấn lương tâm, dù chỉ một lần thôi, xem thử chúng nó xử mày nặng như vậy có công bằng hay không? Xem viên biện lý - mà tôi chưa quyết định được là sẽ dùng cái gì để rút lưỡi hắn ra - cũng có tự hỏi xem bản cáo trạng của hắn có gì quá đáng hay không? Ngay các trạng sư đã bênh vực tôi chắc chắn là cũng không còn nhớ đến tôi nữa. Có chăng, chắc họ chỉ nhớ chung chung đến “Cái vụ án đáng buồn xử thẳng Papillon” ở Tòa Đại hình 1932: các bạn đồng nghiệp ạ, hôm ấy tôi không được sung sức cho lắm, trong khi luật sư Pradel thì lại đang lúc phong độ lên đến tột đỉnh. Ông ta đã làm cho bên nguyên thắng cuộc một cách oanh liệt. Đó quả là một đối thủ hạng cừ khôi”.

Tôi nghe thấy những điều đó như thể tôi đang đứng cạnh trạng sư Raymond Hubert trong một cuộc chuyện trò giữa mấy ông luật sư, hay trong một buổi dạ hội của giới thượng lưu, hay có lẽ đúng hơn là trong một dãy hành lang của Tòa án.

Chắc chắn là chỉ có một người có thể có được lập trường của một vị quan tòa trung thực và lương thiện, đó là ông chánh án Bé vin. Con người trung chính vô tư ấy rất có thể, nhân một buổi bàn luận giữa những người đồng nghiệp hay một cuộc hội họp của giới thượng lưu bàn cãi về cái nguy cơ xử oan một con người khi dựa vào ý kiến của bọn bồi thẩm. Chắc chắn ông ta phải nói, dĩ nhiên là với những từ ngữ tế nhị, rằng mười hai miếng pho-mát của hội đồng bồi thẩm không hề được đào tạo hay trang bị gì để đảm đương một trách nhiệm lớn như vậy, rằng họ quá dễ bị nghệ thuật ngôn từ của bên nguyên hay bên bị mê hoặc, tùy theo tương quan lực lượng giữa hai bên trong cuộc đấu khẩu; rằng họ có thể tha bổng quá nhanh, hoặc ngược lại lên án quá dễ dàng mà chẳng biết rõ cho lắm là mình căn cứ vào cái gì, tùy theo cái không khi tích cực hay tiêu cực mà phía có tài hùng biện hơn đã gây nên được.

Ông chánh án và cả gia đình tôi nữa cũng thế, đúng; nhưng có lẽ gia đình tôi cũng oán hận tôi chút ít vì chắc chắn là tôi đã gây cho gia đình những chuyện phiền hà. Chỉ có một người duy nhất, cha tôi, vâng, người cha tội nghiệp của tôi, là không than phiền về cây thập tự mà đứa con trai đã đặt lên vai người, tôi tin chắc như vậy. Cây thập tự nặng nề ấy người vẫn cố kéo lê đi mà không lên án thằng con trai, không hề trách móc, mặc dầu, vốn là một người thầy giáo, người phải kính trọng pháp luật và, hơn nữa phải dạy cho học trò hiểu và chấp nhận pháp luật. Tôi tin chắc rằng trong đáy lòng ngực cha tôi, trái tim hiền hậu của người phải quát lên: “Quân khốn nạn, chúng bay đã giết con ta, tệ hơn nữa, chúng bay đã đẩy đọa cho nó chết dần chết mòn, trong khi nó mới hai mươi lăm tuổi! Giá người biết thằng con trai của người đang ở đâu, người ta đang hành hạ nó như thế nào, rất có thể người đã trở thành một kẻ vô chính phủ.

Đêm hôm nay, cái nhà pha ăn thịt người đã xứng đáng với danh hiệu của nó hơn bao giờ hết. Tôi được biết là có hai người tù đã treo cổ chết và một người đã tự làm mình chết ngạt bằng cách nhét giẻ vào mồm và vào hai lỗ mũi. Buồng giam 127 ở gần chỗ bọn cảnh sát đối gác, cho nên thỉnh thoảng tôi nghe được từng mẩu những câu chuyện họ trao đổi với nhau. Sáng nay chẳng hạn,



họ nói khẽ, nhưng chưa đủ khẽ để cho tôi đừng nghe những điều họ kể cho nhau nghe về những sự cố đã diễn ra trong đêm vừa qua.

Lại thêm sáu tháng nữa trôi qua. Tôi đã tính số, và tôi vừa khắc lên gỗ một con số “14” rất đẹp. Tôi có một cái đinh, cứ sáu tháng mới dùng đến một lần. Vâng, tôi đã tính số và nhận định tình hình: sức khỏe tôi vẫn tốt và tinh thần tôi rất vững.

Nhờ những chuyến du hành những các vì sao, rất ít khi tôi bị những cơn tuyệt vọng kéo dài. Những lần lâm vào tình trạng ấy, tôi khắc phục nỗi tuyệt vọng khá nhanh và tổ chức thật chu đáo một chuyến du hành thực sự hay tưởng tượng nó xua tan hết những ý nghĩ bi quan. Cái chết của Celier đã giúp cho tôi nhiều trong việc chiến thắng những cơn khủng hoảng tinh thần ác liệt ấy. Tôi tự nhủ: còn ta, ta vẫn sống, ta đang sống nhả răng ra đây này, và ta phải sống, sống nữa, sống nhiều nữa để một ngày kia sẽ sống lại thành một người tự do. Hắn đã phá hỏng cuộc vượt ngục của ta, nhưng hắn đã chết và sẽ không bao giờ được tự do như ta sẽ được tự do sau này: một ngày kia ta sẽ tự do, đó là điều chắc chắn. là điều tất nhiên. Dù có sao chăng nữa, nếu ta ra khỏi nhà lao cấm cố vào tuổi ba mươi tám, ta cũng chưa già, và cuộc vượt ngục tiếp theo sẽ nhất định thành công, chắc chắn là như vậy.

Một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay: một, hai, ba, bốn, năm, đằng sau quay. Từ mấy hôm nay hai chân tôi đen lại, chân răng tôi là máu..Khai ồm chẳng? Tôi lấy ngón tay cái bấm vào cổ chân: khi buông ra, vết bấm vẫn lõm sâu vào. Có thể tưởng chừng như trong người tôi toàn nước. Từ một tuần nay tôi chỉ còn đi được mười cho đến mười hai tiếng một ngày, chỉ đi hai lần sau tiếng mà tôi đã mệt lả ra rồi. Mỗi lần chùi răng bằng khăn mặt râm tắm xà-bông, tôi thấy đau lắm, và ra máu nhiều. Thậm chí hôm qua có một cái răng tự nhiên rụng ra - một cái răng cửa hàm trên.

Đợt sáu tháng tiếp theo kết thúc bằng một cuộc cách mạng thực sự. Thật vậy, hôm qua họ bắt tù nhân thò đầu cả ra người ghi-sê, một bác sĩ đi rảo qua, banh môi từng người lên. Và sáng

nay, đúng mười tám tháng sau khi tôi vào nhà tù cấm cố này, buồng giam của tôi được mở ra, và họ nói với tôi:

- Ra đi, đứng quay mặt vào tường và đợi đấy.

Tôi là người đầu tiên kẻ từ cửa lớn. Cả thầy gần bảy mươi người đã ra. “Quay trái, quay!” Tôi là người đi sau cùng trong một dãy dài được dẫn ra đầu phía kia của nhà giam và được đưa ra sân.

Lúc bảy giờ là chín giờ. Một bác sĩ trẻ tuổi mặc áo sơ mi ka ki cộc tay đang ngồi giữa sân, sau một cái bàn nhỏ bằng gỗ. Bên cạnh ông ta là hai anh y tá phạm nhân và một viên giám thị y tá. Trong cả bốn người nay tôi không biết mặt một người nào, kể cả ông bác sĩ. Mười viên cảnh sát cầm súng trường đứng gác xung quanh. Viên chỉ huy nhà tù cấm cố và tốp giám thị trưởng đứng nhìn, không nói một câu.

- Tất cả, cởi hết ra, - viên giám thị trưởng hô - Quần áo cặp nách. Người thứ nhất. Tên là gì?

- Mỗ...

- Há miệng ra, giang chân ra. Nhổ ngay ra 3 cái răng này. Tra còn pha i-ốt trước, sau đó là xanh méthylène. Xi-rô Cochleria mỗi ngày hai lần trước bữa ăn.

Tôi là người cuối cùng.

- Tên gì?

- Charrière.

- Chà! Anh là người duy nhất có một thân thể còn coi được. Mới đến à?

- Không.

- Giam ở đây bao lâu rồi?

- Mười tám tháng.

- Tại sao anh không gây như mọi người khác.

- Tôi không biết.

- Được, tôi sẽ nói cho anh biết. Tại vì anh ăn khá hơn, nếu không phải là vì anh thủ dâm ít hơn. Há miệng xem. Chân. Mỗi ngày hai quả chanh: một sáng một chiều. Mút nước chanh, xong xát bã vào lợi, anh bị bệnh scorbut.

Họ dùng cồn pha i-ốt lau lợi cho tôi, rồi bôi thuốc xanh méthylène, đoạn phát cho tôi một quả chanh. Đẳng sau quay. Tôi là người sau cùng trở về buồng giam.

Việc vừa xảy ra quả là một cuộc cách mạng: cho phạm nhân bị ốm ra tận ngoài sân, cho họ nhìn thấy mặt trời, cho bác sĩ khám từng người một. Ở trại giam cấm cố chưa bao giờ có như vậy. Có chuyện gì xảy ra thế nhỉ? Phải chăng, do một sự tình cờ nào đấy, rốt cục đã có một ông bác sĩ không chịu làm kẻ tòng phạm câm lặng của cái quy chế trứ danh này? Cái ông bác sĩ này, về sau sẽ trở thành bạn tôi, tên là Germain Guibert. Bây giờ thì ông chết rồi, chết ở Đông Dương. Vợ ông ta có gửi thư đến Macaraibo, ở Venezuela, báo cho tôi biết, khá nhiều năm sau cái ngày ấy.

Cứ mười ngày lại có một buổi được ra nắng. Thuốc men vẫn chỉ có thế: cồn pha i-ốt, xanh méthylène, hai quả chanh. Tình trạng của tôi không trầm trọng thêm nhưng cũng không thuyên giảm. Đã hai lần tôi xin xi-rô Cocheléria và đã hai lần bác sĩ không chịu cho, điều đó bắt đầu làm cho tôi xì-nẹc, vì tôi vẫn không đi được sáu tiếng mỗi ngày, và hai cổ chân tôi vẫn còn sưng phù và bầm đen lại.

Một hôm, trong khi chờ đến lượt khám, tôi chợt nhận ra rằng cái cây còm cõi mà tôi đang dùng để nắp chút đỉnh cho đỡ nắng là một cây chanh không ra quả. Tôi bứt một cái lá chanh bỏ vào miệng nhai, rồi một cách lơ đãng, không hề có chủ đích, tôi bẻ một nhánh cây có dăm chiếc lá cầm chơi. Đến khi ông bác sĩ gọi đến tên tôi, tôi cắp cái nhánh cây sau đít, nói:

- Thưa bác sĩ, tôi không biết có phải tại mấy quả chanh của bác sĩ không, nhưng xin bác sĩ xem giùm thứ cái gì mọc sau đít tôi đây này.

Nói đoạn tôi quay người lại cho bác sĩ xem cái nhánh cây cầm sau đít.

Thoạt tiên bọn cảnh sát cười phá lên, nhưng rồi viên giám thị trưởng nói:

- Papillon anh sẽ bị phạt vì đã có thái độ bất kính đối với bác sĩ.

- Không hề có như thế, - bác sĩ nói. - ông không được phạt người này, vì tôi có phần nản gì đâu. Anh không muốn dùng chanh nữa à? Ý anh muốn nói như vậy phải không?

- Vâng, thưa bác sĩ, tôi chán chanh lắm rồi: mãi có khỏi đâu. Tôi muốn xin xi-rô Cochléria uống thử xem.

- Trước đây tôi không cho anh vì tôi chỉ có được rất ít, phải dành cho những người bệnh nặng. Tuy vậy tôi sẽ cho anh mỗi ngày một thìa, nhưng vẫn phải tiếp tục dùng chanh.

- Thưa bác sĩ, tôi đã có dịp trông thấy người Anh-điêng họ ăn rong biển, thứ rong này ở Royale tôi cũng thấy có. Chắc ở Saint-Joseph cũng phải có thứ rong này.

- Anh đã gợi cho tôi một ý tuyệt hay. Chính tôi cũng đã thấy có một thứ rong gì đấy ở bờ biển. Tôi sẽ cho vớt và phát cho các anh mỗi ngày một ít. Người Anh-điêng họ ăn sống hay đem nấu lên?

- Họ ăn sống.

- Được. Cám ơn. Và nhất là, thưa ông chỉ huy, tôi yêu cầu đừng phạt người này, xin ông cam kết với tôi như vậy.

- Tôi đồng ý, bác sĩ ạ.

Quả là một phép lạ. Cứ tám ngày lại được ra nắng hai tiếng đồng hồ, đợi đến lượt mình khám bệnh hoặc chờ cho những người khác được đưa ra, được trông thấy những gương mặt, được thì thầm với nhau vài câu: trước kia ai mà dám mơ ước những điều kỳ diệu như vậy?

Đây là một sự thay đổi huyền hoặc đối với mọi người, những xác chết đã đứng dậy và bước đi dưới ánh nắng; những con người bị chôn sống ấy nay đã nói lên được đôi lời. Đó là một bình dương khí thổi sự sống vào cơ thể và tâm hồn của mỗi chúng tôi.

Clac, clac, hằng hà sa số những tiếng clac mở tất cả các cửa ngục vào một buổi sáng thứ năm lúc chín giờ. Mỗi người đều phải ra đứng ở ngang ngưỡng cửa phòng giam. Một tiếng gọi: “Các phạm nhân cầm cố! Quan thống đốc đi thanh tra”.

Cùng đi với năm viên sĩ quan của quân đội thuộc địa, chắc hẳn đều những sĩ quan quân y, một người cao lớn, trang nhã, tóc màu hoa râm có ánh bạc, bước chậm rãi dọc hành lang đi qua trước từng khung cửa phòng giam. Tôi nghe tiếng một viên cảnh binh báo cáo cho ông ta biết những hình án nặng và những nguyên do đã dẫn đến nó. Trước khi đi ngang chỗ tôi, họ phải ra lệnh cho một người đứng dậy, vì người này đứng đợi lâu quá đã ngồi thụp xuống. Đó là một trong toán tù vượt ngục ăn thịt người: Gravelle. Một viên sĩ quan nói:

- Ô, tên này chỉ còn là cái xác biết đi!

Quan thống đốc đáp:

- Tình trạng tất cả các tù nhân đều thảm hại.

Đoàn thanh tra đến chỗ tôi. Viên chỉ huy nhà lao nói:

- Người này là tù nhân bị án hình nặng nhất trong nhà lao.

Anh tên gì? - Quan thống đốc nói.

- Charrière.

- Hình án?

- Tám năm vì tội lấy trộm vật tư của nhà nước và giết người, ba cộng năm năm cầm cố, không có phối án.

- Đã ngồi được bao lâu?

- Mười tám tháng.

- Hạnh kiểm ra sao?

- Tốt. - Viên chỉ huy nhà lao nói.

- Sức khỏe ra sao?

- Tạm được, - ông bác sĩ nói.

- Anh có muốn nói gì không?

- Có: cái chế độ cầm cố này là vô nhân đạo và không xứng đáng với một dân tộc như nước Pháp.

- Tại sao?

- Im lặng tuyệt đối, không được đi dạo, và trước đây ít hôm không hề có lễ khám sức khỏe.

- Anh hãy cố gắng có hạnh kiểm tốt, có lẽ anh sẽ được ân giảm nếu tôi còn làm thông đốc.

- Cảm ơn ông.

Kể từ ngày ấy, theo lệnh quan thông đốc và bác sĩ trưởng từ Martinique và từ Cayenne tới, hôm nào chúng tôi cũng được một buổi đi dạo và tắm biển trong một thứ bể bơi giả, có những tảng đá lớn ngăn với biển cho cá mập khỏi vào.

Mỗi buổi sáng cứ đến chín giờ, từng toán tù nhân một trăm người một từ nhà lao cầm cố kéo xuống tắm, mình trần như nhộng. Vợ con của bọn giám thị phải ở nhà, để khỏi thấy cái cảnh lỏa lồ đó.

Chế độ này kéo dài đã được một tháng. Sắc diện của lũ tù đã khác hẳn. Buổi đi dạo giữa nắng, buổi tắm nước mặn, cái quyền được nói mỗi ngày một giờ, đã làm cho bầy tù cầm cố, cái bầy người đau ốm về tinh thần và thể chất ấy, thay đổi tận gốc.

Một hôm tôi đang đi ở các hàng sau trên đường từ chỗ tắm về nhà lao cầm cố, bỗng nghe có tiếng một người đàn bà hét lên thất thanh và hai phát súng lục.

- Cứu với! Cứu với! Con tôi chết đuối mất!

Những tiếng kêu la ấy từ phía bên đưa lại. Bên đây chỉ là một đường dốc xây xi-măng để cho thuyền đậu. Lại nghe tiếng xô xao:

- Cá mập! Cá mập!

Rồi lại hai tiếng súng lục nữa. Trong khi ai nấy đều quay đầu về phía có tiếng kêu cứu và tiếng súng lục, tôi xô một tên lính gác ra, không hề suy tính, và người vẫn trần truồng như thế, tôi



chạy thẳng ra bên. Đến nơi, tôi trông thấy hai người đàn bà đang la hét như điên, cạnh đây có hai tên lính gác và hai thằng A-rập.

- Nhảy xuống đi! - người đàn bà hét. - Nó chưa trôi xa đâu! Tôi không biết bơi, chứ biết thì tôi đã xuống rồi. Hèn nhất cả một lũ!

- Cá mập! Một tên lính gác nói, đoạn lại chĩa súng bắn xuống biển.

Một đứa bé gái mặc chiếc áo dài màu xanh nổi trắng đang trôi lềnh bềnh trên mặt biển, bị một dòng hải lưu yếu đưa từ từ ra xa. Nó trôi thẳng về phía các hải lưu quy tụ lại, vốn là chỗ dùng làm nơi mai táng các phạm nhân, nhưng hãy còn xa mới đến chỗ ấy. Bọn lính gác nổ súng liên tục, và chắc hẳn họ đã bắn trúng nhiều con, vì quanh con bé có những chỗ nước cuộn lên sùng sục.

- Đừng bắn nữa! - tôi quát.

Rồi không suy nghĩ đắn đo, tôi nhảy xuống biển.

Được dòng hải lưu đẩy đi, tôi bơi rất nhanh về phía con bé bấy giờ vẫn nổi lềnh bềnh nhờ cái áo dài căng phồng lên. Tôi vừa bơi vừa đập chân thật mạnh để cho cá mập khỏi đớp trúng.

Tôi chỉ còn cách con bé có ba bốn chục mét thì một chiếc xuống từ đảo Royale vừa chèo ra đến nơi: bên ấy đã nhìn thấy cái cảnh này từ xa. Người trên thuyền vớt đứa bé lên. Tôi ức phát khóc lên được khi đến lượt tôi được kéo lên thuyền, ức đến nỗi quên khuấy cả lũ cá mập: tôi đã liều thân một cách hoàn toàn vô ích.

Nói cho đúng hơn, lúc bấy giờ tôi tưởng là hoàn toàn vô ích, vì một tháng sau, bác sĩ Germain Guibert đã vận động cho tôi được miễn cầm cố vì lý do sức khỏe, và chỉ huy trại đã chuẩn y, coi như đây là một cách thưởng công cho tôi đã liều mình lao xuống biển để cứu đứa bé.